



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Yyryr1030 (Pixabay.com)

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL.2562 (TK. Thích Pháp Tánh), trang 7
- ♦ THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL. 2562 - 2018 (Hội Đồng Giáo Phẩm), tr. 8
- ♦ NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ TÔI YÊU... (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 11
- ♦ CHỨNG MINH VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT (Thích Phước Mỹ), tr. 12
- ♦ HOA SEN TRONG VĂN HÓA PHẬT GIÁO (Thích Hạnh Tuệ), trang 16
- ♦ TÁNH PHẬT (thơ Thích Viên Thành), trang 19
- ♦ ĐI TÌM XUẤT XỨ BÀI KỆ TÁM PHẬT (Sakya Minh Quang), trang 20
- ♦ 4 ĐOÀN KHÚC THIÊN VỊ (thơ Kiều Mộng Hà), trang 24
- ♦ SỰ KIẾN BỒ-TÁT ĐẢN SANH (Phước Nguyên), trang 26
- ♦ TÌNH SÔNG (thơ Nguyên Hậu), tr. 27
- ♦ MỤC ĐÍCH BỒ TÁT HỘ MINH ĐẢN SANH VÀO CÔI TA BÃ (Đức Hạnh), trang 28
- ♦ CẢNH THIÊN (thơ Chúc Hiền), tr. 31
- ♦ PHẬT LÀ ĐẲNG TOÀN GIÁC – Câu chuyện dưới cờ (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ CÁC PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TRONG GIÁO LÝ PHẬT ĐẢ, t.t. – Phật Pháp Thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ CHÙM THƠ LẠP XUÂN (thơ Trịnh Y Thu), trang 35
- ♦ THIÊN LÂM TẾ VÀ PHẬT GIÁO ĐẰNG TRONG, t.t. (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ QUA MÙA, CÂY VÀ NGƯỜI (thơ NT Khánh Minh), trang 38
- ♦ ĐƯỜNG THI: THẾ NÀO LÀ THƠ THIÊN? (Vũ Thế Ngọc), trang 39
- ♦ XỨNG TÁNH TÙY DUYÊN (thơ Tánh Thiện), trang 40
- ♦ VUI THAY MỘNG ĐẸP, RẼM THẮNG TỰ PHẬT RA ĐỜI (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 47
- ♦ KHUNG CỬA MÙA ĐẢN SANH (Kịch nói của Phương Nghi), tr. 48
- ♦ TÂM XÃ LY: MỸ HỌC CỦA GIẢI THOÁT (Nguyễn Giác), trang 51
- ♦ ĐƯỜNG ĐỜI KHÔNG LỐI (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 54
- ♦ TRUYỆN NGẮN TRÂM LINH TÁM CHỮ (Steven N.), trang 55
- ♦ STORY OF SOME BHIKKHUS (Daw Mya Tin), trang 56
- ♦ NẤU CHAY: GÒI XOÀI CHAY (Monchay.com), trang 57
- ♦ CÓ KHI BIÊN LẠNG (Nguyễn Văn Sâm), trang 58
- ♦ CÓ MỘT LOÀI HOA (thơ Mặc Phương Tử), trang 61
- ♦ MỘNG TRUNG NGỘ MỘNG (Huệ Trân), trang 62
- ♦ CHÙA BÁT NHÃ AN VỊ TÔN TƯỢNG QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT VÀ LẠC THÀNH CÔNG TAM QUAN (Nguyễn Thanh Huy), tr. 64
- ♦ KỂ TỪ BAN SƠ (thơ Đồng Thiện), trang 66
- ♦ HẠ ĐỘC LONG VƯƠNG (Tiểu Lục Thân Phong), trang 67
- ♦ GIẢM CHẤT BÉO (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 69
- ♦ CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI (Truyện cổ Phật giáo), trang 71
- ♦ BỤI ĐƯỜNG – chương 6 (Vĩnh Hào), trang 74



Báo Chánh Pháp số 78, tháng 05.2018, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

MÙA SEN

Lá và cành khô đã gãy đổ, giạt theo mặt hồ từ những ngày tàn xuân. Một số cành khác đã mọc rữa từ dưới nước, nhưng vẫn gắng bám rễ nơi sinh lầy, đong đưa những chiếc lá khô teo rúm cho đến khi thực sự bật gốc. Rồi một ngày, hai ngày, rồi nhiều ngày qua đi... khi nắng hạ oi ả nóng bức bắt đầu thiêu đốt những lá khô sót lại cuối mùa, những chồi xanh mơn mớn của lá sen vươn lên; từng lá, từng lá, mở ra tròn đầy, mạnh mẽ như thể đang chuẩn bị bảo vệ, chào đón sự xuất hiện phát tiết của những cành hoa. Và khi lá đủ lớn, màu trở nên xanh thẫm hơn, thì những nụ sen cũng vừa trỗi khỏi mặt nước, đong đưa theo làn gió nhẹ trưa hè.

Thế gian như ao tù vẫn đục. Con người và chúng sinh lặn hụp trong ấy. Mịt mờ bụi đỏ, rêu xanh. Tìm vui trong những trò chơi tạm bợ. Tranh giành những điều vớ vẩn, vu vơ. Tham lam chiếm đoạt của người. Sân hận gieo rắc tai ương cho kẻ khác. Si mê đẩy xô nhau vào những hầm hố của khổ đau và nổi chết. Hầm hờ đốt cả tuổi thanh xuân cho những giấc mộng hảo huyền. Quờ quạng một đời chỉ để vinh danh một cái tôi hay nhiều cái tôi giữa trùng trùng những cái tôi vô minh, điên đảo. Một đời, hai đời, rồi nhiều đời trôi qua... cho đến khi ánh triêu dương bừng lên sau đêm dài đặng đặng u mê, Người đã hạ sinh nơi trần gian mộng mị này.

Không có sự mặc khải của thần linh hay sự ủy thác từ bất cứ quyền năng tối thượng nào, Người đã đến với những bước chân trần của con người, như bao nhiêu người, bao nhiêu sinh loại đã sinh ra nơi đây. Hình thể và tinh thần của Người cũng mượn hợp chất của đất, nước, gió, lửa, tâm thức, không gian, và thời gian trần thế; để từ đó, Người có thể cảm được nỗi thống khổ vô văn của chúng sinh vạn loại. Người đã có ngai vị vững chắc của một vương quốc để trải nghiệm cuộc sống vương giả cao sang; đã bước xuống đời sống dân dã để chia sẻ cơn đói lạnh triền miên của những kẻ bần cùng hạ tiện. Người đã làm con, làm chồng, làm cha, để rung động xót xa về nỗi ly biệt của tình thương. Người đã dãi dầu trải thân dưới những cơn mưa tầm tã, dưới những ngày nắng bỏng cháy rát

thịt da, dưới những đêm sương giá lạnh và những mùa tuyết phủ mênh mang, tê cóng đến tận xương cốt. Rồi một sớm tinh mơ nơi rừng già tịch lặng im vắng, Người đã nhìn ra tất cả sự thực của thế gian, của tất cả vạn loại chúng sanh, của tận cùng vô biên thế giới. Ánh đạo từ đây bùng khai. Chân trần rảo khắp bao vương quốc và lãnh địa xa xôi. Từ hàng đế vương đến người hạ tiện, từ hàng tu sĩ đến kẻ cùng đinh, ai cũng được bình đẳng tiếp nhận và thực hành những sự thực cao cả (1) để vượt thoát khổ đau, đạt đến cảnh giới an vui tuyệt đối.

Lòng tràn ngập niềm hoan hỷ và tri ân sâu xa đối với Đức Phật và giáo pháp vi diệu của Ngài, tự cảm nhận đời mình thật hạnh phúc, quá hạnh phúc! Và cũng thật tuyệt vời khi nhận ra rằng chính mình và tất cả sinh loại nơi trần gian này đều bao hàm phẩm tính cao quý của Như Lai (2). Nghĩa là, không riêng Đức Phật, mà tất cả mọi người đều có khả năng đạt được toàn giác, nếu tri kiến, tư duy, sống và nỗ lực thực hành đúng dẫn theo con đường Ngài đã đi qua.

Người đã một lần sinh ra, đã một lần đi qua cõi này với bước chân trần trụi của một du sĩ không nhà. Dấu chân năm ấy đã phai nhòa đi theo gió bụi trần gian, nhưng âm hưởng còn dội mãi đến ngàn sau. Sinh ra như thế, là bất sinh; đi qua như thế, là bất diệt.

Bầu trời trong vắt khi nắng hạ đầu mùa trở nên vàng hanh, thúc đẩy mầm sống của những gì khô chết, làm bừng lên nhịp sống từ những ao hồ và cánh đồng rộ nở muôn sen. Sinh ra và lớn lên từ nơi sinh lầy ấy, những sen hồng, sen trắng, sen vàng, sen xanh..., khi thời tiết nhân duyên đến, sẽ lần lượt mẫn khai.

- 1) *Tứ Diệu Đế* hay *Tứ Thánh Đế*, là bốn sự thực (chân lý) cao cả — giáo lý cốt lõi được tất cả các truyền thống Phật giáo công nhận là nền tảng giáo pháp của Đức Phật, gồm: Khổ đế (chân lý về thực trạng khổ đau), Tập đế (chân lý về nguyên nhân của khổ đau), Diệt đế (chân lý về sự chấm dứt khổ đau) và Đạo đế (chân lý về con đường chấm dứt khổ đau).
- 2) Là một trong mười danh hiệu dùng để tôn xưng Đức Phật (Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật-Thệ Tôn).

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: Cuộc thi trượt ván tuyết quốc tế mở rộng Dalma do tu sĩ Phật giáo Hàn Quốc sáng lập

Lễ hội Tuyết Mở rộng Dalma lần thứ 15 đã diễn ra trong 2 ngày 1 và 2-3-2019 tại Công viên Phượng hoàng Pyeong Chang. Đây là cuộc thi trượt ván tuyết lâu đời nhất và lớn nhất tại Hàn Quốc.

Lễ hội Tuyết Mở rộng Dalma được thành lập vào năm 2003 bởi Thượng tọa Hosan, một tu sĩ Phật giáo Hàn Quốc. Thượng tọa Hosan, 53 tuổi, hiện nay là sư trưởng của chùa Suguk ở Eunpyeong-gu (phía bắc Seoul). Ông đã làm quen với môn trượt ván tuyết lần đầu tiên vào năm 1995.

Từ những khởi đầu khiêm tốn, giải Dalma mở rộng đã phát triển về danh tiếng và tính phổ biến, và bây giờ được bảo trợ bởi tông phái Phật giáo Hàn Quốc Jogye – một trường phái của Phật giáo Seon và là truyền thống lớn nhất của Hàn Quốc – cùng với bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng Thể thao quốc gia và Hiệp hội Trượt tuyết Hàn Quốc.

(Buddhistdoor Global – March 16, 2018)



*Thượng tọa Hosan biểu diễn kỹ năng trượt ván vào năm 2007
Photo: Korea Times*



*Phòng tổ chức lễ hội Tuyết Dalma mở rộng (Hàn Quốc)
Photo: Google*

THÁI LAN: Hội thảo của “Đối thoại giữa Hồi giáo và Phật giáo” lần thứ ba

Hội thảo lần thứ ba của “Đối thoại giữa Hồi giáo và Phật giáo: Quan điểm liên tôn giáo về Lòng nhân đạo” đã được tổ chức trong 2 ngày 15 và 16-3-2018 tại trường Đại học Thái Chulalongkorn và Khách sạn Di sản ở Bangkok.

Sự kiện này là một sáng kiến của văn phòng phụ trách văn hóa của Đại sứ quán Iran tại Thái Lan, được tổ chức với sự hợp tác của Đại học Chulalongkorn và một số nhóm Hồi giáo địa phương.

Hội thảo có sự tham dự của đại diện Bộ trưởng bộ Văn hóa Thái, một số tu sĩ Phật giáo từ Miến Điện và Tích Lan và một số quan chức Iran. Những người tham gia hội thảo giữa Phật giáo và Hồi giáo đã nhấn mạnh vai trò của các vị lãnh đạo tôn giáo trong việc thúc đẩy hòa bình trên toàn thế giới.

Họ kêu gọi tiếp tục đối thoại tôn giáo, đặc biệt là đối thoại giữa Hồi giáo và Phật giáo.

(irna.ir – March 17, 2018)



*Hình ảnh hội thảo “Đối thoại giữa Hồi giáo và Phật giáo” lần thứ ba tại Bangkok, Thái Lan
Photo: IRNA*

HÀN QUỐC: Hơn 70,000 người ngoại quốc đã trải nghiệm các chương trình Ở lại Chùa trong năm 2017

Con số người nước ngoài trải nghiệm các chương trình Ở lại Chùa tại Hàn Quốc đã tăng hơn ¼ vào năm 2017, so với năm 2016.

Tổng cộng có 70,910 người ngoại quốc đã tham gia các chương trình Ở lại Chùa do Tông phái Tào Khê của Phật giáo Hàn Quốc tổ chức vào năm ngoái.

Con số này cho thấy mức tăng 27% so với năm 2016.

Tổng số người bản xứ tham gia kể từ khi Tông phái này khởi động chương trình ở lại chùa đã đạt 3.97 triệu người. Du khách ngoại quốc lên đến 495,000 người.

Tông phái Tào Khê hiện đang điều hành các chương trình ở lại chùa tại 130 ngôi chùa trên toàn quốc. Trong số này có 26 chùa được chuyên biệt hóa dành cho khách nước ngoài bằng cách cung cấp các dịch vụ dịch thuật.

(Yonhap – March 16, 2018)



Những người tham gia một chương trình ở lại chùa ở chùa Jingwansa, tây Seoul, vào năm 2017—Photo: Yonhap

HOA KỲ: Tổ chức Liên minh Phật giáo Bắc Mỹ đoạt giải thưởng Lenz Foundation

Seattle, Hoa Kỳ - Giải thưởng Frederick P. Lenz Foundation dành cho Phật giáo Hoa Kỳ đã trao cho tổ chức Liên minh Phật giáo Bắc Mỹ (NABA) khoản tài trợ trị giá 9,000 usd để tiếp tục công việc của mình về công bằng chủng tộc tại các cộng đồng Phật giáo Bắc Mỹ.

Có trụ sở tại thành phố Seattle, bang Washington, NABA được lãnh đạo bởi các phụ nữ và những người da màu Phật giáo. Tổ chức này hy vọng nâng cao tầm nhận thức về chủng tộc cho ít nhất 3,000 Phật tử tại Hoa Kỳ trong năm nay.

Với sự tăng vọt của các cuộc thảo luận tại Hiệp hội Đạo pháp vùng Tây bắc Hoa Kỳ, NABA là một tổ chức phi lợi nhuận và là tổ chức đầu tiên của loại này có cố gắng thống nhất các cuộc thảo luận Phật giáo từ các cộng đồng trên khắp lục địa này. Họ hướng đến việc phát triển giao tiếp, hợp tác và thảo luận vượt qua những sự phân chia giáo phái tại Bắc Mỹ.

(Buddhistdoor Global - March 19, 2018)



*Biểu trưng của Liên minh Phật giáo Bắc Mỹ (NABA)
Photo: buddhistdoor.net*

TRUNG QUỐC: Khám phá bản dịch kinh của Xuanzang, nhà sư thời nhà Đường

Các nhà khảo cổ học khai quật hang động Tân Khai ở vùng Uyghur, Tân Cương, đã công bố việc khám phá một mảnh rách lớn của một văn bản cổ được cho là một bản sao của Kinh Bát nhã Ba la Mật đa Tâm kinh (Mahaprajnaparamita) do nhà sư thời nhà Đường (618-907) tên là Xuanzang (Huyền Trang) và các phụ tá của ông dịch sang tiếng Hán.

Đội khảo cổ đã khai quật một mảnh bản thảo lớn, kích thước khoảng 20 cm x 18 cm, có ghi một đoạn kinh Phật bằng tiếng Hán. Các nhà khảo cổ cho biết mặc dù đã trải qua nhiều thế kỷ, văn bản quý hiếm này còn nguyên được 70%.

Văn bản nói trên rõ ràng là đã do một chuyên gia lành nghề viết, vì các chữ được viết một cách cẩn thận và rất đẹp mắt.

Ngoài ra còn có hơn 150 mảnh rách của các bản thảo chép kinh khác cũng đã được khai quật tại địa điểm này.

(Buddhistdoor Global - March 20, 2018)



*Mảnh bản thảo từ Kinh Bát nhã Ba la Mật đa Tâm kinh được khám phá tại hang động Tân Khai, Tân Cương
Photo: ecns.cn*

*Hang động Phật giáo Tân Khai ở Tân Cương
Photo: bjreview.com.cn*



ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Từ Tế gửi 18,900 chăn mền dự phòng cứu trợ đến Phi Luật Tân

Đài Bắc, Đài Loan - Ngày 23-3-2018, Hội Từ thiện Phật giáo Từ Tế cho biết đã gửi 18,900 tấm chăn đến Phi Luật Tân để dự phòng cho nhu cầu của nguồn mặt hàng này trong mùa bão năm nay. Hội này đang giúp Phi Luật Tân dự trữ chăn mền trong kho phòng khi các trận bão lớn và các thiên tai khác xảy ra tại đất nước này và khiến người dân phải rời bỏ nhà cửa.

Số chăn mền nói trên được làm từ chai nhựa PET tái chế.

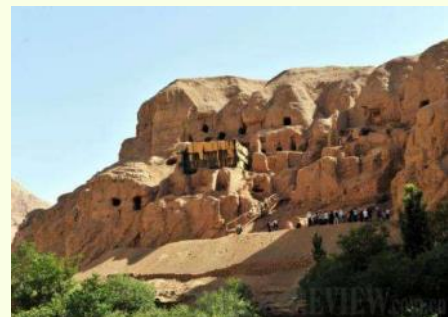
12 viên chức từ Văn phòng Kinh Tế và Văn hóa Manila (MECO) của Phi Luật Tân tại Đài Loan đã giúp hội Từ Tế đóng gói chăn mền vào thùng trước khi gửi đi.

Ông Carlo Aquino, phó đại diện của MECO, nói rằng những tấm chăn này sẽ rất hữu ích, đặc biệt đối với người nghèo.

(Focus Taiwan - March 23, 2018)



*Chăn mền cứu trợ của Hội Phật giáo Từ Tế Đài Loan được gửi đến Phi Luật Tân
Photo: Hội Từ Tế*



PAKISTAN: Mở lại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Quốc tế tại thủ đô Islamabad

Islamabad, Pakistan - Trung tâm Văn hóa Phật giáo Quốc tế tọa lạc trong Khu Ngoại giao ở thủ đô Islamabad được tân trang gần đây đã được tái khánh thành bởi Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena. Tổng thống Sirisena đang thăm Pakistan 2 ngày - để đáp lại lời mời chính thức của Tổng thống Pakistan Mamnoon Husain - đến Trung tâm Phật giáo Quốc tế Islamabad, vốn là đền thờ Phật giáo duy nhất còn lại tại thủ đô của Pakistan.

Tổng thống Tích Lan Sirisena đã tham gia các nghi thức tôn giáo và đi tham quan các cơ sở của trung tâm. Sau bài pháp giảng, thăm vấn ngắn được dời đi, và Trung tâm Văn hóa Phật giáo được mở cửa lại.

Các vị chức sắc Phật giáo Tích Lan và các Đại sứ, Cao ủy, đại biểu các nước Phật giáo Nepal, Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc và Mã Lai đã tham dự sự kiện này.

(NEWS.LK - March 25, 2018)



*Tái khánh thành Trung tâm Văn hóa Phật giáo Quốc tế tại thủ đô Islamabad
Photo: NEWS.LK*

NEPAL: Đổi mới tại thánh địa Lâm Tì Ni

Mặc dù thực tế là nơi dẫn sinh thiêng liêng của Đức Phật và là một điểm đến hành hương cho Phật tử và những người khác từ khắp nơi trên thế giới, Lâm Tì Ni vẫn chưa được phát triển như mong đợi. Nguyên nhân là do việc chính trị hóa và tham nhũng trong Tổ chức Phát triển Lâm Tì Ni

(LDT) trong những thập kỷ qua.

Bây giờ tăng sĩ Sudarshan Mahasthvir đã tiếp nhận quyền lãnh đạo LDT, và ông đã thực hiện một số thay đổi. Sau khi được đề nghị rằng nên có một khoản phí vào cửa tham quan Chùa Maya Devi, sư Sudarshan đã kịch liệt phản đối việc này. Cuối cùng người ta đồng ý rằng chỉ du khách ngoại quốc mới phải trả Rs200 mỗi người, còn người Nepal thì vào cửa miễn phí.

Năm ngoái, có hơn 1.5 triệu du khách viếng Lâm Tì Ni - với hơn 80% trong số này đến từ Nepal.

Nhiều địa điểm hành hương Phật giáo nổi tiếng trên khắp thế giới không thu lệ phí vào cửa, kể cả Bồ đề Đạo tràng ở Ấn Độ.

Việc loại bỏ lệ phí ngay cả đối với người nước ngoài cũng có thể làm gia tăng dòng người hành hương, và gián tiếp mang lại lợi ích cho nền kinh tế địa phương bằng nhiều cách. Rõ ràng rằng không nên chỉ xem những khoản lệ phí là thu nhập của những thánh địa như Lâm Tì Ni.

(Nepali Times - March 26, 2018)



*Chùa Maya Devi tại Lâm Tì Ni
Photo: Nepali Times*

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma sẽ bắt đầu các sự kiện 'Cảm ơn Ấn Độ' kéo dài một năm

Đánh dấu năm thứ 60 sống lưu vong tại Ấn Độ, Đức Đạt lai Lạt ma sẽ bắt đầu các sự kiện 'Cảm ơn Ấn Độ' kéo dài một năm vào ngày 31-3-2018.

Chính quyền Trung ương Tây Tạng sẽ tổ chức một sự kiện công cộng tại chùa

Tsuglagkhang, Dharamsala, vào ngày 31-3, và các quan chức Ấn Độ cũng sẽ tham dự sự kiện này.

Trong một tuyên bố, Thủ tướng Tây Tạng lưu vong Losang Sangay nói rằng Tây Tạng liên kết chặt chẽ với Ấn Độ thông qua địa lý, lịch sử, văn hóa và tinh thần. Ông nói "cuộc đấu tranh Tây Tạng được 'Làm tại Ấn Độ', và rằng "thành công của cuộc đấu tranh Tây Tạng sẽ là câu chuyện thành công của Ấn Độ".

Thủ tướng Sangay nói: "Ngày nay, Đức Đạt lai Lạt ma là vị đại sứ tốt nhất cho các giá trị Ấn Độ về bất bạo động, không sát sinh và hòa hợp liên tôn giáo, và cho việc truyền bá các giá trị cơ bản của con người: từ bi và nhân ái".

(news18.com - March 27, 2018)



*Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: news18.com*

HÀN QUỐC: Ngày Phật Đản tại Seoul: Lễ hội Đèn lồng 1,200 năm tuổi

Trong dịp lễ Phật Đản, Lễ hội Đèn lồng sẽ được tổ chức vào tháng 5 tới đây tại trung tâm thành phố Seoul, Hàn Quốc. Đây không chỉ là Lễ hội lớn nhất thế giới của loại này, mà còn là một trong "10 lễ hội tuyệt vời nhất thế giới trong năm 2018".

Một trong những điểm nổi bật của lễ hội 1,200 năm tuổi này là cuộc Diễu hành Đèn lồng, diễn ra vào ngày 12-5-2018. Trong suốt cuộc diễu hành, hơn 100,000 đèn lồng và hoa đăng sẽ di chuyển qua đám đông công chúng dự khán.

Vào ngày hôm sau, một sự kiện văn hóa khác sẽ diễn ra

tại Chùa Jogyesa: Hơn 100 gian hàng sẽ cung cấp cho du khách một cơ hội để trải nghiệm nền văn hóa Hàn Quốc, như làm hoa sen, đèn lồng và đồ gốm truyền thống, và vẽ các hoa văn Phật giáo và tranh dân gian. Ngoài ra còn có các chương trình thiền định và các buổi trình diễn truyền thống, cùng với đồ chay được phục vụ cho những người tham gia.

(Tipitaka Network – March 28, 2018)



*Cuộc diễu hành Đèn lồng hàng năm tại Seoul, Hàn Quốc
Photo: travelpulse.com*

PAKISTAN: Tokar-Dara: Di tích khảo cổ tại Swat cần sự quan tâm của chính phủ và ngành khảo cổ

Ở giữa một thung lũng nhỏ gần Swat có phế tích của một tu viện Phật giáo, vốn đã trở thành trung tâm của sự chú ý đối với nhiều du khách đến từ khắp nơi trên thế giới. Đó là Tu viện Phật giáo Tokar-Dara ở Nijigram, gần Tehsil Barikot.

Tu viện Tokar-Dara có một trong những kiến trúc cổ xưa nhất, bao gồm các mái vòm và nhiều tòa nhà khác.

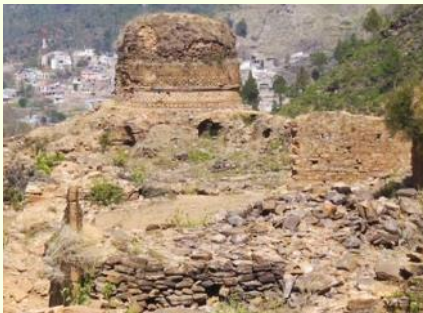
Theo các nhà khảo cổ học, những bảo tháp cổ đại này đã 2,200 năm tuổi. Được xây dựng vào thế kỷ thứ 1, các công trình này gồm một tháp chính lớn, một hội trường, một hạng động, một đường ống dẫn nước và một khu dân cư.

Tuy nhiên, các cấu trúc nói trên đang dần dần sụp đổ và mất đi hình dạng nguyên thủy của chúng do sự thờ ơ của chính phủ và ngành khảo cổ học.

(Tipitaka Network – April 3, 2018)



Khu di tích khảo cổ Tokar-Dara (Pakistan)



Photos: Dunya News & Screengrab

ÚC ĐẠI LỢI: 'Sư giả' lại hoạt động tại Úc

Một nhóm đàn ông bất lương ăn mặc như những tu sĩ Phật giáo đang lừa gạt những người Úc cả tin trong một trò lừa đảo quen thuộc.

Những kẻ đầu cạo trọc và mặc áo choàng màu cam này xin tiền cúng dường, đôi khi gạ bán các món hàng tôn giáo giả mạo.

Theo tín ngưỡng Phật giáo, các nhà sư chân chính không được phép hỏi xin tiền.

Cảnh sát đã nói với 2 trong số những kẻ này tại khu vực trung tâm thành phố Perth và xác định rằng bọn họ không làm việc cho một tổ chức từ thiện hợp pháp, mà thực ra lại ở Úc theo thị thực du lịch từ Trung Quốc.

Kiểu lừa đảo này đã diễn ra từ nhiều năm nay, điển hình là tại các thành phố lớn của Úc như Melbourne và Sydney.

Nhưng nó xảy ra trên khắp thế giới, bao gồm các thành phố du lịch lớn như Luân Đôn và Nữ Ước, cũng như tại các nước khác nhau ở Đông Nam Á.

(NewsNow – April 2, 2018)

Tượng cổ Phật giáo bị đánh cắp đã trở về với Nepal Photos: AFP



*Một sư giả 'hoạt động' tại Sydney, Úc Đại Lợi
Photo: smh.com.au*

NEPAL: Bảo tàng New York trả lại cho Nepal 2 tượng Phật giáo và Ấn giáo cổ bị đánh cắp

Ngày 4-4-2018, Bảo tàng Nghệ thuật Thành phố New York (Met), Hoa Kỳ, đã trao trả cho Nepal 2 thần tượng quý hiếm vốn bị đánh cắp từ đất nước này.

Hai tượng nói trên - gồm một tượng Đức Phật và một tượng chạm khắc hình thần Shiva và nữ thần Parvati của Ấn giáo - đã bị đánh cắp khỏi Nepal vào thập niên 1980 và vào tay các nhà sưu tập tư nhân.

Năm 1983, Met được tặng bức thần Shiva thuộc thế kỷ thứ 11, còn tượng Phật có niên đại khoảng 700 năm do một nhà sưu tập tư nhân tặng bảo tàng này vào năm 2015.

Sau khi biết được đây là 2 tượng bị đánh cắp, bảo tàng Met đã ngưng trưng bày và trả lại cho Nepal.

Bây giờ các tượng nói trên sẽ được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Nepal ở thủ đô Kathmandu.

(AFP – April 4, 2018)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
Vietnamese American United Buddhist Congregation
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALI
Vietnamese Buddhist Community of Southern Calif

BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2562-Buddha's Birthday Festival-Buddhist Year 2562
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 Tel.: (714) 571-0473 (714) 638-4946

THƯ CUNG THỈNH

Chứng Minh, Tham Dự Đại Lễ Phật Đản PL 2562 – DL 2018
Thứ Bảy ngày 05 tháng 05 và Chủ Nhật ngày 06 tháng 05 năm 2018

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Quý vị Lãnh Đạo Tinh Thần tôn giáo bạn, chư Tôn Đức Tăng, Ni, quý vị Đại Diện các Đoàn Thể Hội Đoàn, Các Cơ Quan Truyền Thông, quý đồng Hương Phật tử.

Kính thưa quý vị:

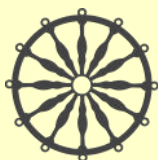
Lại một lần nữa, chúng ta thành kính tưởng niệm ngày Đức Thế Tôn thị hiện vào đời, đem hương vị giáo pháp giác ngộ, giải thoát đến cho con người, chư thiên và vạn loài chúng sinh trong pháp giới. Hương vị giáo pháp đó đã làm thăng hoa cuộc sống thánh thiện của con người, đã trang trải tình yêu thương, lòng từ bi đến cho tất cả, để từ đó giá trị sống đích thực hòa bình được thiết lập trên thế giới hôm nay. Để đón mừng ngày đản sinh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và các Tự Viện tại Miền Nam California, sẽ long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562 vào ngày thứ bảy 05 tháng 05 từ 3 giờ chiều đến 8 giờ tối và chủ nhật 06 tháng 5 năm 2018 từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối tại Mile Square Regional Park, thành phố Fountain Valley, Orange County, California, Hoa Kỳ.

Ban Tổ Chức thành tâm cung thỉnh chư Tôn Đức Tăng Ni, quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo bạn, và trân trọng kính mời quý vị Đại Diện các đoàn thể và Hội Đoàn, các cơ quan truyền thông, quý Đồng Hương Phật tử hoan hỷ quang lâm về đạo tràng Mile Square Park để chứng minh và tham dự Chương Trình Đại Lễ Phật Đản. Phật lịch 2562 nói trên.

Thành tâm đánh lễ, kính chúc quý ngài và quý vị pháp thể trang nghiêm, đạo quả viên thành.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

Santa Ana, ngày 25 tháng 3 năm 2018
T.M. Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562
Trưởng Ban: **Tỳ Kheo Thích Pháp Tánh**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM

CHÁNH VĂN PHÒNG

704 East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN P.L. 2562 - 2018

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiền đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ, Cư Sĩ, Phật tử,

Cộng đồng Phật Giáo Việt nam tại nước Mỹ không phải chỉ hành lễ Phật Đản trong một ngày, mà chúng ta có một mùa Phật Đản kéo dài hơn tháng. Điều ấy cho thấy nơi châu lục này cần khế thời và thuận lý để Phật giáo, một tôn giáo rất con xa lạ nơi đây, làm sao được chấp nhận và phát triển.

Niềm hoan hỷ vô biên của người đệ tử Phật là tự thân mình tỏa ra Phật chất để cảm hóa người quanh ta. Từ đó giúp họ trở nên người Phật tử mới. Hiện nay các tự viện và hàng cư sĩ của chúng ta đã độ được nhiều người Mỹ. Công đức này lớn lao biết bao trong việc hoằng truyền Phật đạo nơi Châu lục Bắc Mỹ. Cúi xin đức Thế Tôn chứng giám và độ trì, chúng con nguyện một lòng sống Đạo và làm sáng Đạo nơi quê hương mới. Đây cũng là phẩm vật cao quý cộng đồng Phật Giáo Việt chúng con xin dâng lên cúng dường đức Thế Tôn trong mùa Phật Đản năm nay.

Làm sao cả nước Mỹ biết ngày Phật Đản là một Phật sự nhiều thách đố. Trong nhiều năm qua, các cộng đồng Phật giáo đã ưu tư ngày này nhưng số lượng tín đồ của chúng ta trên toàn nước Mỹ quá ít ỏi. Vì vậy, chính quyền Liên Bang đầu thế công nhận ngày này là ngày lễ của quốc gia. Hy vọng năm mươi năm nữa, ngày Phật Đản là ngày Lễ của nước Mỹ. Trong mùa Phật Đản năm nay, chúng ta cùng suy gẫm một ngày Phật Đản của dân Mỹ và nước Mỹ trong mai sau. Xin các vị tri thức Phật tử giúp cho ước nguyện này của Tăng Tín Đồ Phật Giáo được thành tựu.

Mùa Phật Đản là mùa chúng ta làm hưng khởi màu sắc Phật giáo qua nhiều hình thức khác nhau. Do vậy, năm nay xin các tự viện kêu gọi: a) Phật tử dán hình Phật Đản Sanh khổ 5 x 7 hay 8 X 11 bằng giấy lên kiếng xe; b) Vận động mọi tầng lớp tham dự lễ Phật Đản nơi các tự viện và những lễ Phật Đản chung; c) Thể hiện tinh thần Phật Đản linh động và điều dụng nơi tư gia, nơi sở làm... Một trong những xót xa là con em chúng ta lớn lên ở Mỹ, nhưng đa số đã không biết gì về ngày Đản Sanh của Phật cho dù các cháu sinh ra trong một gia đình Phật giáo thuần thành. Chúng ta thường đọc câu sám nguyện hàng tuần rằng, "*Dù phải chịu muôn ngàn gian khổ, con giốc lòng vì Đạo hy sinh.*" Hỡi những người đệ tử Phật, chúng ta cùng siết chặt tay nhau đứng lên giữa muôn trùng gian khổ nơi đất Mỹ để quang huy Phật Đạo.

Mỗi mùa Phật Đản đến, không chỉ để tổ chức lễ mừng mà chúng ta cùng suy nghiệm về Giáo Pháp, con đường thực tập và hoằng truyền trên đất Mỹ. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin nhất tâm đánh lễ tri ân tất cả chư tôn đức Tăng Ni và tán thán lòng nhiệt thành của quý Thiện Tín đã đóng góp lớn lao cho sự duy trì và phát triển nền Phật giáo Việt trên đất Mỹ. Cúi xin chư Tổ, hồn thiêng đất Việt độ trì cho chúng con, đàn chim Việt lưu vong trên quê hương mới.

California ngày 13 tháng 04 năm 2018 - Phật Lịch 2562

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thăng Hoan

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

(tiếp theo)

16.- PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG:

Kinh Pháp Hoa chia làm hai phần: phần Tích Môn và phần Bốn Môn. Phần Tích Môn là phần trình bày dấu tích có tính cách lịch sử của các đức Phật phương tiện thị hiện ra đời trong thời gian nhất định để hóa độ chúng sanh, như đức Phật Thích Ca thị hiện ra đời tại nước Ca Tỳ La Vệ trong thời gian 80 năm để hóa độ chúng sanh và sau đó nhập Niết Bàn nên gọi là Tích Môn. Phần Bốn Môn là phần trình bày Pháp Thân Thường Trú thanh tịnh thuộc bản thể chân thật bất diệt của các đức Phật trong Pháp Giới Tánh, như Pháp Thân Thường Trú của Phật Đa Bảo thị hiện an tọa trong Tòa Bảo Tháp. Pháp Thân Thường Trú thanh tịnh bất diệt đây không có khái niệm thời gian, không có khái niệm không gian và cũng không có khái niệm số lượng tuổi tác nên gọi là Bốn Môn.

Trong Kinh Pháp Hoa, từ phẩm 1 đến phẩm 14 thì thuộc về phần Tích Môn và từ phẩm 15 đến phẩm 28 thì thuộc về phần Bốn Môn.

Đức Phật Thích Ca cho đến các đức Phật trong mười phương đều có ba thân thì không khác nào chúng sanh phàm phu cũng có ba thân: Nhục Thân (Thân thể bằng xác thịt), Thức Thân (Thân thể bằng Nghiệp Tướng) và Pháp Thân. Thức Thân là thân thể bằng tâm thức thường hiện hữu trong nhục thân và thân này được thấy sinh hoạt trong mộng mơ. Riêng Pháp Thân nơi các hữu tình tức là chỉ cho Phật Tánh của mỗi chúng sanh.

Pháp Thân của đức Phật Thích Ca là bản thể chân như thường hằng bất biến, không có vấn đề sanh diệt, tăng giảm, cấu tịnh, phát nguồn từ Tạng Như Lai, bao trùm cả Pháp Giới Tánh, bao trùm cả Báo Thân Thường Trú và bao trùm cả Ứng Hóa Thân của ngài. Pháp Thân đây là thuộc về Bốn Môn và đức Phật

Thích Ca đã chứng được từ khi ngài thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức Na Do Tha (*) Kiếp về trước.

Ứng Thân là thân ảnh hiện trong thời điểm nào đó để cảm ứng sự hạnh nguyện thành tín của một chúng sanh, còn Hóa Thân như thân của đức Phật Thích Ca hóa sanh là thân phương tiện thị hiện giáng sanh nơi cung vua dòng họ Thích, ngồi đạo tràng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong thời gian 50 năm hóa độ chúng sanh thì thuộc về Tích Môn quyền hiện. Ứng Hóa Thân thì có khái niệm thời gian và không gian, như Hóa Thân của đức Phật Thích Ca có khái niệm thời gian (trước Công Nguyên 544 năm), có khái niệm không gian (tại nước Ca Tỳ La Vệ thuộc Ấn Độ) và có khái niệm số lượng tuổi tác là thọ mạng được 80 tuổi. Ứng Hóa Thân này cũng được thể hiện từ Báo Thân thanh tịnh của đức Phật Thích Ca.

Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16 là đức Phật Thích Ca Thế

Tôn hiển bày Bốn Môn và Tích Môn nhằm mục đích phá kiến chấp quan niệm sanh diệt của hàng Nhị Thừa để khai thị Pháp Thân Thường Trú thanh tịnh bất diệt của các đức Phật trong mười phương.

Hàng phàm phu và Nhị Thừa chỉ thấy và biết được Hóa Thân của đức Phật Thích Ca thị hiện nơi dòng họ Thích, nước Ca Tỳ La Vệ thuộc Tích Môn mà tuyệt nhiên không thể nào thấy và biết được Pháp Thân Thường Trú thanh tịnh bất diệt của ngài nơi Bốn Môn. Điều đó được nói lên trong phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16. Trong phẩm này, Bồ Tát Di Lặc thay mặt đại chúng hỏi rằng: "Tại sao Phật Thích Ca đấng đạo chẳng được bao lâu mà đã giáo hóa được vô lượng Bồ Tát như thế?"

() NA DO THA: là một ức, tức là mười vạn của Trung Quốc.*



Đức Phật Thích Ca đáp rằng: "Ta thiết thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức Na Do Tha ⁽¹⁾ về trước". Pháp Thân Thường Trú của đức Phật Thích Ca sống lâu không thể nghĩ bàn. Pháp Thân này của đức Phật Thích Ca không có vấn đề sanh ra hay diệt độ. Vì hạnh nguyện độ tha nên Pháp Thân Thường Trú của đức Phật Thích Ca nhờ đến Báo Thân thanh tịnh của ngài, phương tiện thị hiện ra nhiều Ứng Hóa Thân với thân tướng khác nhau, tuổi tác khác nhau, ngôn ngữ khác nhau trong các cõi không giống nhau đều là tùy duyên để hóa độ chúng sanh. Ứng Hóa Thân của đức Phật Thích Ca thị hiện vì nhu cầu hóa độ chúng sanh và không phải do nhân duyên nghiệp báo sanh ra. Thân tướng của đức Phật Thích Ca giáng trần nơi nước Ca Tỳ La Vệ cũng thế, nghĩa là cũng do Hóa Thân thị hiện để độ sanh và Hóa Thân không phải do vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia sanh ra. Chẳng những thế, Ứng Hóa Thân thuộc Tích Môn cũng không có vấn đề "diệt độ hay không diệt độ", chỉ có "thị hiện hay không thị hiện" mà thôi. Ứng Hóa Thân thị hiện để độ sanh thì gọi là sanh ra và đến khi mãn nguyện rút lui thì gọi là diệt độ. Con người cũng vậy, Ngũ Uẩn tác dụng duyên với nhau gọi là sanh ra và Ngũ Uẩn hết duyên rút lui gọi là chết đi. Thật ra Ngũ Uẩn không có vấn đề sống hay chết, chỉ có tác dụng hay không tác dụng mà thôi. Vấn đề này cũng giống như ánh sáng điện không phải do bóng đèn sanh ra và ánh sáng điện này là do dòng điện tác dụng hiện ra. Cũng từ độ ánh sáng điện không có vấn đề bị tiêu diệt. Ánh sáng điện sẽ bị tắt mất là do dòng điện không còn tác dụng chiếu soi thêm nữa. Người đời khi thấy Hóa Thân của đức Phật Thích Ca không còn hiện hữu ở trần gian thì cho rằng đức Phật Thích Ca đã diệt độ hay vào Niết Bàn, nhưng thực sự ngài không có diệt độ hay vào Niết Bàn, nguyên vì ngài còn thị hiện ở những cõi khác để tiếp tục hóa độ chúng sanh.



Đức Phật Thích Ca nói với đại chúng rằng: "Ngài sẽ diệt độ hay sẽ vào Niết Bàn?" là dùng trí phương tiện để độ sanh. Nguyên do đức Thế Tôn nếu như ở lâu trong đời thì các đệ tử căn hạ trí của ngài ý lại có bốn sự bên mình nên sanh tâm lười biếng, trễ nãi trong việc tiến tu đạo nghiệp. Nay nghe đức Thế Tôn sắp diệt độ hay sắp vào Niết Bàn liền khởi ý tưởng khó gặp được đức Như Lai, nên sanh tâm luyến mộ, khát ngưỡng đức Như Lai và chuyên cần tu tập, cố gắng vun trồng hạt giống Bồ Đề. Vì lý do đó, đức Phật Thích Ca mới tuyên bố: "Ngài sắp diệt độ hay sắp vào Niết Bàn", nhưng Pháp Thân Thường Trú của đức Phật Thích Ca thật ra sống

lâu vô lượng vô biên và thọ mạng của ngài không có vấn đề diệt độ hay vào Niết Bàn. Cho đến Ứng Hóa Thân của ngài cũng không có vấn đề sanh diệt độ hay không sanh diệt và chỉ có vấn đề thị hiện độ sanh hay không thị hiện độ sanh mà thôi. Đây là yếu chỉ của Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16.

17.- PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC:

Sau khi nghe đức Thế Tôn thuyết phẩm Như Lai Thọ Lượng, vô số Bồ Tát trong vô lượng quốc độ sanh một niệm tín giải nên được công đức không thể nghĩ bàn, có những vị chứng được "Vô Sanh Pháp Nhân" (có trí lực nhận biết thực thể không sanh của các pháp nên được giải thoát), có những vị chứng được "Văn Trì Đà La Ni" (nghe pháp đều có thể nhớ hiểu tất cả không thiếu sót), có những vị chứng được "Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài" (có tài hùng biện thuyết pháp một cách thông suốt không bị ngăn ngại), có những vị chứng được "Triền Đà La Ni" (trói buộc tất cả phiền não, chặn đứng không cho phát sanh), có những vị chứng được "Pháp Luân Bất Thối" hoặc "Pháp Luân Thanh Tịnh" v.v... không thể nghĩ bàn.

Một niệm tín giải có giá trị như thế nào mà đạt được vô lượng công đức không thể nghĩ bàn? Theo Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hành giả nào vì quả Vô Thượng Bồ Đề có công đức hành trì năm pháp Ba La Mật, trừ pháp Ba La Mật thứ sáu, trải qua 80 muôn ức Na Do Tha kiếp so sánh không bằng một phần công đức sanh một niệm tín giải Pháp Thân Thường Trú thọ lượng của Như Lai. Chỉ sanh một niệm tín giải Pháp Thân Thường Trú thọ lượng của Như Lai còn có công đức lớn như thế huống hồ lại hành trì thêm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì có công đức thật khó lường được. Thế nào là một niệm giải?

Một niệm là chỉ cho tâm niệm chuyên nhất. Tâm niệm chuyên nhất chính là nhất tâm hay định tâm. Chữ Một được dịch từ chữ Nhất và chữ Niệm được chuyển từ chữ Tâm Niệm, vì thế một Niệm ở đây là chỉ cho nhất tâm hay định tâm. Một Niệm còn có nghĩa là Niệm Lực, một trong năm Lực (Tín Lực, Tấn Lực, Niệm Lực, Định Lực và Huệ Lực). Tâm Niệm không phải chỉ cho Ý Thức niệm. Ý Thức niệm khác hơn Tâm Niệm. Tâm Niệm phát sanh từ nơi tâm định và Ý Thức niệm phát sanh từ nơi tâm loạn. Khi ngồi thiền Ý Thức của hành giả đầu có muốn phân tâm, nhưng tâm của hành giả một khi bị phân loạn thì Ý Thức của hành giả của chịu thua, nghĩa là cũng niệm theo tâm loạn, Như vậy, Tâm Niệm ở đây không phải chỉ cho Ý Thức niệm. Tâm Niệm bằng thiền định chuyên

nhất là niệm thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa. Ngược lại, Ý Thức niệm thì chỉ có khả năng hiểu biết hình tướng và chữ nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa, nhưng hình tướng và chữ nghĩa của Diệu Pháp Liên Hoa không phải là thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa. Thể Tánh Chân Như của Diệu Pháp Liên Hoa thí dụ như mặt trăng và hình tướng chữ nghĩa của Diệu Pháp Liên Hoa thí dụ như ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay chỉ mặt trăng không phải là mặt trăng, nhưng nếu như không có ngón tay chỉ hướng thì không thấy được mặt trăng. Không khác nào hình tướng và chữ nghĩa của Diệu Pháp Liên Hoa không phải là thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa, nhưng nếu không có hình tướng và chữ nghĩa trợ duyên thì không thể ngộ nhập được thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa. Người trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa hay tụng các kinh khác cũng phải đúng như pháp, nghĩa là cũng phải niệm bằng Tâm mà đừng niệm bằng Ý Thức. Hành giả nếu như niệm bằng Ý Thức thì không được linh cảm bằng tâm niệm. Cũng như hành giả rất giỏi tiếng Anh, Khi tranh luận với người Mỹ, hành giả lúc đó nói tiếng Anh bằng Tâm niệm và không phải nói tiếng Anh bằng Ý Thức niệm. Nguyên vì trong lúc nói tiếng Anh, hành động không để ý tìm chữ mà vẫn nói không sai. Hành giả nói tiếng Anh bằng Tâm niệm gọi là Một Niệm (tâm niệm chuyên nhất).

Tín giải nghĩa là sử dụng Tín Lực để giải bày nguyên lý Diệu Pháp Liên Hoa. Hành giả trước hết sử dụng Huệ Lực để chiếu soi thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa, kể đến sử dụng Niệm Lực để niệm thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa và sau cùng sử dụng Tín Lực để giải bày nguyên lý của Diệu Pháp Liên hoa. Tín Lực này là một trong năm Lực do tín tâm kiên cố (Tín Cấn) giải bày và nỗ không phải do Ý Lực của Ý Thức giải bày bằng lối phân biệt. Tín Lực thì không có sự phân biệt và ngược lại, Ý Lực của Ý Thức thì có sự phân biệt.

Thí dụ, người ta trình bày một vấn đề nào đó với mình, mình liền biết ngay vấn đề đó đúng hay sai mà không cần phải suy nghĩ bằng Ý Thức. Sự hiểu biết của mình bằng Tín Lực của Tín Tâm giải bày mà không có sự đóng góp của Ý Thức.

Tóm lại, hành giả sử dụng Định Lực để nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sử dụng Niệm Lực (Một Niệm) để niệm thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa, sử dụng Tín Lực để giải bày nguyên lý của Diệu Pháp Liên Hoa, sử dụng Tấn Lực để hành trì Diệu Pháp Liên Hoa, và sử dụng Huệ Lực để chiếu soi thể tánh chân như của Diệu Pháp Liên Hoa thì có công đức vô lượng không thể nghĩ bàn. Nhờ phương pháp này, vô số Bồ Tát của mười phương thế giới nghe xong liền ngộ nhập được thể tánh và diệu dụng của Diệu Pháp Liên Hoa.

(còn tiếp)



TÔI YÊU...

*Tôi yêu dân tộc với quê hương,
Yêu khắp đồng quê lẫn phố phường,
Yêu trẻ yêu già yêu tất cả,
Yêu bè yêu bạn yêu bốn phương.*

*Yêu nơi tu học chuông mai đố,
Yêu mái đình làng mờ chiều buông.
Yêu mãi yêu hoài yêu bất tận...
Tôi yêu như thế, yêu trọn đường...*

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Manh hạ Mậu tuất, Apr. 1st, 2018

CHỨNG MINH VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT

Thích Phước Mỹ

"Một Chủng Sanh duy nhất, một Con Người phi thường, xuất hiện trong thế gian này, vì lợi ích cho phần đông, vì hạnh phúc của phần đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc của chư Thiên và nhân loại" (Tăng Nhứt A Hàm).

Sự ra đời của Đức Thích Ca Mâu Ni tại miền tây bắc Ấn Độ cách nay 2641 năm. Sự ra đời của Ngài đầy kỳ bí, nhưng mãi đến hôm nay có đôi chút hé mở bức màn kỳ bí ấy. Vậy chúng ta hãy cùng nhau đưa ra một chút hé mở ấy như thế nào, có được khả năng khai thông không, biết bao niềm hi vọng đang chờ đợi trong sự im lặng của trên hai ngàn năm, nay có đôi điều để chứng minh những điều kỳ bí ấy. Cái gì là sự thật, rồi cũng sẽ có ngày được phơi bày một cách rõ ràng và chân thật. Nhưng đối với Đức Phật, tin hay không, không phải là vấn đề quan trọng. Khi chúng ta có được niềm tin, thì chúng ta sẽ thấy nó là quan trọng và mẫu nhiệm nơi quanh ta và trong cuộc sống trên thế giới, để rồi ta cố tìm ra con đường thẳng tiến đạt được như Ngài đã đạt. Vì niềm tin là sức mạnh để thành tựu lý tưởng; nếu niềm tin không có thì lý tưởng cũng chẳng có và sự thành tựu lại càng không. Vì vậy chúng ta cần phải xây dựng niềm tin nơi Đức Phật và niềm tin nhiều mẫu nhiệm nơi quanh ta và trong cuộc sống.

Sự kiện lịch sử đản sanh của Đức Phật:

Hoàng Hậu Ma Da, sau một ngày làm việc từ thiện về nhà nghỉ, nửa đêm Bà chợt mộng thấy con voi trắng có sáu ngà từ trên cao xuống chui vào bụng bà. Đến lúc bà thức dậy thấy trong người thư thái, thoải mái và khoẻ khoắn hơn. Bà đem điềm mộng ấy kể lại cho vua Tịnh Phạn và quần thần nghe, mới cho bà hay, bà đã có thai một hoàng nhi. Tin vui được truyền khắp cung thành Ca Tỳ La Vệ. Với niềm vui ấy, Bà đã mang thai hoàng nhi đúng 10 tháng, rồi bà tự biết sắp đến ngày nở nhụy khai hoa. Theo tục lệ, Bà phải về quê ngoại để sanh nở. Cho nên Bà cùng số tỷ nữ quần thần lên đường về quê ngoại, đi được nửa đường ghé vào Vườn Lâm Tỳ Ni nghỉ chân. Tại Vườn Lâm Tỳ Ni này, Bà chợt thấy đóa hoa Vô Ưu nở



trắng toát, thoang mùi hương thơm ngát. Đường như nó đã cuốn hút Bà và Bà tự bước lại gần, đưa tay phải vịn vào đóa hoa, giống như đang muốn hái hoa. Bàn tay Bà vừa chạm vào đóa hoa, ngay lúc ấy cả Đại Địa chấn động và hoàng nhi được sanh ra từ hông nách phải của Hoàng Hậu Ma Da, rồi bốn vị thiên vương đỡ lấy Ngài và tắm cho Ngài bằng hai dòng nước Nóng và Lạnh, xong Ngài tự đứng thẳng bước đi bảy bước, rồi Ngài tự nói: *"Trên Trời dưới Trời ta là cao quý nhất."* Thế rồi, các cung nữ và quần thần rất vui mừng cùng nhau rước kiệu đưa Ngài và Hoàng Hậu trở về lại vương cung Ca Tỳ La Vệ. Hoàng Hậu thuật lại mọi chuyện cho vua nghe rất đổi vui mừng và hòa trong sự lo lắng điều kỳ diệu này nên vua cho mời một vị tiên nơn về cung xem tướng cho Thái Tử. Sau đó hoàng nhi được vua cha ban cho tên là TẤT ĐẠT ĐA.

Thời gian học hỏi: Trong lớp học Giảng Sư tại Sài Gòn, gồm 200 vị cùng nhau thảo luận nhiều đề tài khác nhau, trong đó có đề tài Đản Sanh của Đức Phật, là đáng chú ý nhất và mất nhiều thời giờ nhất. Cuộc thảo luận rất sôi động, nhiều câu hỏi được đặt ra đều giải đáp thoả đáng. Duy ba câu hỏi cuối cùng, có hơi ngập ngừng, ba câu hỏi ấy là:

1, Có phải thật Thái Tử Tất Đạt Đa được sanh ra từ nách phải của Hoàng Hậu Ma Da không?

2, Thái Tử Tất Đạt Đa vừa sanh ra liền đứng dậy bước đi bảy bước, có thật sự như vậy không?

3, Câu: *Trên Trời dưới Trời ta là cao quý nhất*, có phải đúng là Ngài tự nói ra lúc Ngài vừa mới ra đời ư?

Như vậy, ba câu hỏi này thật nan giải là vì khác thường với đời sống bình thường của con người; nhưng đối với loài động vật thì bình thường, bởi có loài vừa mới sanh ra tự biết đứng lên rồi đi, có loài sanh ra tự biết kêu biết hót... Còn đối với con người là điều kỳ lạ không thể chấp nhận được; nếu có chấp nhận cũng chỉ là chấp nhận trong sự im lặng trong hàng đệ tử Phật. Những vị giảng sinh thảo luận qua lại xôn xao, dường như không có điểm dừng và kết thúc. Rồi vị thầy giảng sư ra dấu hiệu im



lặng và cả lớp chờ đợi lời đúc kết của thầy giảng sư nói rằng: Sự ra đời của Đức Phật cũng chỉ là bức phong, để tôn kính Ngài. Thế là cả lớp đều im lặng cho qua, không bàn cãi thắc mắc gì nữa. Ai cũng nghĩ rằng Đức Phật cũng như mọi con người không khác. Như vậy từ xưa đến nay đồng nghĩa là nhân cách hóa Đức Phật, tô thêm màu sắc làm cho sống động về sự ra đời mẫu nhiệm của Ngài.

Tìm hiểu và nghiên cứu: Gần 20 năm sau khi rời lớp giảng sư, cho đến lúc có dịp tri Bộ Đại Tạng kinh do Hòa thượng Minh Châu dịch, khi tri đến Kinh Hy Hữu Vị Tăng Hữu Pháp, năm trong Kinh Trung Bộ tập 3, thì mới hay Ngài A-Nan trình bày trước Phật về sự kiện ra đời của Đức Phật tại vườn ông Cấp Cô Độc gồm có chúng Tỳ Kheo cùng nghe. A-Nan thưa rằng: *"Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, hoặc ngồi hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ Bồ-tát đứng mà sanh Bồ-tát.' Vì rằng, bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn."* (1)

Đoạn kinh này không nói rõ Ngài sanh ra từ đâu nơi thân thể của mẹ? Ở nách hay ở bên hông, dĩ nhiên với tư thế đang đứng không thể nào sanh ra từ âm đạo được. Theo lịch sử, được xác định Ngài sanh ra từ hông nách phải của mẹ với tư thế đang đứng và cùng lúc cánh tay phải của Bà đang với lên để vịn vào đóa hoa Vô Ưu. Điều này được chứng minh rằng, không chỉ riêng Đức Phật mà còn có Lão Tử cũng sanh ra từ nách, minh chứng qua đoạn văn trên trang sử nói rằng: *"Lúc đó là đời vua Võ Đinh (1324 trước Tây lịch) nhà Thương, bà Ngọc Nữ thấy trăng tỏ, bèn đi dạo sau vườn. Khi đi ngang qua cây Lý khi xưa thì đứa con từ trong bụng mẹ theo nách mẹ nhảy ra ngoài. Bà Ngọc Nữ kinh hãi, coi thấy nách mình liền lại như thường, không đau đớn chi cả."* (2) Như vậy, không chỉ riêng mình Đức Phật sanh ra từ nách mà còn có Lão Tử nữa. Cả hai Ngài đều là bậc thánh nên có khác thường. Và cả sau này, những bậc Thánh Nhân kỳ diệu nào ra đời cũng sẽ sanh ra từ nách của mẹ, chỉ tiếc chúng ta không có cơ hội để gặp, để diện kiến và lễ bái,

tham học các bậc Thánh Nhân ấy.

Điều thứ hai cũng trong Kinh Hy Hữu Vị Tăng Hữu Pháp nói rằng: *"Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Bồ-tát khi sanh ra, này Ananda, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lên tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: 'Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa.' Vì rằng, bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn"*. (3)

Qua đoạn kinh này, cho ta thấy có hai điều ngạc nhiên:

Một là Ngài vừa ra đời tự bước đi bảy bước.

Một em bé sơ sanh bình thường chân yếu tay mềm làm sao có thể đi được! Hơn nữa não bộ của em bé rất non nớt không thể có ý niệm đi hay đứng ngay lúc ấy được thì làm sao có thể thực hiện vấn đề đi sau khi chào đời. Nhưng đoạn kinh Phật nói ra bao giờ cũng là sự thật không một chút sai lệch hay dối trá. Bởi tướng lưới rộng dài của Phật che trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, lúc nào cũng nói lên lời thành thật. Lời của vua nói ra được gọi là cứu đỉnh nhứt ngôn, nhưng vẫn có một phần hí ngôn không thật; còn lời của Phật hoàn toàn là sự thật, cố đổi lúc vì lòng từ bi phải dùng phương tiện mà nói khác. Đó là điều đặc biệt trong giới luật, không còn cách nào để nói khác hơn. Ở đây Ngài thuật lại cuộc đời của Ngài là sự thật, không có dính một chút gì về phương tiện từ bi cả. Chính từ kim khẩu của Ngài thuyết lại về cuộc đời Ngài cho những đệ tử và những người thời bấy giờ nghe, gồm có những người đã biết được, đã thấy được và đã hiểu rõ ràng về cuộc đời Ngài nên đã chấp nhận ghi vào kinh sử lưu truyền mãi đến nay, không phải là chuyện đơn thuần. Vì thế chuyện Ngài vừa ra đời bước đi bảy bước là sự thật. Sự thật ấy, mãi đến ngày nay mới tạm được chứng minh một phần nào. Qua đoạn phim video: *"Quay cảnh một em bé có thể bước đi khi vừa chào đời được đăng tải lên mạng xã hội hôm 26/5/2017. Theo Mirror, đoạn video được quay bởi các nhân viên y tế ở bệnh viện Santa Cruz, thuộc bang Rio Grande do Sul, nam Brazil."*

Trong video, một bé gái sơ sinh đã gây kinh ngạc cho các hộ sinh vì có thể bước đi tới vài phút ngay khi vừa được sinh ra. Nữ y tá cho biết cô định đặt bé gái nằm xuống khăn để tắm nhưng em bé đã vật lộn không chịu. Ngay sau đó cô bé liền bước đi với một tay của nữ y tá đỡ dưới ngực.

Bé gái chấp chững bước ngay khi vừa sinh ra... Nữ hộ sinh giữ đứa bé thốt lên: *"Trời cao ơi, nếu bạn kể với mọi người những gì đã xảy ra thì khó ai có thể tin được trừ khi họ nhìn thấy tận mắt."*

Vài ngày sau video này đã có hơn 50 triệu

lượt xem và 1,3 triệu lượt chia sẻ trên Facebook." (4) Chuyện bé gái không tận mắt thấy khó có thể tin. Vậy chuyện ra đời của Đức Phật lại càng khó có ai tin hơn. Nhưng vấn đề sự thật của ngày nay và ngày xưa là như vậy. Đức Phật là bậc thánh, là con người phi thường, không do tội lỗi sanh, không do nghiệp báo sanh, chỉ là do thế nguyện mà sanh nên đã làm chủ được. Điều đó không có gì ngạc nhiên, nên trong lòng Ngài không có khiếp sợ, không có tiếng khóc đầu lòng, mà ngược lại có lời tuyên ngôn thay thế cho tiếng khóc đầu lòng. Đây là sự hy hữu thứ hai.

Điều ngạc nhiên thứ hai là thốt ra lời như sau: *"Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa."* Một em bé mới chào đời lại biết nói, thật khó có thể tin nổi, nhưng sự thật lại có. Đó là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không những nói thành lời mà còn nói lên những điều cao siêu vượt trội, người lớn không thể nói được. Ngài nói ra được mục đích sự ra đời của Ngài phải làm gì và thành tựu quả giải thoát không còn kiếp tái sanh trong đời sau nữa. Như thế, Ngài không những nói mà còn biết nơi chính mình phải làm gì. Ngài là bậc thánh phi phàm, không do mê muội sanh ra, nên có khác hơn người, tướng tốt đầy đủ hơn, trí tuệ siêu việt hơn, người đời gọi Ngài là Bồ Tát giáng phàm, nên trong cuộc đời Ngài có khác biệt đôi chút hơn người mà người thường không thể có; Ngài làm những việc mà người đời khó có thể làm được. Chính vì vậy Ngài mới ra đời lại biết nói và nói điều cao siêu.

Để chứng minh điều này, trong đời vẫn có những em bé vừa chào lại biết nói được vài tiếng, như câu chuyện trong tờ báo "Đời sống" của nước Nga cho biết sau đây: *"Anh Rodion và chị Lisa Bazheeva, bố mẹ bé Stepan (tên của em bé) là người dân thành phố Norilsk, đã bị sốc trước khả năng lạ thường của con trai mình. Ngay sau khi chào đời, vừa mới mở mắt, bỗng nhiên em bé cất tiếng rất rõ ràng: "Bố! Bố!" "Tôi thực sự ngạc nhiên!... Vậy mà điều này hoàn toàn có thật 100%", chị Marina Panova, bác sĩ đỡ đẻ của nhà hộ sinh số 1, phụ trách ca sinh em bé cho tờ "Đời sống" biết. Trường hợp đặc biệt này đã làm cho các bác sĩ khó giải thích. Chị Marina Panova ngạc nhiên nói thêm: "Những âm từ phức tạp như vậy. Thế đối với một trẻ sơ sinh là không thể phát âm được nhưng điều này đã thực sự xảy ra." Vài phút sau, em bé cất lên một từ mới khác: "Me! Me!" Sang ngày tiếp theo, bố sẽ về thì bất ngờ nghe thấy bé nói: "Ai? Bố à?"* (5)

Như vậy trong cuộc sống có rất nhiều điều kỳ lạ và mầu nhiệm vô cùng. Cho dù không ai tin vào điều đó là sự thật, lại có những người trực tiếp chứng kiến một cách rõ ràng mà còn không tin vào mắt mình nữa. Có em bé từ trong thân tự phát ra lửa rồi đốt cháy thân mình... Thực hư câu chuyện về bé gái 11 tuổi ở

Sài-gòn có khả năng đốt cháy mọi thứ bằng mắt đang làm nóng dư luận. Trên thế giới cũng ghi nhận nhiều trường hợp có khả năng phóng năng lượng đặc biệt làm cháy các đồ vật xung quanh tương tự cô bé này (6).

Cô bé Laura Castro sinh năm 1995 tại Miami Florida, Mỹ có đôi mắt nhìn xuyên qua tường, nhìn thấu lòng bụng. Các nhà khoa học đã ví đôi mắt của Laura như một tia X (7).

Trên cõi đời này, đã cho ta những ngạc nhiên này đến những ngạc nhiên khác. Bởi nó ngoài sức hiểu biết và tưởng tượng của con người, nên ta sanh ra ngạc nhiên. Chỉ khi nào chúng ta đạt được thiên nhãn hay Phật nhãn sẽ thấy chúng một cách tường tận theo quy trình nghiệp báo, vũ trụ và thiên nhiên, lúc bấy giờ cái thấy mới trở nên bình thường. Như cách cấu tạo cơ thể con người và cơ thể của muôn loài lớn nhỏ khác biệt nhau, kể cả tâm tính và hiểu biết. Vũ trụ và thiên nhiên cũng vậy.

Tóm lại, Sự ra đời của Đức Phật tuy có nhiều sự mầu nhiệm kỳ lạ khác với trong cuộc sống, nhưng đó là sự thật. Bởi chính Đức Phật thuyết lại và được rất nhiều người, nhiều giới và xã hội thời bấy giờ công nhận được ghi vào trang sử và kinh tạng để truyền lại mãi đến ngày nay. Bởi chỉ có một chưa có hai nên nó còn lạ. Ngày nay đã chứng minh vài trường hợp gần tương tự và chắc chắn rằng tương lai sẽ có những em bé vừa ra đời nhiều điều kỳ lạ như Thái tử Sĩ Đạt Đa. Cũng giống như Phật nói trong lý nước ta đang cầm có 84.000 vi trùng. Thời bấy giờ không ai tin mà chẳng quan tâm đến. Gần 2000 năm sau nhà khoa học phát minh kính hiển vi mới tìm thấy trong lý nước có rất nhiều vi trùng. Lúc bấy giờ lời Phật dạy ấy mới được mọi người quan tâm và chấp nhận.

Chính những điều kỳ lạ mầu nhiệm này luôn giúp chúng ta tìm hiểu để từng bước thăng tiến hướng về nội tâm, nội lực, về nghiệp báo, vũ trụ và thiên nhiên.

Cuối lời xin chúc quý vị luôn thẩm thấu mọi sự trong cuộc đời và chung quanh bạn, sẽ có lợi cho bạn trên con đường hướng đến thiện pháp.

Thích Phước Mỹ

Chú thích:

- 1) Kinh Trung Bộ tập 3, trang kinh 324.
- 2) <http://www.daotam.info/books/v/gnkttdtd/11-gnkttdtd.htm>
- 3) Kinh Trung Bộ tập 3, Trang kinh 326.
- 4) <http://ngoisao.net/tin-tuc/thoi-cuoc/chuyen-la/be-gai-chap-chung-buoc-ngay-khi-vua-sinh-ra-3591751.html>
- 5) <http://www.baomoi.com/vua-sinh-ra-da-biet-noi/c/2957340.epi>
- 6) <http://www.nguoiduatin.vn/kha-nang-phat-lua-cua-con-nguoi-qua-nhung-cau-chuyen-la>
- 7) <http://khoaoc.tv/ky-la-co-be-co-doi-mat-nhin-xuyen-thau-35234>

HOA SEN TRONG VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Thích Hạnh Tuệ

HOA SEN TRONG VĂN HÓA VẬT CHẤT

1. Hoa sen thể hiện trong kiến trúc chùa, tháp

Hoa sen mọc từ đầm nước, từ một cồi trần ô trọc, đã vươn lên trở thành một bông hoa thanh cao, bông hoa của vũ trụ. Bông hoa này đã đi vào tâm thức mọi người, trở thành hình tượng trong nghệ thuật, trong kiến trúc và điêu khắc. Đặc biệt, hoa sen trở thành biểu tượng trong nghệ thuật Phật giáo phương Đông, tượng trưng cho vẻ đẹp thần bí, huyền ảo, tư tưởng sâu kín. Trong nghệ thuật Việt Nam, hình tượng hoa sen dày đặc từ các phù điêu, đá tảng kê chân cột, bệ tượng Phật, đến các dáng gổm và họa tiết trang trí. Song cô đọng và sáng tạo hơn cả là hình tượng hoa sen trong kiến trúc chùa tháp.

Những công trình kiến trúc tiêu biểu với hình tượng hoa sen thường xuất hiện trong những giai đoạn hưng thịnh của Phật giáo. Đó là thế kỷ thứ XI với chùa Một Cột - Hà Nội; thế kỷ thứ XVII với tháp Cửu phẩm liên hoa, chùa Bút Tháp - Bắc Ninh; thế kỷ XVIII với chùa Tây Phương - Hà Tây, chùa Kim Liên - Hà Nội.

Theo truyền thuyết, chùa Một Cột hình thành từ giấc mộng của vua Lý Thái Tông. Vào một đêm xuân năm Kỷ Sửu (1049), vua nằm mộng thấy Phật Quan Âm ngồi trên đài sen, dẫn vua lên đài. Khi tỉnh dậy, vua kể lại với triều thần, có người cho là chiêm xấu, nhưng Thiền sư Thiền Tuệ thì khuyên vua nên xây chùa, dựng cột đá giữa hồ, xây đài hoa sen có tượng Phật Quan Âm ở trên, đúng



như hình ảnh đã thấy trong mộng. Các nhà sư chạy đàn, tụng kinh cầu thọ và đặt tên là chùa Diên Hựu (tức Một Cột). Chùa có hình dáng một hoa sen, nếu nhìn từ xa thì đúng là một hoa sen lớn, mọc lên từ hồ nước, chiếc cột là cọng sen. Trong quan niệm dân gian, hoa sen luôn mang ý nghĩa đẹp, tượng trưng cho những gì cao quý nhất trên đời. Nơi nào có hoa sen là nơi đó có Phật ngự trị. Nơi nào có đài sen là nơi đó có dấu vết hiển nhân. Nơi nào có hồ sen thì nơi ấy phải là nơi thanh tịnh. Hoa sen đã được người bình dân tôn quý, ví với những người có tâm hồn thanh cao, sống nơi bụi trần mà không bị danh lợi ô uế, ràng buộc, cám dỗ.

Hình tượng hoa sen ở tháp Cửu phẩm liên hoa, chùa Bút Tháp là một tổ hợp kết cấu gỗ dạng tháp quay chín tầng chồng lên nhau. Mỗi tầng có một đài sen rộng chừng 2m, cao 50cm. Cả tháp cao 7 đến 8m. Phía ngoài tháp, các cánh sen bằng gỗ sơn đỏ tạo thành tầng tầng lớp lớp so le nhau. Tầng một đến tầng chín biểu hiện cho những nấc thang của sự tinh tiến trong đạo Phật.

Tháp quay Cửu phẩm liên hoa là một tổ hợp cao hơn giá trị đơn lẻ của một biểu tượng bông sen. Hay trong hệ thống các hàng lan can ở quanh thượng điện và quanh tháp Bảo Nghiêm cũng có những bức chạm cả hồ sen với cá, chim rất ngoạn mục.

Nếu ở thời Lý và thời Lê Trung Hưng, hình tượng hoa sen trong kiến trúc Phật giáo chỉ có tính chất đơn lẻ trong từng chùa như chùa Một Cột hoặc một bộ phận kiến trúc như tháp quay ở chùa Bút Tháp thì đến thế kỷ XVIII, hoa sen đã trở thành phong cách kiến trúc của cả một giai đoạn. Nó đánh dấu sự bùng nổ của một phong cách nghệ thuật độc đáo, khởi đầu từ chùa Kim Liên và được kế tiếp ở chùa Tây Phương, một ở trên hồ, một là trên núi, vừa hòa nhập vào thiên nhiên, vừa xác định vị trí, hình khối của mình trong không gian.

Kiến trúc trước đó thường chú trọng tuyến ngang, tức là các lớp nhà kéo dài trên một trục chạy như hình con rồng. Đến giữa thế kỷ XVIII, năm 1792 với kiến trúc chùa Kim Liên, đã xác lập một ý tưởng không kéo kiến trúc chạy dài, mà cô gọn thành một cụm hình tượng bông sen. Thực chất là kiểu kiến trúc đưa ba gác chuông gộp lại làm một tạo thành kiến trúc chồng diêm hai tầng tám mái "trùng thiềm điệp ốc." Kiểu kiến trúc này đã có từ thế kỷ thứ XVII

với kiểu kiến trúc tháp chuông chùa Keo - Thái Bình.

Cũng với kiểu kiến trúc chùa Kim Liên, chùa Tây Phương được xây dựng tinh xảo hơn. Chùa được xây dựng trên một ngọn núi hình lưỡi câu, gọi là "câu lậu sơn." Đi hơn 250 bậc đá là tới khu chùa chữ tam với ba tòa Thượng - Trung - Hạ, kết cấu kèo chông rường. Các đầu cột ở hai ngôi chùa này được chạm trổ hình bông hoa sen thể hiện sự tài hoa, khéo léo của những người thợ xây dựng chùa.

2. Hoa sen trong các sản phẩm trang trí - thờ tự

a. Ngói lợp - gạch lát sàn, thông gió

Điều dễ dàng nhận thấy ở đây là hoa sen đã quá đỗi gần gũi với nhà chùa. Trên mái lợp chùa cũng có hoa sen, dưới gạch lát nền cũng có những họa tiết hoa sen, những phù điêu trên vách cũng có hoa sen, những chạm trổ trên cửa cũng có hoa sen, thậm chí thông gió cũng hình hoa sen...

Rõ ràng, ngoài tính biểu tượng cho những gì thuộc về triết lý cao siêu của Phật giáo, nhân sinh, ngoài những gì thuộc về tính "bác học," hoa sen còn in đậm dấu ấn của mình trong tâm khảm của những nghệ nhân, những người thiết kế, những người tạo mẫu các sản phẩm công nghiệp xây dựng. Ở đó, những đường nét của hoa sen cũng sống động, cũng hài hòa, thanh thoát.

Hoa sen đã đi vào cuộc đời như vậy, nhẹ nhàng mà sâu lắng.

b. Tranh tượng, phù điêu

Tùy vào cảm nhận thẩm mỹ khác nhau của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia mà cách thể hiện hoa sen có phần khác nhau. Trên tranh tượng và phù điêu nói chung và trong Phật giáo nói riêng, những họa tiết của hoa sen một lần nữa thể hiện sự phong phú và đa dạng.

Ở đây, người viết cho rằng những kiểu thức khác nhau trong cách thể hiện hoa sen có thể phân làm ba phong cách căn bản, đó là Ấn Độ, Tây Tạng và Trung Quốc.

Với phong cách Ấn Độ, chúng ta dễ nhận thấy sự ảnh hưởng của nó trong tranh tượng - phù điêu của các nước như: Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam (Nam tông - Khmer). Phong cách Tây Tạng đó là hoa sen với màu sắc sặc sỡ (chủ yếu là các màu nóng), chỉ ảnh hưởng chủ yếu đến các nước Phật giáo Tây Mật. Có lẽ, Tây Tạng biệt lập với bên ngoài và thời tiết lạnh lẽo nên đã hình thành một phong cách rất riêng, không thể trộn lẫn. Đối với phong cách Trung Quốc, và cũng là Việt Nam (Bắc tông), người ta nhận thấy ở đây sự đơn giản trong cách thể hiện, không có nhiều những yếu tố cách điệu chông chắt lên

nhau như Ấn Độ và cũng không quá nhiều màu sắc như Tây Tạng.

c. Các sản phẩm thờ tự

Thể hiện những nét nghĩa về sự thanh khiết, hoa sen đã có mặt trong hầu hết các sản phẩm thờ cúng. Người ta bắt gặp ở đây rất nhiều kiểu dáng từ chân đèn, lư hương, bình hoa, tách trà, đĩa bày trái cây, hộp đựng trầm... được thiết kế theo những kiểu thức hoa sen.

Trong Phật giáo, các sản phẩm thờ cúng này hầu như đều có hình dáng của hoa sen, hoặc ít ra thì hoa sen cũng được vẽ hay chạm trổ ở trên nó, vừa tạo nên yếu tố thẩm mỹ, vừa mang ý nghĩa thanh sạch.

Cũng liên quan đến vấn đề thờ cúng này, hình tượng hoa sen còn được dùng để làm cái chum/hũ đựng cốt của người chết, thể hiện một niềm tin được tái sinh vào cõi an lành (Cực lạc) hay một kiếp sống không còn khổ đau trần thế.

HOA SEN TRONG VĂN HÓA TINH THẦN PHẬT GIÁO

1. Hoa sen và yếu tố linh thánh

Trong Phật giáo, hoa sen biểu trưng cho những giá trị đạo đức, sự thuần khiết và thánh thiện. Hoa sen còn biểu trưng cho trí tuệ siêu việt, thể hiện niềm khao khát giác ngộ. Trong mặt điển có thần chú *Lục tự Đại minh* là tâm chú của ngài Quán Thế Âm Bồ tát: "Om Mani Padme Hum" (Án Ma Ni Bát Di Hồng). Trong đó, Padme tiếng Phạn có nghĩa là hoa sen - biểu tượng cho trí tuệ siêu việt, trí tuệ chứng ngộ tự nhiên vượt ra ngoài vòng vây hãm của nhị nguyên luận.

Hoa sen là loại hoa có bốn đặc tính vượt trội hơn các loại hoa khác: 1. Ở bùn lầy mà không ô nhiễm; 2. Hoa và quả kết cùng một lúc; 3. Loài ong, bướm không hút lấy hương nhụy; 4. Phụ nữ không dùng hoa sen để trang điểm như giắt trên đầu. Do hoa sen không bị nhiễm bởi bùn nhơ, nên nó được dùng làm biểu trưng cho tánh giác tự nhiên của Phật, tổng quát hơn là biểu trưng cho Phật.

Trong *Nhiếp đại thừa luận*, hoa sen có bốn đức: hương (*thơm*), tịnh (*sạch*), nhu nhuyễn (*mềm mại*) và đáng yêu. Trong *Hoa Nghiêm kinh thám huyền ký*, hoa sen có mười đặc tính: 1. Vi diệu; 2. Khai phụ; 3. Đoan chính; 4. Phân minh; 5. Thích duyệt; 6. Xảo thành; 7. Quang tịnh; 8. Trang sức; 9. Dẫn quả; 10. Bất nhiễm.

Sen được dùng cúng Phật vì lẽ nó thanh cao, vượt lên trên những bùn lầy trần tục như sự giải thoát khỏi phiền trần của công việc tu đạo. Theo lịch sử, Đức Phật Thích Ca từ lúc đản sinh cho đến lúc nhập diệt đều ở

trên hoa sen, Điều này biểu trưng cho tinh thần bất nhiễm trần của đấng Giác ngộ, và cũng tượng trưng cho trí tuệ, cho triết lý cao siêu của Phật giáo.

2. Ảnh hưởng của hoa sen trong tâm thức Phật giáo

Hoa sen là loài hoa được đưa vào mỹ thuật từ rất sớm, phổ biến với nhiều biểu tượng cao quý. Đối với người Ai Cập, sen được biểu hiện cho dương khí. Nhưng đối với Nam Á và phương Đông, sen lại chứa nhiều yếu tố âm, nó là bóng dáng của phái đẹp. Trong nghệ thuật tạo hình ở Việt Nam, chúng ta từng gặp những đài sen là chỗ ngồi của Phật và các linh vật ở miền tịnh thổ (đất Phật) biểu hiện cõi chân như, yên lặng tuyệt đối, cõi không sinh, không diệt. Những người theo đạo Phật thường hiểu sen với những đường gân như 84 vạn pháp môn chảy chung về một nguồn, đó là cuống sen và cũng chính là nguồn giải thoát, là nhất chính đạo đi về một hướng để chuyển tải Phật pháp hòa nhập vào cuộc đời.

Từ khi Phật giáo xuất hiện cho đến nay, hoa sen với những ý nghĩa của nó đã thấm sâu vào tâm thức Phật giáo. Những triết lý tưởng chừng như bỏ ngõ cuộc đời, xa lánh cuộc đời trần thế lại là những triết lý có nguồn gốc từ những khổ đau của chúng sanh. Đức Phật đã từng nói với các đệ tử của mình, như nước đại dương chỉ có một vị mặn, giáo lý của Như Lai cũng chỉ có một vị là giải thoát. Vị giải thoát đó chính là cõi trời cho những ràng buộc, những khổ đau, những cố chấp, bám víu, v.v... của chúng ta trong cuộc đời. Như thể hoa sen, lấy chất liệu là bùn nhơ, nước đục nhưng hương sắc của nó làm ấm áp lòng người.

3. Hoa sen trong kinh Phật

Trong kinh tạng Phật giáo, tức Tam tạng thánh điển nói chung, có rất nhiều biểu tượng. Ở đây chỉ xin đề cập đến một biểu tượng quen thuộc thường được nhắc đến trong kinh Phật, đó là hoa sen.

Hoa sen trong kinh Phật biểu tượng cho chân lý. Và chân lý đó là chân lý hiển thực trong cuộc đời. Nó hiển thị giữa trần thế làm ưu phiền và tục lụy. Về mặt xã hội và tôn giáo, hoa sen biểu trưng cho con đường "nhập thế sinh động" của Phật giáo. Đó là những thành ngữ thường được dùng như "Cư trần bất nhiễm trần" (Sống trong trần thế nhưng không bị ô nhiễm bởi trần thế), hoặc "Phật pháp bất ly thế gian pháp" (Phật pháp không rời các pháp thế gian mà có), hoặc "muốn đến Niết bàn hãy vào đường

sinh tử" v.v...

Hoa sen trong kinh Phật sẽ được hiểu tùy theo những hoàn cảnh khác nhau. Có lúc, hoa sen chỉ thuần túy là hoa sen, có lúc hoa sen là chân lý tuyệt đối (Niêm hoa vi tiểu), và có lúc hoa sen lại tượng trưng cho con đường du hóa của Tỷ kheo... Sau đây là một số trích đoạn tiêu biểu trong các kinh nguyên thủy:



a. [HT. Thích Minh Châu - Tạng chi bộ kinh IA:51]: "Ta có thể là người với các lậu hoặc đã đoạn tận... Ví như bông sen xanh, bông sen hồng hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn ra khỏi nước, đứng thẳng, không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Nay Bà la môn, Ta là Phật, hãy ghi nhớ như vậy."

b. [HT. Thích Minh Châu - Tạng chi bộ kinh IA: 161]: "Như nước giọt lá sen, như hạt cải đặt đầu mũi kim, người không đắm nhiễm ái dục cũng như thế; Ta gọi họ là Bà la môn."

c. [HT. Thích Minh Châu - Tạng chi bộ kinh IIA: 58]: "Như từ trong đồng bùn nhơ vất bỏ, sinh ra hoa sen thanh

kiết ngọt ngào làm đẹp ý mọi người; cũng thế, chi từ nơi chốn phàm phu ngu muội mới sản sinh những vị đệ tử bậc Chính giác đem trí tuệ soi sáng thế gian."

d. Trong kinh Pháp Cú có các đoạn:

- Câu 58:

*Giữa đồng rác bẩn thỉu,
Vất bỏ bên đường hoang,
Hoa sen thơm ngào ngạt,
Đẹp lòng khách qua đàng.*

- Câu 55:

*Hoa chiêm đàn, già la
Hoa sen, hoa vũ quý
Giữa những hương hoa ấy
Giới hương là vô thượng.*

- Câu 336:

*Ai sinh sống trên đời,
Hàng phục được tham ái,
Khổ đau sẽ vượt khỏi,
Như nước trượt lá sen.*

Như thế, chúng ta thấy được hoa sen hiện diện rất nhiều trong Phật giáo, và có ý nghĩa biểu trưng cho người không bị đắm nhiễm bởi cuộc đời. Quan điểm này chúng tôi cũng thấy có trong ngôn ngữ Ấn Độ: "Mặt trắng có từ biển sâu tắm tối, cỏ đũa (loại cỏ thiêng dùng để đốt trong cúng tế) mọc từ phân bò, hoa sen mọc lên từ bùn đất... Một con người đầu cần phải xem xét lại lịch hần từ đâu..."

4. Hoa sen trong danh hiệu Phật

Ở Việt Nam, khi các kinh được dịch từ Hán tạng hay Pali tạng ra Việt ngữ thì hàm lượng từ Hán Việt vẫn còn rất nhiều, đặc biệt là tên riêng, hầu như để nguyên từ Hán Việt không dịch nghĩa (trừ một vài bản kinh được dịch gần đây của HT.Thích Trí Quang - GN). Vì lẽ đó mà danh hiệu Phật thường gặp là *Liên* (蓮) hay *Liên hoa* (蓮花) có nghĩa là hoa sen.

Chúng tôi sử dụng *Kinh Vạn Phật* [HT. Thích Thiện Chơn 2005] để lựa chọn ra những danh hiệu tiêu biểu như sau: - Nhất thiết đồng danh Thanh Tịnh Diệu Liên Hoa Hương Tích Phật (tr.40); - Bảo Liên Hoa Thắng Phật (tr. 161, 176, 350, 662); - Liên Hoa Nhân Phật (tr. 261); - Liên Hoa Diệp Nhân Phật (tr. 294); - Liên Hoa Diệp Tinh Tú Vương Hoa Thông Phật (tr. 315); - Xưng Liên Hoa Phật (tr. 363); - Liên Nhất Thiết Pháp Tinh Tấn Trang Phật (tr. 422); - Bảo Liên Phật (tr. 569); - Liên Hoa Diệp Phật (tr. 614); - Liên Hoa Hương Phật (tr. 612); - Liên Hoa Vô Cấu Tinh Tú Vương Hoa Phật (tr. 692); - Liên Hoa Quang Phật (tr. 711) v.v...

5. Hoa sen trong danh hiệu kinh

Bộ kinh nổi tiếng bậc nhất của Phật giáo Đại thừa là *Lotus Sutra* - *Kinh Hoa sen Chánh pháp*, hay thường gọi là *kinh Pháp Hoa*. Ở Trung Hoa, hiện có 5 bản dịch là: *Pháp Hoa tam muội*, *Tất-đàm-phân-đà-lị kinh*, *Chánh Pháp Hoa kinh*, *Diệu Pháp Liên Hoa kinh* và *Thiền phẩm Diệu Pháp Liên Hoa kinh*. Trong 5 bản dịch ấy thì bản *Diệu Pháp Liên Hoa kinh* gồm có 7 cuốn, được chia thành 28 phẩm, do Ngài Cưu Ma La Thập dịch được lưu hành và diễn giải nhiều nhất.

Dùng những đặc tính đặc biệt của hoa sen để nói về pháp là một nét độc đáo của *kinh Pháp Hoa*. Pháp ấy chỉ cho chúng sanh thấy được mình cũng giống như những hoa sen kia. Tuy vẫn còn trôi lăn trong sanh tử, còn bị phiền não chi phối nhưng khi gặp được mặt trời diệu pháp của Phật soi thì đều thanh tịnh, trong xanh, thơm tho như hoa sen.

(Nguồn: thuvienhoasen.com)



TÁNH PHẬT

*Ai cũng có tánh nghe và tánh thấy
Trong muôn loài vẫn đều có như nhau
Động, thực vật cũng cảm nhận dạt dào
Vô hữu tình như nhiên đều thanh tịnh*

*Ai cũng thấy cũng nghe khi định tĩnh
Các giác quan đều an lạc nhẹ nhàng
Dầu lục căn không tiếp xúc lục trần
Tâm an tịnh đều suốt thông tất cả*

*Sức chú ý để một nơi rất khá
Nhứt mình tinh sinh được sáu hiệp hòa
Biết vận dụng chính Phật tánh hiện ra
Không nhân ngã cũng là điều cần thiết*

*Trong Phật tánh vốn dĩ không phân biệt
Tự thanh tịnh đầy đủ chẳng diệt sanh
Không lay động sanh vạn pháp sự thành
Ngừng vọng tưởng lia ngũ dục là phước*

*Chạy xe đạp bơi lội ai cũng được
Miễn làm sao phải tập luyện chuyên cần
Với PHẬT TÁNH đây đích thật CHÁNH NHÂN
Năng TU HÀNH GIÁC NGỘ mới là QUÁ.*

thơ THÍCH VIÊN THÀNH
An Lạc thật, những ngày tịnh dưỡng

ĐI TÌM XUẤT XỨ BÀI KỆ TẮM PHẬT

Sakya Minh Quang

Lễ Phật Đản (佛誕節) trong truyền thống Phật giáo Đại Thừa Đông Á (East Asian Buddhism) còn được gọi là Lễ Tắm Phật (浴佛節), vì nghi thức tắm Phật là một phần quan trọng, không thể thiếu trong đại lễ này. Trong nghi thức tắm Phật, bài kệ tắm Phật chính là tinh thần và cốt tủy của nghi thức tắm Phật nói riêng và đại lễ Phật Đản nói chung. Bởi lẽ, bài kệ này không những giúp người con Phật tưởng nhớ và tôn vinh đức Phật, mà còn là phương tiện thực hành thiền quán để tịnh hóa thân tâm, và xiển dương tinh thần Đại Thừa Phật Pháp. Vì vậy, việc tìm ý nghĩa bài kệ tắm Phật để có thể khởi tâm quán chiếu, thực hành nghi thức tắm Phật đúng pháp và có ý nghĩa là điều vô cùng thiết yếu.

Bài kệ tắm Phật hiện được sử dụng trong truyền thống Phật giáo Việt Nam có ba bài kệ bốn câu, gồm mười hai câu tất cả, được ghi bằng âm Hán Việt, chưa có bản dịch Việt ngữ khả tín và thống nhất vì chưa xác minh được bản gốc chữ Hán. Một bản dịch tốt cần phải có ba yếu tố là *tín*, *đạt* và *nhã*. *Tín* là trung thực, chính xác, *đạt* là sáng sủa dễ hiểu, còn *nhã* là nét đẹp văn chương. Nếu tiêu chuẩn ban đầu của bản dịch là *tín* không có, những giá trị như *đạt* và *nhã* cũng không có cơ sở để thành lập. Vì vậy, việc tìm ra xuất xứ của bài kệ tắm Phật trong Đại Tạng Kinh Phật giáo, căn cứ vào đó để phiên dịch nhằm có được một bài kệ tắm Phật bằng Việt ngữ khả tín, có thể dùng làm định bản trong nghi thức Lễ Phật Đản Việt Nam, là nhu cầu cấp thiết cho việc Việt hóa nghi thức Phật giáo hiện nay.

Bài kệ tắm Phật âm Hán Việt mà các chùa Việt Nam thường dùng như sau:

*Ngã kim quán mộc chư Như Lai
Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ
Ngũ trước chúng sinh linh ly cấu
Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân*

*Tỳ-la thành lý bất tăng sinh
Ta-la thọ gian bất tăng diệt
Bất sinh bất diệt lão Cù-đàm
Nhãn trung khan kiến trùng thiên tiết*

*Kim triêu chánh thị tứ nguyệt bát
Tịnh Phạn vương cung sinh Tất-đạt
Phún thủy cứu long thiên ngoại lai
Bồng túc liên hoa từng địa phát (1).*

Bài kệ tắm Phật trên được đọc tụng bằng âm Hán Việt, khiến người Phật tử không biết Hán văn đương nhiên không hiểu, mà người biết Hán văn nhưng nếu không có chữ Hán đối chiếu cũng không thể xác định ý nghĩa bài kệ một cách chắc chắn, vì có rất nhiều chữ đồng âm dị nghĩa. Lại nữa, âm Hán Việt nhiều khi không chính xác do tam sao thất bản (typo), rồi lâu ngày được mặc nhiên công nhận.(2) Vì những lý do này, muốn xác định ý nghĩa của bài kệ tắm Phật, trước hết phải tìm ra nguyên bản chữ Hán để đối chiếu và kiểm chứng. Nếu không, chúng ta chỉ có thể đoán ngữ nghĩa để phiên dịch và giải thích nhưng không có căn cứ thuyết phục. Ví dụ, trong câu “nhãn trung khan kiến trùng thiên tiết” ở bài kệ trên, có bản viết là “trùng thiên tiết.” Vậy rốt cuộc là “trùng thiên 重天” hay “trùng thiên 重添”? Lại nữa, “tiết” là gì? *Tiết* có nghĩa lễ hội (節) hay *tiết* là mặt bụi (屑)? Những trường hợp nói trên dường như đều hợp lý (make sense) trong ngữ cảnh (3). Ngoài ra, “phún thủy cứu long 噴水九龍” hay “cứu long phún thủy 九龍噴水” như một số chùa thường đọc? Điều này có thể được xác định qua quy luật đối ngẫu của văn thơ. Nếu câu dưới là “bồng túc liên hoa” thì ở trên phải là “phún thủy cứu long” vì “bồng túc” (nâng chân) là động từ + túc từ phải đối với “phún thủy” (phun nước) cũng động từ + túc từ. Tuy nhiên, có lẽ vì cụm từ “cứu long phún thủy” nghe thuận theo ngữ pháp hơn, nên mới có sự sai sót này. Thực ra, đây là câu đảo ngữ (inversion) trong ngôn ngữ học, một hiện tượng tu từ phổ biến. Nhưng đây chỉ là dựa trên ngữ cảnh để xác định, còn cần phải tìm nguyên bản chữ Hán để xác chứng. Đó là lý do khiến bút giả quan tâm tìm chỗ xuất xứ của bài kệ này.

Vì không có bản chữ Hán đối chiếu, ở đầu thập niên chín mươi của thế kỷ trước, bút giả dù đã dịch ra bài kệ tắm Phật dựa trên việc hoàn nguyên chữ Hán, kiến thức Phật Pháp, ngữ cảnh và cảm thụ ngôn ngữ của mình, nhưng trong lòng vẫn mãi băn khoăn vì chưa thể tìm ra nguồn gốc và nguyên bản Hán văn của bài kệ do thiếu tư liệu và phương tiện tra cứu. Thực ra, điều này đã khiến bút giả mất không ít công phu qua một thời gian dài trần trở (4). Khi mới du học ở Đài Loan, lần đầu

tham dự Lễ Tắm Phật do Phật Quang Sơn tổ chức năm 1995, bút giả ngạc nhiên nhận thấy bài kệ tắm Phật sử dụng trong nghi thức tắm Phật của Phật giáo Trung Quốc chỉ có bốn câu, tương đồng với bốn câu đầu của bài kệ mười hai câu mà Phật giáo Việt Nam sử dụng (5). Vậy hai bài kệ bốn câu còn lại của bài kệ tụng tắm Phật mà Phật giáo Việt Nam hiện nay sử dụng có xuất xứ từ đâu?



Cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh và Tục Tạng Kinh ngày càng trở nên phổ biến ở Việt Nam nhờ công đức ấn tống của các Phật tử Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội Đài Loan và nhất là khi việc số hóa (digitalize) của các tạng kinh và sử liệu Phật giáo được thực hiện bởi Trung Hoa Phật Điện Tử Hiệp Hội (Chinese Buddhist Electronic Association), thì việc tra cứu trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Nhờ vào hoàn cảnh thuận lợi này, chúng ta có thể nghiên cứu xuất xứ và tìm hiểu chính xác ý nghĩa bài kệ tắm Phật ở trên.

Theo nghiên cứu, bốn câu đầu của bài kệ tắm Phật có xuất xứ từ sách Thích Thị Yếu Lãm 釋氏要覽 biên tập bởi Thích Đạo Thành 釋道誠 (998-1007) đời Bắc Tống, sách Phật Tổ Thống Kỳ 佛祖統紀 biên tập bởi Thích Chí Khánh 釋志馨 (?-?) xuất bản năm 1269, và sách Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy 敕修百丈清規 được Thích Đức Huy 釋德輝 (?-?) biên soạn năm 1335 theo sắc chỉ của vua Thuận Đế nhà Nguyên. Ngoài ra, Sách Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu do Luật sư Độc Thể 讀體 hiệu Kiến Nguyệt 見月 (1601-1679) soạn, một trong “bốn bộ luật tiểu” mà người sơ tâm xuất gia phải học thuộc và thực hành, cũng có ghi bài kệ tắm Phật bốn câu này. Trên danh nghĩa, thiên tông vẫn là dòng chính của Phật giáo Việt Nam, cho nên sách Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, nói về quy củ của thiền môn, có ảnh hưởng trực tiếp đến nghi thức của Phật giáo Việt Nam. Cho nên, trước hết chúng ta thử xét về bài kệ tắm Phật trong sách này.

Trong phần nghi thức Phật Đản, Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy ghi: “Tuyên số xong, [Duy-na] cử xướng bài kệ tắm Phật: Ngã kim quán mộc chư Như Lai/ Tịnh trí Trang Nghiêm công đức tụ/ Ngũ trước chúng sinh linh lý cấu/ Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân. Khi đi nhiều tắm Phật sắp xong, cử xướng chú Lăng Nghiêm...” (6) Như vậy, Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy có ghi rõ nội dung bài kệ bốn câu và nghi thức tắm Phật nhưng không có ghi chỗ xuất xứ của bài kệ này. Tuy nhiên, sách Phật Tổ Thống Kỳ đời Tống cho chúng ta đầy đủ thông tin hơn. Ở mục tắm Phật, sách này ghi: “Ngày mừng tám tháng tư là ngày Phật ra đời (theo Kinh Ma-ha Sát Đầu), nhân dân tưởng

nhớ Phật nên tắm tượng đức Phật. Lúc tắm Phật tụng bài kệ: Ngã kim quán mộc chư Như Lai/Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ/ Ngũ trước chúng sinh linh lý cấu/ Nguyên chứng Như Lai tịnh pháp thân (theo Kinh Tắm Phật).” (7) Như vậy, sách Phật Tổ Thống Kỳ đời Tống không những nhắc đến căn cứ ngày Phật đản mừng tám tháng tư dựa trên Kinh Ma-ha Sát đầu, mà còn đề cập đến chỗ xuất xứ của bài kệ tắm Phật là từ Kinh Tắm Phật (Dục Phật Kinh). (8)

Kinh Tắm Phật có hai bản trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Một là Kinh Công Đức Tắm Phật (Dục Phật Công Đức Kinh浴佛功德經) do

Pháp sư Nghĩa Tịnh 義淨 (635-713) đời Đường dịch và dị bản của kinh này là Kinh Phật Thuyết Công Đức Tắm Phật (Phật Thuyết Dục Phật Công Đức Kinh佛說浴佛功德經) do ngài Bảo Tư Duy 寶思惟 (Ratnacinta; ?-721) người Bắc Ấn dịch. Trong Kinh Công Đức Tắm Phật do ngài Nghĩa Tịnh dịch, có bài tụng gồm ba bài kệ bốn câu, nhằm nói lên ý nghĩa tắm Phật và tán thán công đức của đức Phật sau khi kết thúc nghi thức tắm tôn tượng. Bài kệ bốn câu mở đầu trong bài kệ tụng đó như sau:

Ngã kim quán mộc chư Như Lai
我今灌沐諸如來
Tịnh trí công đức trang nghiêm tụ
淨智功德莊嚴聚
Nguyên bỉ ngũ trước chúng sinh loại
願彼五濁眾生類
Tốc chứng Như Lai tịnh pháp thân
速證如來淨法身. (9)

Dịch:

*Con nay tắm gội đức Như Lai
Trí sạch trang nghiêm, phước sâu dày
Nguyên các chúng sinh trong năm trước
Sớm chứng pháp thân, sạch trần ai.* (10)

Như vậy, bốn câu trong bài kệ tắm Phật có chữ và nghĩa gần giống với bốn câu trong Kinh Công Đức Tắm Phật. Ý nghĩa chỉ hơi khác ở hai câu cuối, “Ngũ trước chúng sinh linh lý cấu/ đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân” (khiến các chúng sinh trong năm trước/ chúng pháp thân Phật, sạch trần ai) so với “Nguyên bỉ ngũ trước chúng sinh loại, tốc chứng Như Lai tịnh pháp thân” (Nguyên các chúng sinh trong năm trước/ Sớm chứng pháp thân sạch trần ai). Nhưng theo Kinh Công Đức Tắm Phật, bài kệ này được đọc lên sau lễ tắm tượng Phật, mà không phải lúc đang tắm tượng Phật.

Còn trong Kinh Phật Thuyết Công Đức Tắm Phật do ngài Bảo Tư Duy dịch, chỉ có một bài kệ bốn câu. Kinh này nói: “Lúc rưới nước lên tượng Phật nên tụng bài kệ:

Ngã kim quán mộc chư Như Lai
 我今灌沐諸如來
 Tịnh trí công đức trang nghiêm tụ
 淨智功德莊嚴聚
 Ngũ trước chúng sinh linh ly cấu
 五濁眾生令離垢
 Nguyên chứng Như Lai tịnh pháp thân
 願證如來淨法身 (11)
 Dịch:
 Con nay tắm gội đức Như Lai
 Trí sạch trang nghiêm, phước sâu dày
 Chúng sinh năm trước khiến lìa nhơ
 Nguyên chứng pháp thân sạch trần ai.

Như vậy, xét về mặt ngữ cảnh và ngữ nghĩa, bài kệ bốn câu trên gần giống hoàn toàn với bài kệ tắm Phật trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, nhất là câu thứ ba. Hơn nữa, bài kệ này được sử dụng trong lúc tắm tượng Phật và chỉ có bốn câu, gần gũi trực tiếp hơn với nghi thức Phật đàn. Cho nên, chúng ta có thể kết luận bài kệ tắm Phật mà Phật giáo Trung Quốc hiện dùng có căn cứ nơi Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, còn bài kệ trong Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy lại có xuất xứ từ Kinh Phật Thuyết Công Đức Tắm Phật do ngài Bảo Tư Duy dịch. Tác giả Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy chắc cũng có tham khảo Kinh Công Đức Tắm Phật của ngài Nghĩa Tịnh dịch khi biên soạn vì cả hai chỉ là dị bản của cùng một kinh.

Câu hỏi kế tiếp được đặt ra là: Tại sao bài kệ tắm Phật trong Thích Thị Yếu Lãm, Phật Tổ Thống Kỳ, Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu và nghi thức tắm Phật hiện hành của Phật giáo Trung Quốc chỉ có một bài kệ bốn câu, còn bài kệ tụng tắm Phật của Phật giáo Việt Nam lại gồm ba bài kệ, có tất cả mười hai câu? (12) Vậy tám câu còn lại của bài kệ tắm Phật ở Việt Nam có xuất xứ từ đâu?

Thực ra, theo nghiên cứu, hai bài kệ bốn câu còn lại của bài kệ tụng tắm Phật chúng ta dùng là những bài kệ thượng đường thị chúng của ngài Đại Huệ Tông Cảo 大慧宗杲 (1089-1163) nhân ngày lễ tắm Phật. Theo sách Ngũ Đăng Toàn Thư, thấy trong Tục Tạng Kinh, nhân lễ tắm Phật, ngài Đại Huệ thượng đường bảo:

Tỳ-lam viên lý bất tăng sinh
 毗藍園裏不曾生
 Song lâm thọ hạ hà tăng diệt
 雙林樹下何曾滅
 Bất sinh bất diệt kiến Cù-đàm
 不生不滅見瞿曇
 Nhãn trung hựu thị trùng thiêm tiết
 眼中又是重添屑. (13)
 Dịch:
 Vườn Lâm-tỳ-ni chưa từng sinh
 Trong rừng song lâm đâu từng diệt
 Chẳng sinh chẳng diệt: thấy Cù-đàm

Trong mắt lại càng thêm vướng bụi!

Như vậy, đoạn kệ thứ hai của bài kệ tắm Phật: "Tỳ-la thành lý bất tăng sinh/ Sa-la thọ gian bất tăng diệt/ Bất sinh bất diệt lão Cù-đàm/ Nhãn trung khán kiến trùng thiêm tiết" có nội dung ý nghĩa hoàn toàn giống với bài kệ trên, chỉ khác một chút ở chỗ sử dụng từ ngữ. Từ bài kệ này, chúng ta có thể xác định được ngữ nghĩa "trùng thiêm tiết" còn chưa rõ trong bản Hán Việt như đã đề cập ở trên.

Như vậy, xuất xứ và ý nghĩa của bốn câu kế tiếp bài kệ tắm Phật đã rõ, còn bốn câu cuối có xuất xứ từ Đại Huệ Ngũ Lục. Cũng nhân ngày Lễ Tắm Phật, ngài Đại Huệ thượng đường bảo:

Kim triều chánh thị tứ nguyệt bát
 今朝正是四月八
 Tịnh Phạn Vương cung sinh Tất-đạt
 淨飯王宮生悉達
 Thổ thủy cứu long thiên ngoại lai
 吐水九龍天外來
 Bồng túc liên hoa tùng địa phát
 棒足七蓮從地發.

Dịch:
 Tháng tư mừng tám sáng đẹp tươi
 Thái tử Đạt-đa mới ra đời
 Rồng đến đón mừng phun nước tắm
 Bày đóa sen nâng bảy bước Người. (14)

Bốn câu cuối bài kệ tắm Phật có ý nghĩa hoàn toàn giống với bài kệ này, chỉ có sai khác một chút về cách dùng từ như "phún thủy" so với "thổ thủy" và "bồng túc liên hoa" so với "bồng túc thất liên." (15) Chúng ta cũng có căn cứ để xác định "phún (thổ) thủy cứu long" mà không phải là "cứu long phún thủy". Trong Ngũ Lục, ngài Đại Huệ còn tiếp tục bài kệ trên để hiển bày Đại Thừa Phật Pháp qua phong cách thiển tông. Vì không phải là phạm vi thảo luận nên không bàn rộng ở đây.

Tóm lại, bài kệ tắm Phật mười hai câu mà các chùa Việt Nam thường sử dụng có bốn câu đầu xuất xứ từ Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, nằm trong một ngữ cảnh lớn hơn là Kinh Phật Thuyết Công Đức Tắm Phật do ngài Bảo Tư Duy dịch và Kinh Công Đức Tắm Phật do ngài Nghĩa Tịnh dịch. Tám câu còn lại có xuất xứ từ lời khai thị của ngài Đại Huệ Tông Cảo. Đây là sự kết hợp giữa lời Phật dạy (Kinh điển) và ý Tổ (ngũ lục). (16) Cho nên, muốn hiểu rõ thâm nghĩa của bài kệ tắm Phật, chúng ta cần tìm hiểu bài kệ trong nội dung Kinh Công Đức Tắm Phật và Đại Huệ Ngũ Lục (17). Vì phạm vi có hạn, xin hẹn sẽ bàn luận vấn đề này ở bài viết khác. Ở đây, chúng ta có đủ chứng cứ cho bài kệ tắm Phật hiện đang lưu thông, làm chỗ dựa cho bản dịch tiếng Việt và tiếng Anh sau đây:

Việt ngữ:

Kệ Tắm Phật

Con nay tắm gội đức Như Lai
 Trí sạch trang nghiêm, phước sâu dày
 Khiến các chúng sinh trong năm trước
 Chúng pháp thân Phật, sạch trần ai.

*Phật chẳng từng sinh ở Ca-tỳ
Chưa từng nhập diệt nước Câu-thi
Chẳng sinh chẳng diệt: thấy sinh diệt
Bụi vướng vào tròng, phải lấy đi!*

*Tháng tư mùa màng tám, sáng đẹp tươi
Thái tử Đạt-đa mới ra đời
Rồng đến đón mừng phun nước tắm
Sen nở nâng theo mỗi bước Người!*

Anh ngữ:
Verse of Bathing the Buddha
*To bathe the Buddha,
Whose merit and insight are perfect,
Is to purify the defilement of all beings
So all can attain pure Dharma body.*

*Neither was the Buddha born in Lumbini,
Nor did He pass away among sala trees.
The true Buddha has no birth and death.
Birth and death: an illusion that we see.*

*On the eighth day of the fourth month,
Siddhartha, son of King Suddhodana, was
born.*

*From the sky, nine dragons descended and
showered his body with water.*

*On the earth, a lotus emerged to support
his every step.*

Nhân mùa Phật đản, bài viết cũng như bản dịch Anh-Việt bài kệ tắm Phật này xin dâng lên cúng dường đức Từ Phụ Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni cùng tất cả những người con Phật hữu duyên để đền đáp ân Phật và ân chúng sinh trong muôn một.

Nam-mô Thường Tri Ân Bồ-tát Ma-ha-tát.
Sakya Minh-Quang

CHÚ THÍCH:

- (1) Bài kệ trên được bút giả hoàn nguyên chữ Hán:
我今灌沐諸如來 / 淨智莊嚴功德聚/五濁衆生令離垢/同證如來淨法身。
毘羅城裏不曾生/娑羅樹間不曾滅 / 不生不滅老瞿曇/眼中看見重添屑。
今朝正是四月八/淨飯王宮生悉達/噴水九龍天外來/
捧足蓮花從地發。
- (2) Đây là hiện tượng tương đối phổ biến trong nghi thức đọc tụng kinh điển âm Hán Việt của Phật giáo Việt Nam hiện nay. Ví dụ, chúng ta thường đọc câu “tăng-kỳ cữu viên tu **nhân**” thành “tăng-kỳ cữu viên tu **chân**” trong nghi thức công phu sáng, hay câu “Ta-bà **phi** thị cữu cư thành” thành “Ta-bà **cư** thị cữu cư thành” trong nghi thức tụng Kinh Dược Sư.
- (3) Trùng thiên tiết, có thể được hiểu là ngày lễ Phật. Phật hiệu là “thiên trung thiên天中天”, tức bậc trời của các trời, vậy “trùng thiên” trong ngữ cảnh này cũng có thể hiểu là Phật.

Vậy “trùng thiên tiết重天節” cũng có thể hiểu là ngày lễ Phật. Nhưng đây chỉ là ước đoán, không đúng với nguyên tác. Điều này sẽ bàn ở phần sau.

- (4) Bút giả từng đem vấn đề này hỏi học giả Lê Mạnh Thát, một nhà nghiên cứu Phật Giáo Việt Nam quảng bác, nhưng cũng không có được câu trả lời. Còn khi hỏi thầy Lê Trang, một vị rất giỏi về Nghi Lễ và Hán Văn, thầy cho biết rằng trong nghi thức tổng táng của Tăng sĩ, có bài kệ nhập tháp tương tự với bài kệ thứ hai: “Tích nhật gia nương vị tăng sinh/ Kim triều sơn cốc bất tăng diệt/ Bất sinh bất diệt lão thiên ông.” Dịch: “Ngày xưa cha mẹ chưa từng sinh/ Hôm nay trong núi chẳng từng diệt/ Bất sinh bất diệt: lão thiên ông.” Nhưng cụ thể xuất xứ bài kệ tắm Phật như thế nào, thầy cũng không rõ.
- (5) Bài kệ tắm Phật bốn câu các chùa Đài Loan thường tụng: Ngã kim quán mộc chư Như Lai 我今灌沐諸如來/Tịnh trí trang nghiêm công đức hải淨智莊嚴功德海/ Ngũ trước chúng sinh ly trần cấu五濁衆生離塵垢/ Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân 同證如來淨法身. Có vài chữ khác nhau giữa bài kệ này và bốn câu đầu của bài kệ tắm Phật ở Việt Nam, ví dụ *hải* so với *tụ*, *ly trần cấu* so với *linh ly cấu*, nhưng ý nghĩa đại thể tương đồng.
- (6) Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, 《敕修百丈清規》「宣疏畢。舉唱浴佛偈云（我今灌沐諸如來。淨智莊嚴功德聚。五濁衆生令離垢。同證如來淨法身）行道浴佛將畢。舉楞嚴呪。」Đại Chánh Tạng, q 48, kinh số 2025, tr. 1116, phần a, dòng 1-3.
- (7) Phật Tổ Thống Kỳ. 《佛祖統紀》「浴佛 四月八日是佛生日。人民念佛浴佛形像（摩訶剎頭經）浴像時誦偈云。我今灌沐諸如來。淨智莊嚴功德聚。五濁衆生令離垢。願證如來淨法身（浴佛經）」Đại Chánh Tạng, q 49, kinh số 2035, tr. 318, phần b, dòng 23-26.
- (8) Kinh Ma-ha Sát-đầu nói: “Phật bảo với mọi người trong thiên hạ: mười phương chư Phật đều sinh ra lúc nửa đêm ngày mùng tám tháng tư. 《佛說摩訶剎頭經》「佛告天下人民。十方諸佛皆用四月八日夜半時生。」Đại Chánh Tạng, q 16, kinh số 696, tr. 797, phần c, dòng 16-17.
- (9) Kinh Công Đức Tắm Phật, 《浴佛功德經》「我今灌沐諸如來，淨智功德莊嚴聚，願彼五濁衆生類，速證如來淨法身」Đại Chánh Tạng, q 16, kinh số 698, tr. 800, phần c, dòng 1-2
- (10) Hai bài kệ còn lại của Kinh Công Đức Tắm Phật như sau:
Giới định tuệ giải tri kiến hương/ Biển thập phương sát thường phân phúc/ Nguyên thủ hương yên diệt như thị/Vô lượng vô biên tác Phật sự. Diệt nguyên tam đồ khổ luân túc/ Tắt linh trừ nhiệt đắc thanh lương/Giai phát vô thượng Bồ-đề tâm/Vĩnh xuất ái hà đẳng bỉ ngạn. Dịch: *Hương giới, định, tuệ, hương giải thoát/Giải thoát tri kiến ngắt mười phương/ Nguyên khỏi hương này cũng như vậy/Làm các Phật sự số không lường. Nguyên ba*

*đường ác hết khổ đau/ Dứt trừ nhiệt
nã, được thanh lương/Đều phát Bồ-
đề tâm vô thượng/ Sông ái lên bờ,
Đạo chứng nên.* (Xin xem bản dịch
Kinh Công Đức Tắm Phật trong Nghi
Thức Huân Tu Hàng Ngày (2003),
tr.174-175, Sakya Minh-Quang
soạn).

- (11) Kinh Phật Thuyết Công Đức Tắm Phật, 《佛說浴像功德經》 Đại Tạng Kinh quyển 16, kinh số. 697, tr. 799, phần b, dòng 11-14
- (12) Bài kệ tắm Phật bốn câu của nghi thức Phật giáo Trung Quốc cũng có sai biệt vài chữ so với Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy: “Ngã kim quán mộc chư Như Lai/ Tịnh trí trang nghiêm công đức hải/ Ngũ trực chúng sinh **ly trần cấu**/Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân” (我今灌沐諸如來/淨智莊嚴功德海/五濁眾生離塵垢/同證如來淨法身). Thay vì “công đức tu” lại là “công đức hải”, thay vì “linh ly cấu” lại là “ly trần cấu.”
- (13) Ngũ Đăng Toàn Thư, Tục Tạng q 82, kinh số. 1571, tr. 94, phần c, dòng 23-tr.95, phần a, dòng 1.
- (14) Đại Huệ Phổ Giác Thiển Sư Ngũ Lục, Đại Chánh Tạng 47, kinh số. 1998, tr. 814, phần c, dòng 20.
- (15) Đại Chánh Tạng dùng chữ bồng捧 bộ mộc木 nghĩa là cây gậy nghi lễ với chữ bồng捧 bộ thủ手 có nghĩa là nâng, đỡ...
- (16) Chúng ta đã biết được chỗ xuất xứ của từng bài kệ bốn câu trong bài kệ tụng gồm mười hai câu mà Phật giáo Việt Nam thường sử dụng. Nhưng bút giả vẫn còn thắc mắc là bài kệ tụng tắm Phật mười hai câu này do ai biên tập và được sử dụng ở Việt Nam từ lúc nào? Tất cả các chùa ở Bắc, Trung, Nam đều dùng bài kệ này hay không? Xin các bậc thức giả chia sẻ và đóng góp để làm sáng tỏ những vấn đề này.
- (17) Bút giả có dịch Kinh Công Đức Tắm Phật, in trong Nghi Thức Huân Tu Hàng Ngày, 2013. Ai muốn tìm đọc có thể vào www.thientuongtemple.com phần kinh sách để đọc hay download.



4 ĐOẢN KHÚC THIÊN VỊ

1- MẮN PHAI

*Bên ngoài gió rét cúm
Ngàn cánh hoa rơi rụng
A! Mùa đông mẫn phai
Vô thường từng cái búng*

2- ĐÀO VỪA TRỞ NỤ

*Đâu cần lên núi ngòi yên
Tâm thanh ở chốn thị thiên vẫn thanh
Không màng danh lợi, đua tranh
Như mộng như huyền **sắc danh** đoạn lia
Đào vừa trở nụ, bên kia*

3- NƠI NÀO?

*Tôi ngồi giữa cội hoa Tâm
Có con sóc nhỏ âm thầm ngó theo
Ồi chao! Đôi mắt trong veo
- Nơi nào em đến? Đi theo lối nào?
Không đi, không đến, thì sao?*



4- TRÌ KINH

*Vừa xong nửa quyển Kim Cương
Trí mê, Tâm ngộ vốn thường phân tranh
Trí nhắc: Phật nói rành rành
Hữu vi (*) các Pháp dứt nhanh, đoạn lia
Sao còn **vọng tưởng** bờ kia?
Lặng im, Tâm chẳng phân bua
Hội chuông nhẹ gióng,
thắng/thua **buông** rời*

thơ

KIỀU MỘNG HÀ

March 11-2018

- (*) Lấy ý bài kệ trong kinh Kim Cương
“Tất cả Pháp hữu vi
Như mộng như chớp loè
Hãy quán chiếu như thế.”

SỰ KIỆN BỒ-TÁT ĐÀN SINH

Phước Nguyên

"Một hiện thể độc nhất, này các Tỷ-kheo, một nhân thể phi thường trác việt khi xuất hiện ở thế gian, sự xuất hiện ấy đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho thế gian, vì sự lành thiện, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Hiện thể độc nhất là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác." (Anguttaranikāya I, 1,13, tr. 22)



Sự kiện Bồ-tát xuất hiện ở thế gian, không phải để phá hủy những gì thế gian đang có và đang ước vọng: Tài sản, tình yêu, hạnh phúc... nhưng đến để dựng lại những gì đang sụp đổ, nối kết những gì bị đứt lìa. Điều này, được nhiều kinh thuộc văn hệ Pāli đề cập, tiêu biểu như kinh *Majjhimanikāya* (Trung Bộ kinh), kinh số 7. *Vatthūpamasuttam* (Kinh Ví dụ tấm vải), tường thuật như sau:

"seyyathāpi bho Gotama nikkujjitam vā ukkujjeyya, paṭicchannaṃ vā vivareyya, mūlhassa vā maggaṃ ācikkhēyya, andhakāre vā telapajjotaṃ dhāreyya 'Cakkhumanto rūpāni dakkhantī'ti.

"Hỡi Tôn giả Gotama, ngài như là người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc."

Vậy thì sự kiện đàn sinh của Bồ-tát đã gợi một bức thông điệp bình an và bất tử đến mọi loài chúng sinh, bức thông điệp ấy có thể được tóm tắt bằng bốn điểm sau đây:

1. Hàn gắn và nối kết những gì đang sụp đổ và bị đứt lìa (*paṭicchannaṃ vā vivareyya*)

Thế giới đang sụp đổ và đứt lìa bởi

những tham vọng của loài người, tư tưởng con người hiện nay có tính cách phá sản vì bị rơi vào sự nông cạn và hờn hờ của một niềm tin vào thể lực chông chất của phạm vi nhận thức, tức là quái thai của sự trùng phức, chừa bao giờ tư tưởng và ngôn ngữ con người bị đổ vỡ như hiện nay, vì đa phần đều được hướng dẫn bởi một ý định: rao truyền một ý thức hệ.

Giáo Pháp của đức Phật có công năng như một chất keo dính để dựng dậy những gì đang bị tà kiến gặm nhấm xiêu vẹo, cho nên sự thuyết giảng và thực hành giáo pháp trên hai phương diện: từ bi và thiên định, đang được áp dụng từ đông sang tây, không chỉ ở các cơ sở Phật giáo, mà còn lan đến trường học, bệnh viện, thánh đường, nhà tù v.v... để xây dựng lại những đổ vỡ điều tàn, do chiến tranh, bạo lực và lòng tham của con người mang lại.

2. Phơi bày ra những gì bị che kín (*paṭicchannaṃ vā vivareyya*)

Những phiền não tiềm phục trong chúng ta, chưa được nhận thức và khai trừ, đức Phật như một bậc đại lương y, xuất hiện nơi thế gian, để chỉ rõ những căn bệnh hiểm nghèo, đang được che đậy dưới những sự lộng lẫy bên ngoài, nhưng thật ra đã rệu rã và mục nát bên trong.

Ngài phơi bày những linh dược quý, hay những kho tàng tịch lạc ẩn mình trong lòng đất, để chúng sinh thấy được đời này không thuần là khổ đau, mà thật sự có tịch lạc, chẳng qua do chúng ta si ám không thấy đâu là khổ, đâu là lạc:

"Đêm dài cho kẻ thức

Đường dài cho kẻ mệt

Luân hồi cho kẻ ngu

Không thấy chân diệu pháp" (P.C -

Trưởng lão Minh Châu dịch)

Vì nếu cuộc đời này thuần túy là khổ, thì đức Phật đã không nhọc công thuyết pháp độ sinh, vì dạy cách gì đi nữa, cuối cùng cũng chỉ là khổ đau. Cho nên, chắc chắn có sự tịch lạc và giải thoát đang bị phủ dưới lớp sương mù của sinh tử, mà chúng ta có thể bằng giáo pháp xóa tan nó đi.

"Ai dùng các hạnh lành

Làm xóa mờ nghiệp ác

Chói sáng rực đời này

Như trăng thoát mây che" (P.C, ibid.)

3. Chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng (mūlhassa vā maggaṃ ācikkheyya)

Chúng ta đang sống trong thời bình, nhưng lại bị ném vào một xã hội mất hướng, như một cỗ xe đang lao xuống dốc vô định, những danh từ thân thương “guê hương, đạo pháp, dân tộc” v.v..., bỗng nhiên trở thành sáo ngữ, bị ép buộc nhìn bằng con mắt của người khác, đi trên đôi chân của người khác, tạo nên những tư tưởng lừng khừng, tư duy thiếu máu... Nhưng may thay, dòng suối pháp vẫn âm thầm tuôn chảy, chỉ đường cho nhân loại qua mọi thời đại, nhất là trong thời đại hiện này, một thời đại mà các giá trị đạo đức bị coi thường, các khát vọng vật chất đã xâm lấn, để nhân loại có được nhận thức trực quan, nhìn bằng đôi mắt của chính mình, đi trên đôi chân của chính mình, để vượt qua những giai đoạn hiểm nghèo của cuộc đời.

4. Đem đèn sáng vào trong bóng tối (andhakāre vā telapajjotaṃ dhāreyya)

Hình ảnh bóng tối của tà kiến, gợi lên sự khó thở, ngột ngạt, lừng gạt vô tận của những người gọi là trí thức, nó tượng trưng cho một sự nông cạn, phá sản, nô lệ, phá sản của một số thành phần trong giới trí thức Việt Nam hiện nay.

Giáo pháp của đức Phật giống như ngọn đèn sáng có khả năng phá tan bóng tối mê mờ ấy, ngài chỉ rõ chân lý tối hậu, chân lý đó là “thấy khổ và diệt khổ”:

*Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được bốn Thánh đế.
Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy Thánh đạo tám chi,
Đưa đến khổ não diệt. (P.C ibid.)*

Chân lý ấy chỉ được tỏa rạng bằng con đường trung đạo, xây dựng trên: “từ bi-trí tuệ,” thực thi bằng quy luật “duyên khởi và tánh không” để làm nền tảng đạo đức và trí cho con người.

Ánh sáng của đức Phật đang chiếu soi khắp thế gian, như mặt trời tuệ phá ám, điều phục tất cả mọi tai họa và khuyết điểm, vậy tại sao chúng ta còn chưa chuẩn bị hành trang lên đường giác ngộ?

*Vô trụ xứ am
Phước Nguyên*

TÌNH SÔNG

*Phù sa có được từ đâu?
Nước mang thương nhớ giải sầu cho sông
Lấp đầy bao hạt nhớ mong
Nước đi sông giữ bên lòng niềm đau...*

*Lần đầu gặp sông
Nước đầu hò hẹn
Sông vui vẻ mời
Mở lòng đón nước
Ôm ấp trong lòng
Những giọt đời trong*

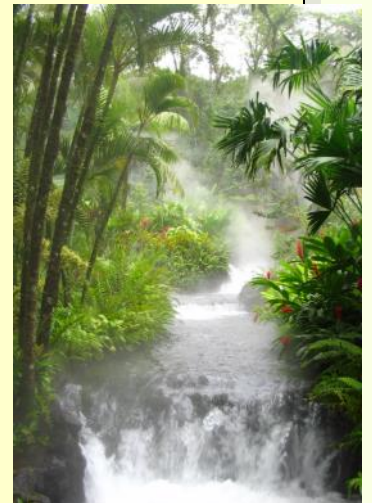
*Từ khi có nước
Sông bỗng đẹp xinh
Những đêm trăng rằm
Nghiêng mình sông thờ
Vương hình suối tóc
Yên ả dòng xanh*

*Năm tháng dần trôi
Bao mùa nước nổi
Sông nước tràn đầy
Đến hẹn lại lên
Cho đời no ấm
Bao nhịp đời vui*

*Nhưng bỗng một hôm
Chắn ngang dòng nước
Chiếc đập vô tình
Chia rẽ tình sông
Nước lớn không về*

*Tơ mình – sông khóc
Một sớm bình yên
Sông khẽ bàng hoàng
Thấy sao nắng nặng
Nơi đáy dòng trong
Đưa trẻ lọt lòng
Phù sa óng ánh*

*Không còn gặp nước
Sông cũng lặng đi
Nghĩa nặng tình đầy
Phù sa khát cháy
Không có nước sông tơ lòng chờ đợi
Nước mãi không về sông lặng đọng niềm đau...*



thơ NGUYỄN HẬU

MỤC ĐÍCH BỒ TÁT HỘ MINH THỊ HIỆN ĐẢN SANH VÀO CỠ TA BÀ - ẤN ĐỘ

Đức Hạnh

Bồ Tát Hộ Minh, tức là Thái Tử Tất Đạt Đa đã xuất gia tầm đạo, tu khổ hạnh sáu năm dưới cội cây Bồ Đề, đã thành Phật với pháp hiệu Thích Ca Mâu Ni. Sau đó trên vận hành nói Pháp hóa độ chúng sanh, trước khi nói, Đức Phật đã xác định mục đích thị hiện ra nơi đời. Lời xác định được ghi rõ trong kinh Pháp Hoa ở phẩm Phương Tiện như sau: "Chư Phật, Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên mà thị hiện ra nơi đời, đó là '**Khai thị chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến**.'"

Để được thấy rõ mục đích chính của Phật, chúng ta hãy phân tích từng cụm từ của hai mệnh đề trên.

Khai thị chúng sanh, có nghĩa là chỉ cho chúng sanh được **thấy** (Thị). Được **thấy** cái gì? Có phải chúng ta đã và đang thấy chư Tăng các cấp, nam nữ Phật tử các giới tại chùa mình, chùa người, các tượng Phật, Bồ Tát trên bàn, chư Tăng, Ni, Nam, Nữ Phật tử, kinh điển, chuông, mõ, đại hồng chung, cờ Phật Giáo 5 sắc... Cảnh vật chung quanh chùa? Chúng ta cũng đã và đang thấy con, cháu, và mọi việc sinh hoạt trong gia đình? Cũng như ngoài xã hội; nào là đường xá, xe cộ, phố xá bán buôn tập nập khách hàng, những cảnh bất công, nghèo đói, bệnh tật, người sang, kẻ hèn, người bóc lột người, đâm chém nhau, v.v... liên tục hết ngày này qua ngày khác. Có phải thấy ba hoạt cảnh trên là đúng nghĩa khai thị của Phật, không?

Không như vậy. Những cảnh và người mà chúng ta đã và đang thấy khắp nơi nói trên, là những thứ thường tình của nhân thế đạo, đời nói chung. Người có mắt là phải thấy, có tai là phải nghe, không thể tránh khỏi. Nói khác hơn, sự thấy và nghe đó của con mắt, lỗ tai, gọi là tánh thấy, tánh nghe, không lẽ nhắm mắt, bịt tai! Tức là phải thấy, thấy quan trọng đối với con người. Sự thấy của người Phật tử, mà Phật chủ trương, là phải thấy chân lý thực tướng của loài người là vô ngã (nhân vô ngã) vạn pháp là vô ngã, mới đích thực là cái thấy đúng nghĩa khai thị của Phật. Chân lý nhân vô ngã này, được chia ra hai phần.

Phần Một. Sự thấy phần một ở nghĩa **Khai thị** của Phật đối với con người, những hành giả đi tìm cho mình con đường giải thoát (4 chúng đệ tử Phật) bằng giáo pháp Tứ Diệu

Đế (Bốn Sự Thật). Rõ ràng được thấy; sau khi Phật thành đạo, Phật thuyết giáo pháp **Tứ Diệu Đế** trước tiên, để **khai thị** cho năm anh em Kiều Trần Như, và cũng là **khai thị** luôn cho tứ chúng, đệ tử Phật trong thời Phật tại thế, cũng như hậu lai ngàn đời mai sau, được hiểu và thấy bốn đạo lý chân thật (Đế): **Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế**.

Thấy hai thứ **Khổ đế, Tập đế** trước tiên, để biết rõ nguyên nhân chính của mọi thứ khổ, mà chúng sanh (con người nói riêng) tự chuốc lấy vào bản thân, và tạo tác ra nhiều tội lỗi: như dùng chức quyền để cướp đoạt tài sản người khác, giết người, giết vật, bắt bớ, giam cầm, đánh đập những người cô thế, ăn gian, nói dối, lừa đảo, v.v... đều là những cái quả nghiệp bị đi vào các cõi khổ đau, tối tăm, u ám, đói khát. Những cõi khổ đau ấy có ngay tại trần gian, là những nhà tù, trại giam. Sau khi chết đi bị vào các địa ngục, cũng như bị làm thân ngựa quý, các loài súc sinh. Tất cả, đều do tâm vô minh đầy tham, sân, si chấp ngã, phiền não... chồng chất lên nhau liên tục trong vô lượng kiếp, nối tiếp ra, vô, lên, xuống ba đường ác địa ngục, ngựa quý, súc sinh... Người Phật tử phải thấy và ngộ hai chân lý chắc thực: Khổ đế, Tập đế qua nhận thức rằng bị khổ, bị luân hồi là do tạo ra vô số nghiệp ác lúc sinh tiền. Tất cả tập hợp lại thành một khối tội ác, là cái lực bị đọa đầy vào ba đường ác trong muôn kiếp, khó mà ra được! Sau khi ngộ được hai thứ Khổ, Tập rồi, đem tâm thấy.

Thấy hai thứ tiếp theo: **Diệt và Đạo**. **Diệt**, là đạo lý chấm dứt khổ đau, cũng là sự có mặt của an lạc, giải thoát (Diệt đế). **Đạo**, là con đường diệt khổ để đạt được an lạc và giải thoát sinh tử, hết luân hồi (Đạo đế).

Người Phật tử Việt Nam đi tìm cho mình con đường giải thoát, đều phải hiểu và thấy đại từ bi tâm của Phật đã khai thị cho mình bài pháp Tứ Diệu Đế rồi, thì phải ngộ hay còn gọi là giác ngộ. Tức là thấy tâm mình đầy mọi thứ tham lam, sân hận, si mê cuồng tín, ích kỷ, đố kỵ, ngã mạn... là nguyên nhân gây nên khổ đau, sanh tử, luân hồi. Phải lấy tâm có trí tuệ mà thấy. Tâm có ngộ, có thấy (tri kiến) thì mới có nhập (**ngộ nhập**). Ngộ nhập vào chơn lý Bốn Diệu Đế bằng con đường tu tập Phật pháp đúng cách, đúng pháp. Cho nên sự thấy này là

bằng tâm có trí tuệ, khác với sự thấy bằng mắt như đã nói trên.

Sau khi tâm của người Phật tử đã ngộ nhập vào chân lý Tứ Diệu Đế rồi, thì chúng ta sử dụng tâm thanh tịnh của mình mà biến thực tại nơi mình đang hiện hữu (ngoài xã hội, gia đình, chùa chiền) thành tịnh độ, không cực đoan, bè phái, không đố kỵ, tranh tụng... Tâm luôn hằng chuyển trên dòng sông trung đạo, bình đẳng tuyệt đối. Tức là mắt thấy nhưng tâm không khởi lên ý niệm nói thãm, dấn nhãn, đố kỵ, giận hờn, buồn phiền, oán trách, không tư duy việc khác, thấy mọi người đều là bạn hữu đồng hành cùng về Tịnh độ, chú tâm vào việc mình đang làm gọi là một niệm, một tâm (niệm vô niệm) một cách tích cực, nếu không nói rằng tri hành đúng bốn phần, và trách nhiệm, hoặc không làm gì hết, thì tâm an trú im lặng, không nghĩ thiện, nghĩ ác, v.v... Nếu niệm Phật, trì chú, thì tiếp tục duy trì một trong hai niệm đó thôi, không thể hai niệm cùng lúc. Ngộ im trong tĩnh lặng, đồng nghĩa với **CÔNG ĐỨC**. Đích thực rõ ràng Bồ Đề Đạt Ma ngồi im, nhìn vào vách suốt 9 năm. Với chư Tăng Việt Nam trước 1975, nhiều vị nhập Thất, tu Tịnh khẩu 1 tháng, 2, 3 tháng...

Chúng ta thực hành **phần một**, là phần "**Khai thị**," ở bước đầu. Bước đầu này, được xem như chúng ta đã được có một số chữ "**Không**" trong tâm, do thực hành buông xả, biến thực tại thành tịnh độ tại gia đình, xã hội và chùa. Một số tánh **KHÔNG (công đức)** trong tâm chúng ta, dù là chưa đích thực chữ **Không**, nhân vô ngã, các pháp vô ngã nhưng, là nền tảng cơ bản để tiến lên phần **hai**, là cấp độ "**Ngộ Nhập Phật Tri Kiến**." Câu này nguyên gốc chữ Hán. Ta đổi lại để dễ hiểu hơn "**Ngộ nhập tri kiến Phật**."

- **LUẬN GIẢNG Luận Phần Hai**. Sau bài pháp Tứ Diệu Đế, Phật nói bài Pháp Vô ngã tướng cho năm anh em Kiều Trần Như. Nếu không nói rằng bài pháp Vô ngã tướng, là cách thâm nhập vào dòng giống Như Lai. Còn gọi là Ngộ nhập tri kiến Phật. Ngộ, nghĩa là tâm thấy, biết rõ chân lý. Gọi cho đủ là tâm giác ngộ đạo lý thực tướng nhân vô ngã, các pháp vô ngã. Nhập, nghĩa là hội nhập vào lý thực tướng vô ngã đó. Tri kiến. Tri là **biết**, kiến là **thấy**. Nghĩa là tâm đã thấy, biết rõ vào đạo lý "**Nhân duyên sinh- nhân duyên diệt- Trở về không**" trước tiên. Hai thứ: 1- **Thực tướng con người và vạn pháp** đều vô ngã. Bản thể con người do 5 uẩn giả hợp, vạn hữu do vô số duyên giả hợp mà có. 2- **Thuyết Nhân duyên sinh**. Phật đang có trong hai đạo lý 1 và 2 đó. Có nghĩa là Phật, mà chúng ta sẽ được thấy, chính là giáo pháp vô ngã, nhân duyên sinh. **Thấy hai đạo lý đó chính là**



thấy Phật. Chứ không phải những pho tượng Phật trên bàn, cũng không phải Phật trong kinh điển. Kinh điển là lời pháp của Phật, được chư Thánh Tăng kết tập lại qua bốn thời kỳ, sau Phật nhập Niết Bàn. Cũng như Phật đang có trong tâm ta, là **cái tâm không còn mọi ý niệm về ngã, trống rỗng, không còn tham, sân hận, si mê, hết đam mê dục lạc, xả bỏ hết mọi kiến chấp, không ngã mạn, không biên kiến, bè phái, đố kỵ, không khoe khoang tiền tài, chức quyền, luôn tỉnh thức, nói năng đúng chánh pháp, im lặng như chánh pháp, hiền hòa, nhã nhặn, không có lời tranh chấp, luôn từ bi, hỷ xả...**

Và Phật có cả trong vạn hữu chúng sanh. Nếu không nói rằng: "**Thực tướng các pháp và con người là vô ngã, đó chính là Phật, là dòng giống Phật là chỗ đó, ta phải thấy**." Một con người được thành Phật, là do tu tập Phật pháp, mà thấy được thực tướng các pháp, trong đó có ta, tất cả đều vô ngã. Sở dĩ được có bản thân, tức là Ngã. Chữ Ngã, là một vật thể có hình tướng. Vật thể hữu tình và vô tình. Hữu tình, là muôn loài sinh vật trên khô, dưới nước; vô số chủng loại to, nhỏ. Nhỏ như vác loài vi trùng, cái kiến, phù du, muỗi... To, lớn như loài voi, sư tử, cá voi... Vô tình như vạn hữu: cây, cỏ... sỏi đá, bàn, ghế, xe cộ, nhà cửa, mây bay, gió thoảng... Tất cả hữu tình, vô tình đều không tự thể, do vô số nhân duyên giả hợp, kết tụ lại mà có, gọi là nhân duyên sanh, hết duyên bị tan rã, trở về không. Hằng ngàn vật dụng, mà con người đang dùng hằng ngày, không phải do chúng tự có, mà do con người tạo nên. Như chiếc xe hơi, bàn ghế, v.v... Tất cả đều do các duyên, cho nên sẽ bị già, cũ, hư hoại bởi định luật vô thường. Một khi người Phật tử đã ngộ được định lý **nhân duyên sinh, nhân duyên diệt** và định luật vô thường, vô ngã rồi, tức thì thấy mình là già, là vọng, không thật. Đó là tâm giác ngộ, hết mê được hiển lộ ra hành động và lời nói từ, bi, hỷ, xả, chơn thật, tỉnh thức, nói năng đúng chánh pháp trong đời đời. Nếu không nói rằng; đây là tâm giác ngộ bậc thấp. Cứ trạng thái giác ngộ đó qua nhiều kiếp, sẽ lên cấp độ Trung giác, Đại giác (toàn giác). Đó là Phật, thật là đơn giản.

Nói Thêm về ĐẠO LÝ VÔ NGÃ (nguyên là chữ Tàu)

Vô, nghĩa là Không. **Ngã**, là Ta, vật thể (form). Vô ngã, là không phải của ta. Thiên hạ ngoài thế gian thường nói Tôi đây, Tôi là người giám đốc, Tôi biết hết chuyện ấy, đây là nhà của tôi (Ta), con của tôi (Ta), xe của tôi (Ta), tên của tôi (Ta), chức quyền của tôi (Ta), sự hiểu biết của tôi (Ta)... **Tất cả gọi là ngã**

nhân, ngã sở, ngã kiến, ngã mạn... Đức Phật cho rằng những thứ của Ta, Tôi đó đều giả, không thật. Giả, không thật như vậy, mà cứ cho là thật, cho nên cứ đem tâm chấp vào đó. Khi bị mất, bị chết, cảm thấy luyến tiếc, khổ đau. Qua bên kia cõi chết làm thân Trung ấm vẫn còn bị đau khổ, luyến tiếc... Nếu không nói rằng; tâm si mê, lăm lặc, luyến tiếc, khổ đau... là cội gốc của sanh tử, luân hồi. Vì vậy, Đức Phật dạy cho giáo pháp diệt khổ là **diệt nhân thức si mê, ngã chấp**. Để phá trừ, tận diệt cái tâm chấp ngã (chấp có Ta) là phải học và ngộ được giáo pháp "Nhân Duyên Sinh."

Giáo pháp Nhân Duyên. Giáo pháp Nhân duyên sanh, là đạo lý để phá trừ mọi vọng kiến, tà kiến. Từ đó được có Chánh kiến. Tức là thấy cái Ta là giả (vọng), có nghĩa là không thật, chứ không phải là không có. Có nhưng mà giả, như nói vàng giả.

Cũng như vậy, con người và vạn hữu chúng sanh hữu tình (muông thú) chúng sanh vô tình (muôn loài cỏ, cây, sỏi, đá...). Tất cả đều giả, vọng, do vô sở nhân duyên giả hợp tạo nên, chứ không thể tự có bản thân, cho nên sẽ bị định luật vô thường làm cho giả, cũ, rồi chết, hư hoại, không thể trường tồn.

Với con người, là con vật có tánh linh siêu đẳng, đều có khả năng nhận thức về những đạo lý hữu ngã, vô ngã, vô thường, duyên sanh, duyên diệt, luân hồi, nhân quả (nhân nào, quả nấy không sai chày) tội lỗi, phước báo... trong lúc đang sống trên đời, ai cũng hơn một lần được nghe đến những đạo lý trên. Người dân tại các nước Đông Nam Á Châu càng biết nhiều hơn các dân tộc AU, MỸ. Nhất hạng là các giới Phật tử nói chung trên thế giới đều biết; con người sau khi chết sẽ đi về đâu. Đi về đâu là do tâm. Tâm nào thì có con đường ra đi của tâm đó. Tâm Phật về cõi Phật, tâm trời về Trời, tâm Thánh về Thánh, tâm người trở lại người, tâm A tu-la về cõi A tu-la, tâm địa ngục vào địa ngục, tâm ngạ quỷ làm thân ngạ quỷ, tâm súc sanh làm thân súc sanh... Bao nhiêu tội ác, phước thiện... đều do tâm khởi lên, thân hành động tạo nghiệp, chết rồi thân theo nghiệp thiện, hay ác như hình theo bóng.

Tâm nào thì có con đường của tâm đó ở mai sau, khi xả bỏ báo thân (chết), được Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm sau đây: "**Này A Nan! Tất cả thế gian, sống chết nối tiếp nhau không dứt. Sống thì thuận theo tập khí mà tạo nghiệp; chết thì theo dòng biến đổi mà thọ báo. Lúc gần mạng chung, chỉ còn chút hơi ấm mong manh, bao nhiêu việc thiện, việc ác đã tạo ra trong suốt đời, đều vụt hiện ra; trôn chết và cầu sống, hai tập khí ấy cùng lúc tranh giành.**

Nếu thuần là **tướng** thì bay lên, ắt sinh vào các cõi Trời. Nếu trong cái tâm bay lên đó mà có bao gồm phước đức, trí tuệ và chí nguyện thanh tịnh, thì tự nhiên tâm được sáng suốt, thấy được tất cả cõi Phật thanh tịnh khắp mười phương, rồi tùy ý nguyện về cõi nào thì



được vắng sanh về cõi đó.

Nếu **tướng** nhiều mà **tình** ít, thì cũng bay lên được, nhưng không xa, thành các loài như tiên, đại lực quỷ vương, quỷ da xoa bay lên hư không, quỷ la sát đi trên mặt đất; họ có thể đi khắp các cõi trời Tứ-Vương, không gặp trở ngại. Trong số đó, nếu ai có thiện tâm và phát nguyện lành, hộ trì Phật pháp, hoặc hộ trì giới cấm và bảo vệ người trì giới, hoặc hộ trì thần chú và bảo vệ người trì chú, hoặc hộ trì người tu thiền định, giữ yên pháp nhẫn, thì những vị ấy chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai.

Nếu **tướng** và **tình** bằng nhau, không bay lên, cũng không đọa xuống, mà sinh vào cõi nhân gian; vì có "**Tướng**" nên có phần thông minh, và vì có "**Tình**" nên cũng có phần ngu độn.

Nếu **tình** nhiều, **tướng** ít thì sinh vào cõi bàng sinh, thân thể nặng nề thì vào các giống thú **lông mao**, thân thể nhẹ nhàng thì vào các loại cầm thú có **lông vũ**.

Bảy phần "**Tình**" ba phần "**Tướng**" thì chìm dưới thủy-luân, sinh nơi mé hòa-luân, chịu hơi nóng của lửa mạnh, làm thân ngạ quỷ, thường bị thiếu đốt; thấy nước thành lửa, lửa cháy hại mình, nên trải trăm ngàn kiếp không ăn uống được.

Chín phần "**Tình**" một phần "**Tướng**" thì sa xuống suốt tầng hòa-luân, đến tận vùng ranh giới giữa hòa-luân và phong-luân, nhẹ thì sinh vào hữu gián, nặng thì sinh vào vô gián, đó là hai loại địa ngục.

Thuần là **Tình** thì sa vào địa ngục A-tì. Nếu có thêm cái tâm hủy báng đại thừa, phá hoại cấm giới của Phật, nói Pháp cuồng vọng để tham cầu của tín thí, lạm nhận sự cung kính, hoặc phạm các trọng tội ngũ nghịch, thập ác, thì sẽ bị luân chuyển đọa vào địa ngục A-tì này đến địa ngục A-tì khác ở khắp mười phương.

Tùy theo ác nghiệp đã tạo mà mỗi con người tự chịu lấy quả báo riêng của mình. Tuy nhiên, vì con người tạo ác nghiệp có giống nhau, nên cùng chịu quả báo địa ngục giống nhau, tưởng như địa ngục vốn có chỗ nơi nhất định sẵn..." (Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm- Cư sĩ Hạnh Cơ dịch- trang 793-797)

Người Phật tử trên thế giới thấy biết vai trò của tâm mình là phụ. Cái biết đến các đạo lý: **Tứ Diệu Đế, Vô thường, Vô ngã, Nhân duyên sanh, Nhân duyên diệt** mới là chính, quan trọng trên vận hành học và tu tập Phật Pháp đối với con đường giải thoát sanh tử, luân hồi ở mai sau, là phải thấy, phải thực tập để được có cái tâm thường hằng trống rỗng (cái tâm vô ngã), chứ không phải trong ngày tu tập được có tâm vô ngã, sau đó cái tâm bị trở lại tánh tham, sân, si, chấp ngã... do chưa huân tập kỹ 4 chánh pháp. Phật tử nào đã ngộ, là có nhập vào 4 đạo lý nói trên, cho nên họ có một thái độ Chánh kiến, thường chọn và theo các bậc Đạo Sư danh Tăng trung niên và cao niên, để tu tập đúng Chánh Pháp.

Tóm lại, "**Ngộ nhập tri kiến Phật,**" là thấy rõ thực tướng con người của mình và muôn loài chúng sanh hữu tình, vô tình, tất cả vốn **vô ngã**, cho nên không tự có bản thân, đều nhờ vào vô số nhân duyên giả hợp mới được thành thân, trong đó 4 thứ: đất, nước, gió, lửa là quan trọng nhất cho sự tồn tại của bản thân. Nhưng vì không tự thể, cho nên bản thân phải bị hoại diệt bởi định luật **vô thường**, là một quy luật không thể tránh khỏi. Nhận thấy rõ vô thường là khổ ở bản thân thực tại: Sanh, già, bệnh, chết. Thấy luôn, chết chưa phải là hết thân, còn thân bên cõi chết, nào là thân Ma, quý trong địa ngục khổ, làm thân súc sinh càng khổ hơn. Nếu được tái sanh lại kiếp người, tiếp tục bị khổ. Nhận thức được cái lý chân thật đó. Nên chi có những người Phật tử đang sống trên đời, hết lòng lo học Phật và thực tập giáo pháp Vô ngã, tức là xả bỏ hết tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, nghi, ác kiến; **không** đố kỵ, ăn gian, nói dối, khoe khoang, **không** chống phá người khác, tự cao, tự đại, giành giật chức quyền, trấn áp kẻ cò thế, **không** đánh đập người nghèo khó, **không** nói thãm, dán nhãn xấu lên người mình không ưa, **không** còn lòng ganh ghét, **không** còn tâm kiêu mạn... Tất cả **tâm không** đó chính là TRI KIẾN PHẬT. Tâm PHẬT, vô ngã, trống rỗng như bầu trời không mây, tĩnh lặng muôn đời trong cõi vô sanh, vô tử, vô luân hồi. Đúng như kinh văn nói: "Phật, chúng sanh, Tánh thường Rỗng lặng. Đạo cảm thông, không thể nghĩ bàn." Qua đây cho ta thấy rõ ràng; Niết Bàn và Cực Lạc là ngôi nhà chung, có cửa KHÔNG, ai có Tâm Không thì mới vào được. Nếu Ai có Tâm **CÓ** (hữu ngã) không thể vào được. Là Phật tử đi chùa tu học, ắt hẳn đều biết Tâm Không, Tâm Có là gì rồi. Nếu không nói rằng; đã được nghe chư Tăng (các Thầy giảng sư) giảng rõ ở trên rồi. Ai quên, xin hãy nhớ lại.

Đức Hạnh

CẢNH THIÊN

1. Hương từ lan mọi nẻo
 Nhật tuệ chiếu muôn phương
 Thiên sàng Tăng tỉnh toạ
 Phật điện trầm lan xông

2. Kinh vàng tan mộng ảo
 Kệ ngọc bật ưu phiền
 Chuông khuya lay khách tục
 Mồ sớm gợi hôn thiêng

3. Xuân thiên hoa giác nở
 Nẻo đạo tuệ tâm khai
 Thời thời an lạc trú
 Khắc khắc cát tường bày

4. Từ vân che vạn nẻo
 Tuệ nguyệt chiếu vô cùng
 Viên Am rên pháp giới
 Ảnh thiên rạng mệnh mang

5. Chân Như thường tịch chiếu
 Bát Nhã mãi rên vang
 Xuân thiên hương toả ngát
 Vườn đạo ánh trăng vàng

6. Đạo nhân cười vỡ mộng
 Nhật nguyệt chiếu soi dòng
 Hoa tâm bùng đóa nở
 Đuốc tuệ đón xuân sang

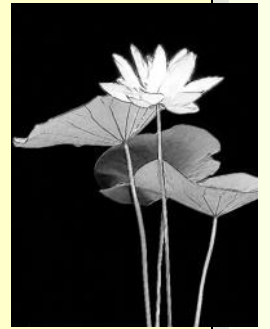
7. Thiên tăng tu quán niệm
 Thiện tín tập nhìn tâm
 Xuân cười hoa sắc thắm
 Đức nhuận đất trời an

8. Chiên đàn thom lan tỏa
 Hải ngân đượm hương thiên
 An nhiên và tĩnh tại
 Giữa cõi trời vô biên.

thơ

CHỨC HIỀN

California, Xuân Mậu Tuất-2018



PHẬT LÀ ĐẲNG TOÀN GIÁC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)



PHẬT LÀ ĐẲNG TOÀN GIÁC

Một ngày kia Vua Dilanda hỏi tỳ kheo Na Tiên rằng:

- Bạch Đại đức, Phật đã có thể biết hết tất cả các việc ở ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

- Tâu đại vương Phật biết hết.

- Nếu Phật biết hết tại sao ngài không trao giới luật, giới pháp cho môn đồ cùng một lúc mà phải tùy căn cơ trao truyền dần dần?

Na Tiên tỳ kheo hỏi ngược lại nhà vua rằng:

- Trong quốc gia của ngài có vị lương y nào thật sự là chí giỏi không?

- Có chứ!

- Vị lương y ấy có biết nhiều loại thuốc không?

- Đã là ngự y giỏi của ta hẳn phải biết tất cả các loại cỏ thuốc.

- Thế khi chữa cho một bệnh nhân nào, ông ta có cho bệnh nhân uống hết các loại thuốc mà mình biết không?

- Phàm làm thuốc phải tùy

bệnh chứng luận trị mà lên phương thang cắt thuốc gia giảm cho ứng kịp bệnh trạng chứ.

- Lại cũng như vậy. Phật truyền trao giới luật phải đúng thời, đúng chỗ, đúng nơi, thì đệ tử mới thâm nhập y pháp phụng hành được. Đâu có thể khinh xuất trao cả một lượt mà được. Thật thâm sâu vậy thay.

HÃY TỰ THẮP ĐUỐC LÊN MÀ ĐI

Trong chúng sanh đều có Phật tánh. Tam tạng giáo điển chỉ là phương tiện giúp chúng sanh thấy biết Phật tánh chân thật ấy và không để cho mê vọng che lấp Phật tánh ấy đi.

Tu là nỗ lực trên hành trình này. Khi liễu ngộ Phật tánh rốt ráo là đắc quả là thành Phật. Ngoài tự tánh Phật sẵn có đó, ta không thể cầu tìm một Đức Phật một quả vị Phật nào khác vì bởi nếu có ta cũng không thể nhận biết được.

Ngay chính Bồ Tát Trì Thế, một bậc Tôn đức, mà còn lầm thiên ma Ba Tuần là trời Đế Thích. Nếu không có Duy Ma Cật cư sĩ khai thị cho để thấy rõ chân lý ấy. Tôi xin lược thuật một câu chuyện trong kinh Phật để anh em suy gẫm:

Có một vị tăng chăm chú học kinh điển đã lâu nhưng chưa thấy ý nghĩa huyền diệu của kinh. Anh ta đến một vị tổ thiên xin thụ giáo. Một buổi tối anh ra ngồi tĩnh tọa ngoài sân suy nghĩ mệnh mông về chân lý, bỗng vị tổ thiên đến gần bảo:

- Tại sao người không

ngồi trong nhà?

- Bạch sư cụ trong nhà tối quá!

Vị tổ mới móc trong túi ra một cây nến, bật quẹt thắp lên rồi đưa cho đệ tử. Người đệ tử đưa hai tay đón nhận, nhưng thiên sư thổi tắt nến và cất vào túi rồi bỏ đi. Người môn đồ ngồi ngơ ngác rồi hốt nhiên đại ngộ. Anh dõng theo bóng thầy đánh lễ Tổ quay lại hỏi:

- Nhà người làm sao thế?

Người môn đồ lặng thinh không trả lời; anh lặng lẽ đi tìm kinh sách mà anh thường tụng niệm đốt sạch.

- Đạo Phật nhận định cuộc đời là khổ đau.

- Khổ đau ấy do chúng ta mê si đã tác tạo ra.

- Con người lại có khả năng giải trừ khổ đau để đến chỗ an lạc yên vui.

- Đạo Phật giúp ta nhiều phương tiện để nhận diện và giải trừ khổ đau phiền muộn ấy.

Nỗ lực là chính. Tha lực chỉ là sự tác trợ thứ yếu.

Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi. Đó là ngọn đuốc tái huệ trong mỗi cá nhân con người.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)





CÁC PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TRONG GIÁO LÝ PHẬT ĐÀ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — tài liệu tu học của GDPTVN)

(tiếp theo kỳ trước)

B. MỤC TIÊU GIÁO DỤC.

Giáo dục Phật giáo nhằm đào tạo con người toàn diện: hoàn thành tư cách cá nhân và rèn luyện những khả năng về văn hoá, chính trị, có thể giúp ích cho quốc gia, xã hội nếu cá nhân đó là một vị vua hay một người lãnh đạo...

1. Hoàn thành tư cách cá nhân: là con người ngũ uẩn, được giáo dục cả về vật chất lẫn tinh thần, cả tâm sinh lý, tình cảm và trí tuệ với các phương tiện thiện xảo của Bát Chánh Đạo:

Giáo dục đánh thức: Đạo Phật là đạo Tỉnh thức, đức Phật là người Tỉnh thức nên chánh niệm tỉnh thức là mục tiêu thứ nhất của Giáo dục Phật giáo.

Người có chánh niệm mới chủ động được những hành động của Thân, Lời và Ý của mình, mới khỏi phạm sai lầm...

*Thở vào Tâm tĩnh lặng,
Thở ra Miệng mỉm cười
An trú trong Hiện Tại
Giờ phút đẹp tuyệt vời.*

Giáo dục thiền định: áp dụng phương pháp Tứ Niệm Xứ, người thực hành thiền được nhiều điều lợi:

Luôn tỉnh thức, giữ gìn chánh niệm dễ dàng

khả năng tập trung tư tưởng nhanh, trạng thái tâm lý ổn định

tư tưởng tích cực, hân hoan, hỷ lạc, ít buồn chán

buông xả dễ dàng, tình thương và trí tuệ tăng trưởng

Giáo dục thiền định giúp chúng ta **SỬA ĐỔI CÁI NHÌN**

Sửa đổi cái nhìn tức là sửa đổi cách sống.

Nhìn sao thì sống vậy; nhìn kẹt thì khổ, nhìn suốt thì ngộ

Ngộ thì giải thoát, giải thoát khỏi khổ đau phiền não.

Những câu kệ (Kinh Pháp Cú chẳng hạn) giúp ta sửa đổi cách nhìn; nhìn RA tha nhân chứ không chỉ nhìn VÀO bản thân...

Lấy ví dụ những câu kệ trong Kinh Hoa

Nghiêm (Phẩm Tịnh Hạnh) hay những câu của Thiền sư Nhất Hạnh:

*Khi vào thiền đường
Nguyên rằng chúng sanh
Đến chỗ vô thượng
An trụ bất động*

*Chén trà trong hai tay
Chánh niệm nâng tròn đầy
Thân và Tâm an trú
Bây giờ và Ở đây*

Sự chú ý hay tỉnh thức đối với những hoạt động của mình chính là **SÔNG TRONG HIỆN TẠI**. Đây là pháp **quán Thân**, huấn luyện sự chú ý và tỉnh thức, suốt ngày đêm, đối với tất cả hoạt động của Thân trong đời sống hằng ngày.

Quán Tâm: là nhìn thẳng vào Tâm mình giống như nhìn mặt mình trong gương (soi gương). Nhìn ngắm, quan sát một cách vô tư, khách quan, không phê phán, không chỉ trích, không phân biệt phải trái, tốt xấu, chỉ thuần túy là quan sát thôi. Nếu quan sát Tâm khi giận dữ đang hiện diện trong nó, ta sẽ thấy cơn giận dần dần nguôi đi... Tương tự như vậy đối với những cơn phiền muộn, những cảm xúc tiêu cực khác... Do đó, nếu thường xuyên quán sát Tâm, ta sẽ thấy bản chất đích thực của nó, nó như bầu trời còn những giận dữ, ganh ghét, phiền não đến rồi đi... như những đám mây đen đi ngang qua chừ bầu trời Tâm không dính mắc. Quán Tâm giúp ta không dính mắc với



mọi cảm xúc, dù là hạnh phúc hay khổ đau, phiền não hay an lạc... Khi Tâm bình an, ta nhìn rõ mọi sự, đúng như thật.

Còn một hình thức thiền quán nữa: đọc một cuốn sách hay, thảo luận, bàn cãi, suy nghiệm sâu xa về những đề tài trong cuốn sách đó, v.v... đều là một hình thức của thiền quán. Chúng ta có thể dùng "ngũ cái" (5 sự ngăn che *nivarana*) làm đề tài thiền quán: 1. Tham dục (*kàmacchanda*); 2. Sân hận (*vyàpàda*); 3. Hôn trầm (*thìnamiddha*); 4. Trạo hối (*uddacakukucca*); 5. Hoài nghi (*vicikicchà*).

Cũng có thể dùng 7 yếu tố của Giác ngộ (Thất Giác chi) làm đề tài thiền quán: 1. Niệm (Sati); 2. Trạch pháp (*dhammavicaya*); 3. Tinh tấn (*viriyà*); 4. Hỷ (*pìti*); 5. Khinh an (*passadhi*); 6. Định (*samàdhi*); 7. Xả (*upekkhà*).

Giáo dục trí tuệ (không phải là kiến thức): rèn luyện chánh kiến và chánh tư duy là điều kiện để trí tuệ phát triển, trí tuệ không từ sách vở và tư duy tối, kiến thức thì từ sách vở và tư duy đầy ngã tính. Trí tuệ có thể đến từ trực giác, từ thiền định.

Khi trái tọa cụ

Nguyện rằng chúng sanh

Trái mở Pháp lành

Thấy tướng chân thật

Thân ngồi ngay ngắn

Nguyện rằng chúng sanh

Ngồi tòa Giác ngộ

Tâm không chấp trước.

Giáo dục Trung đạo: Trung Đạo là đường lối giáo dục tránh xa 2 cực đoan: không quá khắt khe với kỷ luật sắt, cũng không phóng túng vô kỷ luật, chạy theo hưởng thụ dục lạc, buông thả, làm mỗi cho tam độc tham sân si. Với 37 phẩm trợ đạo, giáo dục Phật giáo cho phép nhà giáo dục có vô số phương tiện giáo dục đệ tử, học trò của mình tu theo căn cơ trình độ và cá tính tình, hoàn cảnh đặc biệt của từng người, bao gồm cả giáo dục về văn học nghệ thuật v.v...

2. Hoàn thành Con người Xã hội: Áp dụng những giáo lý căn bản như Vô Thường, Vô Ngã, Duyên Khởi, v.v... cùng với những lời dạy trong Kinh Hiền Nhân và Kinh Thiện Sinh cũng như Kinh Tăng Chi... chúng ta rút ra được những phương thức Giáo dục Phật giáo qua các tinh thần tích cực, cao quý vì tha nhân nhiều hơn, có thể quên bản thân mình.

Khi tâm khảng khí với Đạo pháp, tự nhiên chúng ta thấy sứ mệnh của chúng ta đối với chúng sanh rõ ràng hơn, lý tưởng muốn hiến dâng mình cho đạo pháp trở dậy mạnh mẽ, chúng ta hiểu được sự giác ngộ của chúng ta chỉ thật sự lợi ích nếu chia sẻ với tất cả chúng sanh.

Lúc ấy, chúng ta trực nhận được rằng:



những việc tốt mình làm, những hạnh lành mình tu, những công đức mình tích lũy... chúng cũng như không khí, dùng để nuôi dưỡng chúng sanh. Ai cũng cần không khí để thở. Sinh mạng của mình cũng như bầu trời, như hư không... chẳng có gì để chấp thủ, để tích lũy. Từ đó chúng ta liễu ngộ rằng cuộc đời, công hạnh, công đức của chúng ta đều thuộc về chúng sanh, thuộc về pháp giới, thuộc về chân lý. Cuối cùng chúng ta hiểu rõ Tu là hồi hướng, là hiến dâng, là xoá đi dấu tích và ranh giới của bản ngã với vũ trụ, nghĩa là đem tâm thức, sự tu hành trở về nguồn cội vô ngã, vô ngại.

Chỉ đến lúc đó, con người mới được gọi là "con người toàn diện," con người xã hội.

Nếu tất cả chúng ta đều là những con người xã hội toàn diện thì cõi đời này chính là thế giới Tịnh Độ.

3. Pháp môn tu của GDPT: Có người hỏi rằng: Sao không thấy GDPT cho biết pháp môn tu là gì. Câu hỏi này nếu không phải do đoàn sinh hay HTr./GDPT hỏi thì chúng ta khỏi trả lời nhưng trong phạm vi bài này ("Những phương án GD...") nên chúng ta trả lời cũng được. Đức Phật có 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu thì HTr./GDPT muốn áp dụng pháp môn nào cũng được, nhưng nếu muốn thấy rõ pháp môn TU của GDPT thì hãy nhìn vào 5 điều luật của HTr. thì thấy ngay pháp môn Bồ tát đạo với quy trình Tín (Giới), Nguyện, Hành [ĐL 1: Tín (Giới); ĐL 2, 3, 4: Nguyện; ĐL 5: Hành (Lên đường)].

IV. KẾT LUẬN:

Mỗi xã hội, mỗi thời đại, mỗi tôn giáo, v.v... đều có mẫu người lý tưởng riêng. Ví dụ xã hội Âu Tây ngày xưa thì mẫu người lý tưởng là những chàng Hiệp sĩ hào hoa (cavalier), mẫu người lý tưởng của xã hội Trung Hoa là người Quân tử, mẫu người lý tưởng của Nhật Bản là những Samurai (võ sĩ đạo), còn mẫu người lý tưởng trong xã hội Phật giáo là Bồ Tát.

Sự khác biệt giữa người quân tử, người hiệp sĩ, người võ sĩ đạo với người Bồ tát là tinh thần vô ngã. Bồ tát cứu người cứu đời nhưng không thấy mình có làm điều đó, họ không

thấy có người làm ơn cứu giúp và người được cứu giúp. Bồ tát bố thí nhưng không thấy có người cho có người nhận, có vật đem cho.... Vì vậy tâm họ rỗng rang, rộng lớn như hư không. Họ không cần lưu danh hậu thế, họ đi vào cuộc đời này và ra khỏi đó như một "vết nhận lưng trời" không lưu lại dấu vết gì cả.

"Học Phật để làm Phật": Giáo dục Phật giáo có mục đích làm hiển lộ Phật Tánh nơi chúng sanh nhưng thời gian bao lâu để thành Phật thì không xác định được (một tích tắc, một đời, nhiều đời nhiều kiếp). Tuy nhiên chân dung của Bồ tát—nhân cách lý tưởng của đạo Phật—vẫn là hình tượng đẹp nhất, thanh cao nhất, thánh thiện nhất mà anh chị em chúng ta mãi noi gương để hoàn thiện mình.

Ngài Narada đã từ bi chỉ dạy:

"Phục vụ để trở nên hoàn thiện. Hoàn thiện để phục vụ."

Tâm Minh soạn

Tài liệu tham khảo:

- ♦ Đức Phật Đã Dạy Những Gì (What The Buddha Taught; Rahula) Ni Sư Trí Hải Việt dịch
- ♦ Đức Phật và Phật Pháp (Narada - Phạm Kim Khánh Việt dịch)
- ♦ Phẩm Tịnh Hạnh (Kinh Hoa Nghiêm) CE dịch và lược giải
- ♦ Tài liệu tu học Bạc Lược 1 HN (của BHD/TU/GĐPTVN tại VN)
- ♦ Thi kệ của Hoà Thượng Nhất Hạnh.

(Tài liệu học tập của GĐPTVN,
Bạc Lược 1 Hải Ngoại)



CHÙM THƠ LẬP XUÂN

(Ghi vội những lần lên chùa thắp nhang
cho Cao Xuân Huy)

1.
*Ông ngồi trên kia
tôi đứng dưới này vái lạy
chợt thấy muôn triệu điều không hiểu
nhưng hiểu ra cũng chẳng để làm chi
lặng lẽ vũ trụ quay đều
vòng quay vô chung vô thủy.*

2.
*Lên chùa ăn bát cơm chay
chợt nghe tiền kiếp chạt dày thời gian
một mai về với mây ngàn
chỉ xin nhớ chút dịu dàng của nhau.*

3.
*Lên chùa ăn bát cơm chay
hỏi han mới biết nợ vay kiếp người
rồi đây như chiếc lá rơi
hạ đông ngọn cỏ dậm khơi ảnh nhòa.*

4.
*Giọt lệ khóc cho ông hay cho tôi những
kẻ đứng chông chênh ngoài thế kỉ
ruồng rẫy cát bụi cũng chẳng có đường về
người chết thành tro
kẻ sống vô thường trụ
tít tắp bãi cỏ xanh bên kia bờ cát lờ
một đóa ru đàm nở lẻ loi.*

5.
*Rêu phong những phiến đá nằm sau chùa
mình rờ chào đón tôi
ô không dám
tôi chỉ là gã học trò
đến đây xin các ngài chi bảo.
Các ngài có mặt trên mặt đất này
bao nhiêu triệu năm rồi
loài người chúng tôi làm sao bì kịp
tôi sẽ lắng nghe – vâng sự lặng thinh của đá
là lời nói chân tình nhất tôi từng nghe qua.*

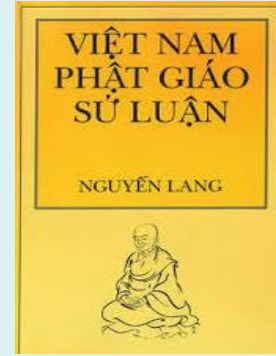
thơ TRỊNH Y THƯ



THIÊN PHÁI LÂM TẾ VÀ PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG

(Chương XXII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

Thiền sư Giác Phong

Thiền sư là người khai sơn chùa Thiên Thọ, tức là chùa Báo Quốc, ở núi Hàm Long, Thuận Hóa. Ông tới Đại Việt có lẽ trước ngày Nguyên Thiều đi Quảng Đông. Tiểu truyện về ông và lịch sử truyền thừa chùa Thiên Thọ còn đợi khảo chứng. Sách *Hàm Long Sơn Chí* của cư sĩ Diêm Tịnh trước tác mà Mật Thể đã được đọc trước khi viết *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* (đó là một bản chép tay – sách này chưa từng được khắc bản) hiện giờ bị thất lạc, chưa tìm ra được.

Thiền sư Liễu Quán khi còn là du tăng đã tới chùa Thiên Thọ và thụ giáo với thiền sư Giác Phong. Đó là vào những năm 1690 – 1691. Sách *Hải Ngoại Kỳ Sự* của Thạch Liêm cũng không thấy nhắc tới Giác Phong và chùa Thiên Thọ.

Thiền sư Tử Dung

Pháp tự là Minh Hoảng, thiền sư Tử Dung đã khai sơn chùa Ấn Tôn, tức là chùa Từ Đàm ngày nay. Chùa Ấn Tôn tọa lạc tại Long Sơn, phía trên núi Hàm Long; chùa thuộc địa phận làng Bình An, huyện Hương Thủy. Thiền sư là người Quảng Đông, chưa biết sinh năm nào và qua Đại Việt năm nào. Ông thuộc đời 34 dòng Lâm Tế. Có thể là ông đã qua Đại Việt theo lời mời của Nguyên Thiều. Bàng chùa Ấn Tôn ghi là chùa được tạo dựng năm 1703, nhưng chắc thiền sư Tử Dung đã cư trú tại đây nhiều năm trước khi chùa được xây cất xong. Bàng cố là khi thiền sư Liễu Quán từ Phú Yên ra cầu pháp với ông năm 1702 thì cũng được tới Long Sơn, nghĩa là một năm trước khi công tác xây cất được hoàn tất.

Trong số các vị đệ tử đặc pháp với ông, thiền sư Liễu Quán là người được ông yêu mến nhất. Tuy vậy thiền sư Liễu Quán đã không thay thế ông tại chùa Ấn Tôn sau khi ông tịch, mà lại khai sơn một tổ đình khác: đó là chùa Thiền Tôn. Liễu Quán cầu pháp với ông nhưng không cư trú chùa Ấn Tôn. Lần đầu ông gặp Tử Dung vào năm 1702. Lần gặp gỡ thứ hai là vào năm 1708. Lần này Tử Dung chứng thực cho sự đạt ngộ của Liễu Quán. Lần thứ ba, hai người

gặp nhau tại Quảng Nam khi cùng tới dự lễ Toàn Viện, và lần này Liễu Quán đem trình ông một bài kệ "tắm Phật." Đó là vào năm 1712. Chưa biết thiền sư Tử Dung tịch vào năm nào. Trong số những vị kế thế Tử Dung tại chùa Ấn Tôn, có: Thực Vinh, Sát Ngử, Đạo Trung và Thanh Dũng.

Thiền sư Từ Lâm

Thiền sư là tổ khai sơn chùa Từ Lâm. Chùa này tọa lạc ở trên một khu đồi làng Dương Xuân, Thuận Hóa. Năm 1697 khi làm Hòa Thượng Đường Đầu cho giới đàn trong đó có thiền sư Liễu Quán đến thụ giới, thì thiền sư Từ Lâm đã già lắm rồi, và mọi người đều tôn xưng ông là Lão Hòa Thượng. Có lẽ ông đã sang Đại Việt vào khoảng đồng lúc với thiền sư Nguyên Thiều. Giới đàn mà ông làm chủ tọa đã được tổ chức hai năm sau giới đàn của thiền sư Thạch Liêm. Thạch Liêm hẳn đã không được gặp ông, bởi sách *Hải Ngoại Kỳ Sự* cũng không nhắc đến tên ông. Không biết thiền sư Từ Lâm tịch vào năm nào. Mộ ông hiện còn tại chùa Từ Lâm.

Thiền sư Pháp Bảo

Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo, người Phúc Kiến, là người khai sơn chùa Chúc Thánh Quảng Nam. Tương truyền ông từ Quảng Đông được Nguyên Thiều mời qua Đại Việt trong thời chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691), và sau khi tham dự giới đàn tại chùa Linh Mục, ông vào Quảng Nam dựng chùa này. Hai vị đệ tử đầu của ông là Chánh Hiền và An Triêm. Chùa Chúc Thánh trở nên một tông lâm lớn, từ đây phát sinh ra các chùa Phúc Lâm, Vạn Đức, cùng một môn phái. Chùa Phúc Lâm tọa lạc ở xã Quy Chế, huyện Diên Phước. Chùa Vạn Đức cũng có tên là chùa Lang Thọ, cũng tọa lạc ở huyện Diên Phước. Thiền sư Pháp Bảo có để lại bài kệ truyền pháp sau đây:

**Minh thực pháp toàn chương
Ấn chân như thị đồng
Chúc Thánh thọ thiên cửu
Kỳ Quốc tộ địa trường
Đắc chính luật vi tuyên
Tổ đạo hạnh giải thông**

Giác hoa bồ đề thọ Sung mãn nhân thiên trung

Dịch:

Hiếu thảo pháp chân thực

Ấn Chân Như hiện tiền

Cầu Thánh quân tuổi thọ

Chúc đất nước vững bền

Giới luật nêu trước tiên

Giải và Hạnh nối liền

Hoa nở cây giác ngộ

Hương thơm lừng nhân thiên.

Quốc sư Hưng Liên

Pháp danh Quả Hoảng, trú trì chùa Tam Thai, Quảng Nam. Ông là đệ tử của thiền sư Thạch Liêm, sang Đại Việt vào khoảng đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1687-1691). Có lẽ ông là người đầu tiên đem tông phái Tào Động vào Đàng Trong của Đại Việt. Ông được chúa Nguyễn Phúc Chu tôn làm quốc sư, trước khi Thạch Liêm qua Đại Việt. Là đệ tử của Thạch Liêm, chắc hẳn ông đã giới thiệu thầy mình với chúa Nguyễn Phúc Tần, cho nên chúa này đã hai lần cho người sang Quảng Đông cầu thỉnh Thạch Liêm. Không biết ai đã được ủy đi mời trong hai lần này. Theo sách *Hải Ngoại Kỳ Sự*, hai lần mời này đều có thư của chúa Nguyễn. Có thể là thư mời thứ hai đã được thiền sư Nguyên Thiều mang đi. Nhưng *Hải Ngoại Kỳ Sự* tuyệt nhiên không đề cập tới thiền sư Nguyên Thiều. Lần mời thứ ba, thư của Nguyễn Phúc Chu được Trần Thiêm Quan và Ngô Tư Quan (80) đem đi, lần này quốc sư Hưng Liên cũng có viết thư kèm theo.

Ông là người khai sơn chùa Tam Thai ở Quảng Nam. Chùa Tam Thai tọa lạc ở phía Tây Ngũ Hành Sơn, huyện Diên Phước. Tại núi Tam Thai có tháp Phổ Đồng, Hoa Nghiêm Thạch Động và Hoa Nghiêm Vân Động, có chạm chữ trên vách đá. Những tên động này là do thiền sư Thạch Liêm đặt trong lúc viếng chùa năm 1695. Còn tháp Phổ Đồng có thể là do thiền sư Hưng Liên dựng, cũng có thể là do thiền sư Nguyên Thiều dựng trước khi Hưng Liên tới (81).

Thiền sư Thạch Liêm rất hâm mộ núi Tam Thai và các động trên núi. *Hải Ngoại Kỳ Sự* còn ghi một bài trường ca *Du Tam Thai Sơn* và hai bài thất ngôn bát cú vịnh núi Tam Thai. Ông lại đặt tên núi là núi Hải Dũng. Trước khi Thạch Liêm về nước, ông tỏ ra không hài lòng với quốc sư Hưng Liên. Sở là vị thiền sư này có che chở cho một người khách trú tên là Lưu Thanh, có đến nói với Thạch Liêm vận động cho Lưu Thanh được giữ chức cai phủ quản lý hàng hóa ngoại quốc. Sau này Lưu Thanh dựa thế quốc chúa đi vay tiền của các chủ thuyền. Thạch Liêm biết được viết thư cho chúa Nguyễn yêu cầu cách chức Lưu Thanh mặc dù có sự năn nỉ của quốc sư Hưng Liên, mặc dù chúa Nguyễn Phúc Chu không muốn làm mất lòng Hưng Liên, và mặc dù Lưu Thanh có đến lạy lục ông và đem cúng dường vàng bạc để mong ông làm

ngờ. Ông viết những câu rất nặng trong thư gửi chúa Nguyễn Phúc Chu: "Chỉ tiếc quốc sư đã thành một vị tỳ khưu bạc đầu, không biết lo đến ngày mai, không cấp tốc lo bốn phận {giải thoát} của mình, mà lại cam tâm cùng bọn giam hiểm tiểu nhân, suốt sáng thâu đêm dùng hết mưu kế tâm thuật, chỉ mong quốc vương chẳng nghe lời ta. Ấy là muốn cho đạo ta chẳng được lưu hành. Tâm lòng đệ tử trả ơn cho thầy, há nên như thế chẳng? Nhưng đạo ta chẳng lưu hành thì đạo y có thể lưu hành được không?"

Những dòng chữ trên cho ta biết Hưng Liên từ ngày Thạch Liêm tới Đại Việt đã không còn giữ được địa vị tôn kính cũ. *Hải Ngoại Kỳ Sự* không cho biết Lưu Thanh có bị cách chức không. Và ta cũng không biết quốc sư Hưng Liên tịch năm nào. Chỉ biết vào năm 1696 ông đã được Thạch Liêm gọi là "một vị tỳ khưu bạc đầu" (82). Đáng tiếc chúa Nguyễn trước đó đã không mời thiền sư Nguyên Thiều làm quốc sư vậy.

Thiền sư Pháp Hóa

Thiền sư tục danh là Lê Diệt, người Phúc Kiến, sinh năm 1670, hiệu là Minh Hải Phật Bảo. Ông khai sơn chùa Thiên Ấn, Quảng Ngãi. Ông tịch năm 1754; và đã trú trì tại đây trong suốt 60 năm. Như vậy có nghĩa là ông bắt đầu dựng Thiên Ấn năm 1694, trước năm Thạch Liêm sang Đại Việt một năm. Có lẽ ông đã sang Đại Việt cùng với thiền sư Nguyên Thiều khi ông này từ Quảng Đông về Đại Việt và như vậy có nghĩa là lúc ông chỉ mới trên hai mươi tuổi.

Năm 1716 chùa Thiên Ấn được chúa Nguyễn Phúc Chu ban biển ngạch "Sắc tứ Thiên Ấn tự." Tục truyền rằng khi ông bắt đầu khởi công đào giếng trên núi Thiên Ấn, có một vị tăng trẻ tuổi từ đâu không biết lên núi phát nguyện đào giúp với ông. Suốt ba năm, hai người đào được 55 thước mộc (21 mét) bề sâu. Tối đó họ gặp một tảng đá lớn chắn ngang. Họ không nản lòng, bắt đầu hì hục đục đá. Mấy tuần lễ sau đó có một mạch nước từ giữa tảng đá phụt lên, mọi người đều mừng rỡ. Nhưng ngay sau đó, như sư trẻ đi đâu biệt tích. Dân chúng Quảng Ngãi ngày nay còn truyền tụng câu ca dao sau đây để nói về chuyện cái giếng trên núi Thiên Ấn:

Ông thầy đào giếng trên non

Đến khi có nước không còn tìm hơi.

Chùa Thiên Ấn còn nổi tiếng vì cái "chuông thần." Chuyện chuông thần được xảy ra năm 1845 hồi vị tổ thứ ba của chùa là thiền sư Bảo Ấn thấy một vị hộ pháp tới làm lễ và mách rằng tại làng Chú Tượng (hiện là ấp Chú Tượng, xã Đức Thọ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) có một quả Đại Hồng Chung, nên đến để thỉnh về chùa. Xuất định, ông nhờ một vị tăng tên là Điển Tọa đi đến làng Chú Tượng dò hỏi. Tại đây dân làng nói rằng họ vừa đúc xong một Đại Hồng Chung để dùng trong chùa làng, nhưng vì chuông không kêu nên ban chức việc định phá ra đúc lại. Sư Điển Tọa hỏi mua lại

cho chùa Thiên Ấn.

Lễ khai chuông tổ chức tại chùa Thiên Ấn với bao nhiêu hồi hộp vì ai cũng nghi ngại cho rằng chuông sẽ không kêu. Nhưng thiền sư Bảo Ấn vẫn im lặng chú nguyện. Đến khi ông cầm dùi chuông khai chung thì một tiếng ngân tròn và ấm vang lên ngân vọng khắp núi đồi. Quả chuông hiện nay còn ghi tên là Chú Tượng và được trên phía tả chính điện Thiên Ấn.

Ông Nguyễn Cư Trinh (1716-1767) có làm bài thơ sau đây vịnh núi, chùa và chuông Thiên Ấn:

*Phong cảnh ta đây thật rất xinh
Niêm hà có ấn của trời sinh (83)
Xem kia dấu tích còn vuông vức
Nhận lại non sông rõ dạng hình
Cách thức như in đồ Cổ Tự
Cỏ cây nào phụ tiếng chuông linh
Châu sa đổ dưới chân chờ mãi
Trần chỉ sau lưng núi Cẩm Thành.*

Năm vị tổ sư nối tiếp của Pháp Hóa để trú trì chùa Thiên Ấn là những vị sau đây: Khánh Vân, Bảo Ấn, Giác Tính, Hoảng Phúc, Diêu Quang. Tháp của cả 6 vị đều được dựng trên núi Thiên Ấn.

Thiền sư Tế Viên

Thiền sư Tế Viên khai sơn chùa Hội Tôn ở Phú Yên. Thiền sư Liễu Quán hồi còn hai mươi tuổi đã tới học ở đây với ông. Đó là vào năm 1682. Không biết ông qua Đại Việt năm nào, nhưng chắc chắn không là do thiền sư Nguyên Thiều mời sang nhân chuyến đi Quảng Đông của ông này trong đời chúa Nguyễn Phúc Trăn. Ông tịch năm Liễu Quán mới 19 tuổi, nghĩa là vào năm 1689, trước ngày Thạch Liêm qua Đại Việt.

Thiền sư Thạch Liêm

Ông là trú trì chùa Trường Thọ ở Quảng Đông, được chúa Nguyễn Phúc Chu mời sang Đại Việt năm 1695. Chúa thụ Bồ Tát giới với ông. Ông ở chùa Thiên Lâm, sau dời về chùa Linh Mục. Chương sau sẽ nói nhiều về ông.

(80) Theo sách *Hoa Di Biển Thái*, trích trong bản dịch *Hải Ngoại Ký Sự*, Viện Đại Học Huế, 1963.

(81) *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* nói Nguyên Thiều ra Thuận Hóa lập chùa Quốc Ấn và tháp Phổ Đồng. Nhưng hiện không thấy dấu vết tháp Phổ Đồng ở chùa Quốc Ấn.

(82) *Hải Ngoại Ký Sự*.

(83) Núi Thiên Ấn vuông vức như quả ấn. Núi này có rất nhiều đá son có thể mài thành mực đỏ để chấm bài học trò. Chân núi phía nam có hòn nhỏ gọi là hòn Triện, phía Bắc có núi Lã Vọng, phía Đông tiếp núi Tam Thai, phía Tây giáp núi Long Đầu.



QUA MÙA. CÂY VÀ NGƯỜI

*Đứng rất buồn và ngó đất xa
Nghe mưa âm tiếp từng hạt nhỏ
Động trong mình những mạch nước âm u*

*Mắt từng con rơi đầy ngọn cỏ
Nhìn lên hoài trời vẫn rất cao
Cúi đất nhủ lòng thôi nắng úa*

*Úa một ngày vàng như cơn bệnh
Xương năm đau và tai lắng nghe
Tiếng lặng lắm mà thân buồn xao động*

*Ai ngồi đây một hồn gió xuống
Tường nhà bên hắt chiều vọng âm
Bóng đi qua vệt sấu âm đạm*

*Ai ngồi đây một hồn cây mỏng
Nghe từng đàn lá óm rú nhau đi
Đêm thao thức những mầm non trở giấc*

*Nói nhỏ như thềm trên vai khuya
Không thấy lối. Mơ hồ con bướm gọi
Nhớ ra rồi. Xuân đợi ở đằng kia*

*Sẽ ngày chừ và mở tung cửa sổ
Người về vui như nắng đậu bên thềm
Hơi ẩm cỏ khô mùa chim kết tổ*

*Xanh mướt từng bầy lá đi không hết
Hồi vừa sang rẻo rất nhất. Vòng tay
Ôm con phố một màu xanh mãi miết*

*Là xanh trời. Mây tan trong gió xanh
Ta trông lên gặp cây ngó xuống
Cây đã khoẻ qua rồi ngày tháng bệnh...*

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

(Như một lời cảm ơn đến bạn hữu
đã thăm hỏi trong thời gian tôi nằm bệnh)

ĐƯỜNG THI: THỂ NÀO LÀ THƠ THIỀN

Vũ Thế Ngọc

1. Thế nào là thơ thiền?

Về mặt lịch sử, Phật giáo có nhiều tương quan với ngôn ngữ thi ca. Khi còn tại thế, Đức Phật luôn luôn khuyến khích các đệ tử dùng các ngôn ngữ địa phương để diễn dịch, truyền đạt giáo pháp của Ngài. Các bản kinh còn lại cũng hay dùng các thể văn vần, với lý do duy nhất để dễ đọc dễ nhớ. Nhiều thế kỷ sau khi Đức Phật nhập diệt, người ta vẫn chỉ lưu truyền lời Phật (kinh) bằng cách truyền khẩu. Nên có thể nói ngay từ nguyên thủy Phật giáo đã dùng thơ làm phương tiện giáo hóa. Cho đến Thiền tông sau này, dù chú trọng “trực chỉ nhân tâm kiến tính thành Phật,” đồng dạng tuyên bố “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền” coi thường ngôn ngữ kể cả kinh điển, thì sùng bái trong văn học Thiền tông vẫn là các bài thơ trong các ngữ lục danh tiếng của các tổ Thiền tông.

Thi ca thường được coi là có thể diễn tả được những gì không thể diễn tả bằng văn xuôi. Như cách nói “một bài thơ nói được nhiều hơn tổng số ngôn từ trong bài thơ đó,” thơ có khả năng chuyên chở phần nào kinh nghiệm “bất khả tư nghị” không thể nghĩ bàn. Đó là kinh nghiệm thiền định mà ngôn ngữ bình thường của thế giới nhị nguyên không những bất lực mà còn làm người ta hoang mang hiểu lầm, như các thiền giả thường nhấn mạnh. Cho nên trong thiền học cũng thường được dùng như một phương tiện thiện xảo, một “công án trong công án” để hướng dẫn người học đi vào thực nghiệm cái kinh nghiệm “bất khả tư nghị, bất khả ngôn thuyết” – Dù biết rằng “chín mươi chín phần trăm chính xác của thơ cũng không bằng ngôn ngữ của im lặng”.

2. Gần đây đã có những người dễ dãi sưu tập các bài thi kệ (thơ!) của các tăng sĩ (thiền?) và gọi đó là “thơ thiền.” Thật sự chưa nói đến các bài thơ dịch quá khiên cưỡng, tự thân đại đa số các bài thơ được sưu tập đó cũng chỉ là những bài văn vần dạy đạo hay các bài kệ diễn tả kinh nghiệm thiền của các tác giả. Các thiền sư không có mục đích làm văn chương. Cũng như có cả một ‘phong trào thời thượng’ của một số người làm tập tành làm thơ thường hay mang những Phật ngữ, thiền từ vào thơ và nghĩ đó là thơ thiền.

Thật ra đó cũng chỉ là trò chơi ráp chữ mua vui. Các thiền sư thật sự chưa bao giờ thích dùng ngôn ngữ để diễn giải về chân lý siêu việt “bờ bên kia.” Dù đôi khi các ngài chỉ bắt đầu dĩ phải dùng loại loại ngôn ngữ thi ca để làm phương tiện gợi tả, ‘viên đá dẫn đường.’ Nên đâu đó, trong các ngữ lục của các thiền sư thường có lẫn ít nhiều câu thơ. Các câu thơ hay các bài thơ đó được các ngài thuận miệng nói ra, thuận tay chép lại theo thủ thuật nhà thiền “nhất hồi niệm xuất nhất hồi tâm” chẳng bao giờ chú thích xuất xứ. Và các ngữ lục của các thiền sư thường chỉ do hậu bối nhớ lại và ghi chép, nên vẫn thường có thể lẫn các câu thơ của nhiều thi nhân khác. Các thiền sư chỉ tức thời mượn câu thơ văn có sẵn có điều dễ nhớ để nghe để trình bày một vấn đề uyên áo ‘bất khả tư nghị, bất khả ngôn thuyết.’ Các “thi phẩm” này hoàn toàn không có mục đích thi ca trừ trường hợp các tu sĩ cũng là thi sĩ – Đây lại là vấn đề khác. Đó là trường hợp của 116 thi nhân và cũng là tăng sĩ trong Toàn Đường Thi và các tu sĩ làm thơ khác đời sau.

Đối với các thiền sư, dù có những bài thơ là những bài thật sự có giá trị thi ca thì cũng chỉ là tình cờ. Chúng ta nên nhớ các “bài thơ” này vẫn chỉ có mục đích mượn bè qua sông, một phương tiện “tải đạo.” Thiền sư Lai Quả từng nói rõ: “Người xưa việc lớn đã sáng tỏ, là người trước đã tỏ ngộ sau đó mới quan sát căn cơ mà lập giáo, dùng văn để tiếp người trí thức, dùng thơ để tiếp người học rộng hiểu sâu. Chỉ lấy thơ văn



làm phương tiện đưa người nhập đạo, tất cả không ngoài lòng từ bi làm lợi ích cho thế gian, chứ chẳng phải như bọn người phù phiếm ưa thích ý vị thi văn."

Vì vậy đối với các thiền sư dù có làm thơ thì mục đích của những bài thơ đó cũng không khác các câu nói mộc mạc tùy tiện như "ba cân mè," "cây tùng trước sân," "uống trà đi,"... hay có khi sỗ sàng như "cần thì quyết," "phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ"... chỉ với mục đích tải đạo. Đó cũng là trường hợp các tu sĩ dùng các bài kệ bài vè để truyền giáo vào đại đa số quần chúng, như các "ông đạo" ở miền Nam Việt Nam trước đây. Các ngài không bao giờ nhằm mục đích 'làm văn chương.'

3. Tuy nhiên trong bình diện phổ thông người ta vẫn có thể gọi là "thơ thiền" theo ý nghĩa dung tục: Đó là những bài thơ thoáng gợi một nhân sinh quan thiền học nhất định nào đó hay diễn tả một trạng thái xuất thần phảng phất một kinh nghiệm thực chứng của giáo lý vô ngã của kinh nghiệm thiền quán.

Nói là 'phảng phất ít nhiều nhân sinh quan thiền học' mà không nói 'mang nội dung thiền học.'

Nhưng vấn đề cơ bản của bất cứ bài "thơ thiền" nào thì cũng phải là một bài thơ – một bài thơ hay. Một thi sĩ có thể không phải là thiền giả nhưng vẫn có thể có những bài thơ, những câu thơ "rất thiền," và một vị thiền sư có thể có những bài thi bài kệ dạy đạo rất sâu sắc nhưng không có nghĩa đó là những bài "thơ thiền" nếu từ cơ bản nó không phải là bài thơ hay.

Đó chính là một tiêu chuẩn để được chọn lựa vào tuyển tập *Toàn Đường Thi, Đường Thi Tam Bách Thủ, Thiên Gia Thi* hay các thi tuyển tương tự.

4. Thường thức thơ, làm thơ là một hoạt động trí tuệ thanh cao. "Thơ thiền" lại là một hoạt động cao nhã hơn nữa. Nhưng nên nhớ trò chơi lao tâm chọn chữ theo lời cũng là một chứng ngại của người tu thiền. Thiền sư Huệ Nhiên (730-799) là một thi nhân lỗi lạc đời Đường với bảy thi tập còn ghi trong *Toàn Đường Thi* và cũng là một nhà phê bình thi ca nổi tiếng với quyển *Thi Thức*. Tuy nhiên đến cuối đời ông không làm thơ nữa vì tự nhận thấy nỗi đam mê này cũng là một chứng ngại của thiền nhân. Đúng như các thiền sư xưa nhận định, người tu thiền tâm còn mãi miết buông thả theo cảnh huyền lấy thi thơ làm nghiệp, phung phí thời giờ đuổi theo văn điệu chỉ là tạo ra nghiệp xấu của thi tăng. Đó là những kinh nghiệm mà thiền nhân chân chính tự hiểu.

(Nguồn: Tạp Chí Văn Hóa Phật Giáo số 153)



XỨNG TÁNH TÙY DUYÊN

*Tuổi già hưu trí sống thanh thoi
Buông bỏ chấp tham đẹp cuộc đời
Tu lương tu tập hương định giới
Xứng tánh tùy duyên thuận ý người.*

*Bao kiếp phong trần cũng đã qua
Thị phi nhân ngã đủ một nhà
Mỗi bước đường trần như giấc mộng
Nghe tiếng chuông chùa chợt tỉnh ra.*

*Quá khứ qua rồi chẳng tiếc chi
Tương lai chưa tới ước vọng gì?
Hiện tại phút giây vui sống đạo
Xứng tánh tùy duyên Pháp rạng ngời.*

thơ TÁNH THIÊN

VUI THAY MỘNG ĐẸP

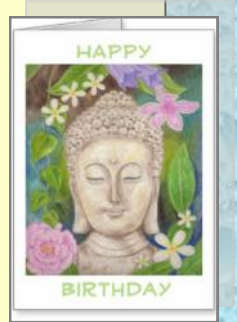
Nơi vùng Hy Mã Lạp Sơn
Tuyết giăng núi biếc, mây vờn đỉnh cao
Ven sườn phong cảnh đẹp sao
Bên bông sương gió, dạt dào nắng mưa
Ngay miền bắc An Độ xưa
Có vương quốc nhỏ nên thơ vô cùng,
Một ngày xảy chuyện đáng mừng
Khiến cho thế giới tung bừng đôi thay,
Ma Da hoàng hậu ngủ say
Nằm mơ chợt thấy sắc mây rạng ngời
Một luồng ánh sáng từ trời
Lung linh chiếu xuống tận nơi giường bà
Trong hào quang bỗng hiện ra
Voi to, màu trắng, sáu ngà đẹp thay,
Voi và ánh sáng cùng bay
Tới gần hoàng hậu nhập ngay vào bà.
Sáng hôm sau tỉnh giấc ra
Trong lòng hoàng hậu chan hòa niềm vui
Tâu vua rõ chuyện lạ đời,
Nhà vua Tịnh Phạn cho mời các quan
Quần thần thông thái giới giang
Đoán điềm giải mộng rõ ràng giúp vua.
Quần thần hoan hỉ cùng thưa:
"Đây là điềm tốt. Giấc mơ tuyết vời
Báo tin mừng sắp tới nơi
Rồi đây hoàng hậu thụ thai an lành
Sau này hoàng hậu sẽ sanh
Tương lai thái tử rạng danh thiên tài
Siêu nhân vĩ đại giúp đời
Sẽ mang hạnh phúc cho người gần xa,
Cho vua dòng dõi Thích Ca
Và cho nhân loại nhà nhà thơm hương."
Vua nhìn hoàng hậu yêu thương
Cùng nhau âu yếm mừng thăm biết bao
Từ lâu vua vẫn ước ao
Sinh con nối dõi thế vào ngôi vua
Hai mươi năm mãi đợi chờ
Sắp thành hiện thực giấc mơ lâu dài.

thơ

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

RẼM THÁNG TƯ PHẬT RA ĐỜI

Quả nhiên lời đoán chẳng sai
Thế rồi hoàng hậu mang thai một ngày
Thật vui thay! Thật mừng thay!
Hương lành theo gió dâng đầy thoảng xa,
Theo phong tục An Độ xưa
Đàn bà sinh nở thường đưa trở về
Khai hoa nở nhụy chôn quế
Nhà cha mẹ ruột thêm bề bình yên,
Biết ngày sinh tới gần bên
Cho nên hoàng hậu vội lên đường về
Đi cùng một số bạn bè
Thêm người hầu hạ cận kề trước sau,
Hoàng cung đưa tiễn hồi lâu
Đoàn về quê ngoại cùng nhau lên đường.
Khi gần về đến quê hương
Cả đoàn được lệnh bên vườn ghé qua
Lâm Tỳ Ni tỏa hương ra
Đón người nở nhụy khai hoa chốn này
Trong vườn phong cảnh đẹp thay
Cây vượn nhánh xuống dang tay đỡ người
Bà vin cành biếc mỉm cười
Hoa vô ưu nở cánh tươi đón chào
Bà sinh thái tử lành sao
Dễ thương, khéo khinh, hồng hào, tinh anh.
Địa cầu như rạng bình minh
Trần niềm hạnh phúc, đầy tình vui tươi
Điềm lành xuất hiện khắp nơi
Cầu vồng phosắc, đất trời tỏa hương
Rằm tháng Tư đẹp lạ thường
Một ngày trọng đại mở đường tương lai.
Trong vương quốc khắp nơi nơi
Hân hoan đón nhận tin vui vô cùng
Cả đoàn trở lại hoàng cung
Muôn chim đua hát bên đường tiễn chân
Nhà vua cùng các quần thần
Chào mừng đón tiếp phái đoàn hồi cung
Khắp nơi lễ hội vui chung
Chập chùng cờ phướn, tung bừng múa ca.
Bấy giờ khắp nước gần xa
Ngát hương an lạc, thắm hoa thanh bình
Cho nên thái tử sơ sinh
Được vua, hoàng hậu, triều đình đặt tên
"Tất Đạt Đa" nghĩa bình yên
"Người mang toại nguyện", "người đem tốt lành."



(trích Truyện Thơ “Cuộc Đời Đức Phật Thích Ca”
Của Nhà thơ Tâm Minh Ngô Tăng Giao)

KỊCH NÓI

Khung Cửa Mùa Đản Sanh

của PHƯƠNG NGHI

Bối cảnh : Mỹ, 2018
 Bố cục : Một cảnh, 2 màn
 Các vai : - LIÊN, cô gái 18, đẹp thuần hậu
 - Bà THU, trạc tứ tuần, đẹp sắc sảo
 - Luật sư KHIÊM, trang lứa với Bà Thu

MÀN 1

Cảnh : Phòng khách một gia đình trung lưu. Chính giữa phía cuối sân khấu là một khung cửa sổ lớn.

- Bà THU (T) trong bộ jeans khít khao, xách đeo vai, bước ra.

- Luật sư KHIÊM, âu phục, xuất hiện từ phía đối diện.

T : Kính chào Luật sư Khiêm.

K : {Kính ngạc} Thu! Mình... à... bà, bà đến đây làm gì?

T : "Đến đây" ? Tôi...trở về đây... đấy chứ. Tôi vừa mở cửa bằng chìa khóa của tôi hồi xưa mà.

K : (Gần giọng) Bà "trở về đây" làm gì?

T : Con Liên sẽ thế phát qui y trong mùa Đản sanh này, ông cấm má nó về dự sao?

K : Bà còn dám nhận là má con Liên à? Sanh nó ra chưa đầy hai tuổi, bà đã bỏ nó,

chạy theo tên Năm Taco, một trùm du đảng độc ác, đê tiện!

T : Dẫu xấu xa đến mấy, tôi vẫn là một người mẹ. Thế phát qui y lại là việc quan trọng cả một đời người. Ông phải để tôi gặp con Liên.

K : Tôi nói nó... bà chết rồi!

- Một thoáng nhạc.

T : Thì ra... ông cũng ác độc thua gì Năm Taco đâu.

K : (Cổ trấn tĩnh, dịu giọng) Bà ngồi đi. Con Liên là đứa con duy nhất của bà và tôi, tội mình phải bình tĩnh lại để tính. Nó đang sống yên ổn, nếu bây giờ bà đột nhiên xuất hiện, nói ra sự thật, thì ích lợi gì chứ, hay chỉ gây xáo trộn những ý nghĩ và dự tính tốt lành của nó.

T : Ông tưởng tôi không nghĩ đến điều đó sao?

K : Vậy thì cách hay nhất là bà...để nó yên. Bà đi đi.

T : (Chua xót) Ông đuổi tôi! (Đứng lên, bước đến khung cửa sổ, nhìn ra xa.) Đến nước này, tôi chỉ còn cách phải nói với ông một sự thật cay nghiệt: tôi về đây chính là để... (quay phắt lại nhìn K, giận mạnh tay) cứu con Liên!

- Nhạc rền lên.

K : (Ngơ ngác) Nó có chuyện gì mà phải cứu?

T : Có người muốn giết nó.

- Nhạc rền mạnh hơn.

K : (Sửng sốt đứng bật dậy) Ai?

T : Năm Taco!

- Nhạc ngưng bật.

K : (Rơi xuống ghế) Lại là tên khốn kiếp đó. Nhưng... tại sao?

T : Không lẽ ông quên... trong một vụ cãi cho nguyên cáo, ông đá hại nó vô tù... tuy chỉ hai năm... nhưng vì vậy, nó hụt cưới một bà góa đẹp đẽ và giàu có nó đeo đuổi đã lâu. Từ đó, nó thù ghét ông tận xương tủy.

K : Vậy sao lại giết con Liên? Giết tôi chứ!

T : Giết ông thì ai đau khổ? Con Liên. Nhưng nếu giết con Liên, có phải ông mới là người đau khổ không, và đó chính là mục đích của nó: ông phải suốt đời sống trong đau khổ.

K : Đúng là tên thâm độc... nhưng có gì đâu, tôi chỉ cần báo cảnh sát.

T : Ông là luật sư mà nói vậy à. Tôi chỉ



nghe lóm nó bàn tính với đồng bọn, nó lại chưa có hành động gì, chứng cứ đâu?

K : Nhưng cảnh sát có thể ngăn cản nó.

T : Chỉ một lần...rồi con Liên phải sống suốt đời trong nấm nớp lo sợ sao.

K : Vậy bà tính thế nào?

T : Đã tính, nhưng chưa quyết định. Tôi gặp con Liên trước đã.

K : (Bối rối) Tôi đã nói...

T : Đừng lo, tôi không nhận là má nó đâu.

K : (Sau chút lưỡng lự, gọi vói vào trong) Liên! Có người... à... mặc thử áo ni cô chưa, ra ba xem.

- Một nhạc khúc hết sức vui tươi cất lên, xóa không khí căng thẳng vừa qua.

- LIÊN (L) xinh xắn trong bộ áo ni cô trang nhã, nhưng mái tóc vẫn dài và đong đưa theo những bước chân nhí nhảnh đến gần K, quay một vòng rồi đứng nghiêm chỉnh, chấp tay, cúi đầu.

L : (Mím cười) Ba thấy sao?

T : Không gì đẹp bằng một bộ áo ni cô trên người một cô gái chỉ mới 18.

L : (Quay nhìn T) Cám ơn bà. Nhưng... bà là ai?

- Nhạc tắt ngang.

- T nhìn sững L

- K thoáng vẻ lo sợ

- Một lát.

T : (Sực tỉnh) Cô hỏi tôi là ai hả. (Vui vẻ) Tôi là bà vú của cô năm xưa.

L : (Ngơ ngác) Bà vú tôi mất lâu rồi mà.

- K lấy khăn tay chấm lên trán

- T bình thản.

T : Cô Liên ơi, bà vú đã qua đời của cô là bà vú thứ hai, khi cô đã gần hai tuổi, tôi là bà vú đầu tiên khi cô vừa lọt lòng mẹ, nhưng chẳng may tôi bệnh bất ngờ, phải để bà ấy thay thế.

- Nhìn sang K muốn hỏi.

- K gật đầu, thờ phào.

L : Xin lỗi đã không nhận ra vú. Nhưng vậy thì vú đừng gọi con là "cô" nữa. (Reo mừng) Vú là dòng sữa đầu đời của con mà. (Chạy đến ôm lấy T.)

- Nhạc vui tươi trở lại.

T : Ông Luật sư, hai vú con tôi muốn có chút riêng tư, được không?

K : (Ngần ngại) Tôi... à... tôi phải vào trong giải quyết chút giấy tờ, hai vú con cứ thử thả tâm sự.

- T kéo tay L ngồi xuống cạnh nhau. T dịu dàng vuốt tóc L.

L : (Cười khúc khích) Con biết vú vuốt tóc con vì nghĩ chẳng bao lâu nữa nó sẽ mất đi, phải không.

T : (Mím cười) Con lạnh quá. À, Liên... (nghiêm lại) sao con đi tu vậy?

L : Con nghĩ chỉ là do thiện duyên. Không hiểu sao cứ mỗi lần đến chùa, con lại



thấy thanh thoát và mình miễn hơn, nên con muốn ở lại đó.

T : Không phải vì con có nỗi khổ riêng nào để phải xa lánh cuộc đời?

L : Đâu có. Với tuổi trẻ, con đi tu để được tinh tấn phấn đấu với đời, chứ đâu phải xa lánh.

- Chuông đồng hồ ngân vang.

L : Vú con mình sẽ gặp lại sau. Con phải vào chùa phụ trang trí đón mừng Phật Đản.

- L đi khuất, nhạc vui tươi ngưng lại.

- K tái xuất hiện, đầy ưu tư.

K : Sao?

T : Con Liên đi tu chỉ vì đạo tâm và ý chí chứ không phải có nỗi khổ riêng nào. Vậy là tôi yên tâm. Bây giờ chỉ còn việc... phải cứu nó.

K : Bà liệu có đương đầu nổi với Năm Taco?

T : Ông thường kết tội tôi chạy theo một thằng du đảng, ông đâu ngờ bây giờ tôi cũng đã thành một con du đảng rồi. (Lấy trong túi ra một con dao bấm, đưa lên cao bật mạnh lưỡi dao loáng trong ánh sáng.) Tôi sợ nó sao? Ông chờ xem.

- Nhạc bùng lên trong ánh lấp lánh của lưỡi dao.

- Kết thúc Màn 1, chuyển sang Màn 2.

MÀN 2

Kết cuộc

Vẫn cảnh cũ.

- Một người mặc áo ni cô đang ngồi gần khung cửa sổ, lưng quay về khán giả.

- K bước ra.

K : Liên, con chưa đi chùa sao?

- Người mặc áo ni cô quay lại.

- Đó là T.

T : Nó đi rồi. Chỉ còn tôi đây.

K : (Giật mình) Bà!

- Một thoáng nhạc.

K : Sao bà mặc áo ni cô ngồi đó?
T : (Thản nhiên) Lát nữa tôi sẽ bước đến đứng nơi khung cửa sổ.
K : Để làm gì?
T : Ông nè, trong một căn chung cư bên hông nhà mình là tên Năm Taco sẽ chờ con Liên xuất hiện, vì nó biết con mình thường ra đứng nơi khung cửa sổ ngắm cảnh. Trên tay nó là một khẩu súng trường...
K : Để bắn con Liên. Tôi hiểu. À, thì ra... (Giật mình, kinh hoàng, hét lên) Bà già làm con Liên để chết thế cho nó?
- Nhạc gấm lên khoảnh khắc.
T : (Khẽ gật đầu, nhỏ nhẹ) Vậy đó.
K : Trời. (Dậm chân, gất lên) Bà đọc sách coi phim nhiều quá! Sao phải bi thảm đến vậy chứ.
T : Minh ơi, nghĩ lại đi. (Chua xót nhưng thành thật) Tôi sống làm gì nữa đây, phụ chồng, bỏ con, chạy theo một thằng mà bây giờ nở tâm giết con tôi...
K : Nhưng chết như vậy, ích gì?
T : Sẽ có bằng chứng về hành động giết người của tên Năm Taco, mặt khác, khi biết tôi chết vì tay nó, nó sẽ bớt thù ghét ông, con Liên không phải sống trong nơm nớp lo sợ và... chẳng lẽ chồng con tôi không tha thứ cho tôi sao?
K : Tôi hiểu tâm sự và sự tính toán của bà, nhưng bề nào, tôi không thể để bà chết. Tôi gọi cảnh sát ngay.
- K cầm điện thoại lên.
- T đứng phắt dậy, rút súng chĩa thẳng K.
T : Không được gọi!
K : (Sửng sốt) Bà giết tôi?
T : Ông điên à. Tôi là thú vật hay sao mà đã phụ ông rồi lại giết ông, nhưng, tôi có thể làm ông bị thương đó. (Quát lên) Bỏ điện thoại xuống!
- Sau tiếng rơi của điện thoại là tiếng chuông đồng hồ ngân vang.
(Vời vợi) Giờ này là thằng Năm Taco đã có mặt trong căn chung cư đó rồi. (Nhìn K, qua giòng nước mắt) Rất cuộc tôi mới biết... tôi chỉ thương một mình ông thôi... ông ở lại với con Liên nghe.
- K vọt chạy đến giữa khung cửa sổ
- 3 tiếng súng nổ liên tiếp, tiếng đạn rít lên.
- T bật ngửa người, bước nghiêng ngả một đoạn ngắn rồi ngã úp mặt xuống chiếc ghế bành.
- Tức khắc tiếng kèn trumpet của bản nhạc "IL SILENZIO" trỗi lên, ảo não.
- K chạy đến phủ phục bên ghế bành
K : Minh ơi...
- Sau 1 phút, khi bản "IL SILENZIO" nhỏ xuống và tắt hẳn, T bỗng ngồi dậy, nhìn quanh, ngơ ngác.
T : Tôi chưa chết? Tôi nghe tiếng súng mà.
K : (Nâng T cùng đứng dậy) Đó chỉ là tiếng súng cảnh sát bắn để bắt thằng Năm

Taco. Phải chờ khi nó hành động mới có chứng cứ kết tội sau này.

T : Thì ra... (giận dữ) ông đã báo trước với cảnh sát, rồi ông dàn dựng để gạt tôi.

K : Tôi chỉ là người tham gia, người dàn dựng đang đứng đằng kia kia (Chỉ L trong chiếc áo dài tươi sáng.)

L : Mọi chuyện là tại con hết, má.

T : (Sửng sốt) "Má"? Con đã biết?

L : Sáng nay má nghe con vô chùa tối mới về nên đã để trên bàn con một bức thư kể hết sự thật, cũng như cho biết những việc má sẽ làm và giải thích tại sao. Không ngờ con quên đem theo áo tràng nên quay về lấy, và đọc được bức thư đó.

K : Nó bàn với tôi dầu gì, cũng phải báo cảnh sát, nhưng cương quyết vẫn để bà có cơ hội ra đứng nơi khung cửa sổ, chết thế cho nó.

T : Tôi hiểu. (Nhìn L) Con muốn tự nhìn thấy, để tha thứ cho má.

L : Không phải. Con muốn để chính má tự tha thứ cho má.

- Một thoáng nhạc.

T : Con sâu sắc lắm, má sẽ nghe theo con. Ủa, còn số phận của tên Năm Taco?

K : Tòa sẽ xử nó về tội mưu sát. Nhưng lần này... tôi sẽ giúp nó xin án nhẹ.

T : (Ngạc nhiên) Ông... giúp... tên Năm Taco. Sao lại có chuyện này?

K : Con Liên bảo tôi...lấy ân trị oán.

T : (Nhìn sang L) Lại là con hả Liên. (Nhắm tay L, đầy xúc cảm) Con đã lấy đạo tâm, và trí tuệ của một Phật tử, giúp má tự xóa mặc cảm tội lỗi, giúp ba con bớt hận thù. Ba má biết nói sao để cảm ơn con đây.

K : (Dậm chân nhẹ) Cảm ơn gì, má ơi. (Bồng reo lên) Ba má nhìn khung cửa sổ kia.

- Một làn ánh sáng tỏa xuống, rạng ngời.

T : (Trầm trở) Ánh nắng đẹp quá hả con.

L : Ba má... (nhắm tay T và K) không phải ánh nắng đâu, ánh đạo đó.

- Nhạc và ánh sáng chan hòa.

Màn hạ.



TÂM XẢ LY: MỸ HỌC CỦA GIẢI THOÁT

Nguyễn Giác

(LGT. Bài viết để sẽ rút gọn khi nói chuyện trong Lễ Trao Giải Ananda Việt Awards 2017 Chủ Nhật 14/1/2018 tại Trung Tâm Sangha Center, California.)

Hôm nay, tôi hân hạnh được Hội Đồng Giám Khảo Giải Viết Về Đạo Phật của Viet Ananda Foundation ủy thác nói vài lời. Bản thân tôi không có gì đặc biệt, chỉ do cơ duyên trong 3 thập niên gắn bó với báo chí trong đạo và ngoài đời thường, và là một người luôn luôn hồi thúc các bạn đạo phải tu, phải học, và phải cầm bút viết. Bởi vì, tôi thường nói với bạn hữu rằng hãy hình dung, nếu nhiều thập niên trước, không có sách của quý Thầy như Thích Nhất Hạnh, Thích Thanh Từ, Thích Minh Châu và nhiều vị khác, Đạo Phật bây giờ đã không phong phú như hiện nay.



Thêm nữa, có một kỷ niệm riêng là, khi mới rời trung học, được đọc cuốn "Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận" của ngài Huệ Hải, bản Việt dịch của Thầy Thích Thanh Từ, tuy chưa hiểu nhưng lòng tôi tin tức khắc, và không bao giờ quên là có một Đạo Phật như thế để nhiều thập niên sau ra sức dò tìm lại ngôn ngữ đó trong Kinh Tạng Pali. Đó là sức mạnh của ngôn ngữ.

Khi chúng ta đọc và viết, luôn luôn có một lựa chọn là đọc gì và viết gì. Tất nhiên là chỉ ưa đọc sách hay, và muốn viết hay. Đó là mỹ học của ngôn ngữ. Cũng là một phần của đi tìm cái đẹp trong nghệ thuật. Nói cho đơn giản, cái đẹp là những gì làm chúng ta ưa nhìn, ưa nghe. Một bông hoa đẹp, một ca khúc hay. Trong tất cả các phim về cuộc đời Đức Phật đều có nhạc hay, hình ảnh đẹp, tất cả các tài tử đều đẹp tuyệt trần. Hay là những vần thơ rất hay trong Kinh Pháp Cú, Trưởng Lão Tăng Kệ, Trưởng Lão Ni Kệ. Có vẻ như rằng, hay hơn và đẹp hơn là điều cần thiết để hoằng pháp.

Tuy nhiên, tất cả chúng ta đều nhớ Đức Phật nhiều lần cảnh giác rằng chớ nên ngân nga những dòng kinh chỉ để cho êm tai, mà phải văn, phải tư và phải tu cho thấu đáo. Nghĩa là, chớ nên thuần túy thích thú với những gì chúng ta nghe hay nhìn. Nghĩa là, mỹ học trong nhà Phật phải hướng tới giải thoát. Chệch ra khỏi mục tiêu giải thoát, tất cả nỗ lực

mỹ học đều vô ích, thậm chí còn nguy hiểm, vì sẽ lôi kéo chúng ta thêm nhiều kiếp gian nan.

Nơi đây, xin kể một câu chuyện trong Tạng Pali. Câu chuyện kể hôm nay sẽ chỉ đúng 95% thôi, vì sẽ thay đổi một chút để sẽ thích ứng với thời đại của chúng ta. Thí dụ, một nhà sư trẻ gặp một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần. Cô hiện ra trước mắt, mời gọi sư ra đi... Trưởng Lão Tăng Kệ kể rằng tình hình đó xảy ra với nhà sư trẻ Sundara Samudda. Thiếu nữ nói với nhà sư rằng hai người nên đi chung với nhau trọn đời, tới khi già rồi sẽ cùng tu hành và như thế sẽ

chiến thắng trong cả hai thế giới, cõi thế gian và cõi xuất thế gian.

Nhà sư nói, Đức Phật ơi, năm uẩn là không, nhưng sao có người xinh đẹp thế này. Và hốt nhiên, nhà sư trở thành một vị A La Hán. Ngài kể lại trong bài thơ ghi lại ở Trưởng Lão Tăng Kệ 7.1 rằng, lúc đó sự chú tâm thích nghi khởi lên, tâm xả ly hiện lên, cảm thọ ngăn cách hiện ra, liền đắc quả giải thoát, thành tựu ba kiến thức (tức tam minh: biết những kiếp xưa, thấy tương lai, và đoạn trừ phiền não).

Như thế, chúng ta *phải có tâm xả ly hiện tiền thường trực*. Có nghĩa là, không bụi nào dính vào được, bất kể sắc thọ tưởng hành thức nào đi nữa. Nghĩa là, *giữ tâm vô sở trụ thường trực*.

Như thế, trường hợp này, nhan sắc là cái được nhìn thấy đã gây chấn động trong tâm nhà sư, và cái đẹp là cơ duyên để giải thoát. Thực tế, đồng thời, cũng có thể sẽ là cạm bẫy. Khi chúng ta viết văn, làm thơ, soạn nhạc, làm phim... cũng là góp một phần vào hoạt động mỹ học, có thể hoặc là giảng thêm nhiều cạm bẫy, hoặc là khuyến tấn đường giải thoát.

Thời này, chúng ta đang sống trong một thời khác với ông bà mình. Khác rất xa. Vì những cơ duyên tiếp cận với mỹ học phong phú hơn thời xưa rất nhiều.

Chúng ta đã nhìn thấy những người đẹp nhất trên thế giới, qua màn ảnh truyền hình, qua mạng YouTube. Chúng ta đã nghe những

giọng ca hay nhất qua mạng Internet. Chúng ta đã nhìn thấy những bức tranh đẹp nhất lịch sử nhân loại, những họa phẩm trị giá vài chục triệu đôla. Chúng ta đã nhìn thấy những phong cảnh đẹp nhất thế giới. Chúng ta đã xem rất nhiều trận bóng đá vô địch thế giới. Chúng ta đã nhìn thấy nhiều triệu người xuống đường ở nhiều nơi trên thế giới. Ông bà mình đâu có được cơ duyên như thế.

Không chỉ qua mạng Internet đâu. Chính nhiều người trong chúng ta đã có cơ duyên gặp gỡ, theo học, nói chuyện ... với những vị Thầy nổi tiếng như Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thầy Nhất Hạnh, Thầy Thanh Từ, Thầy Thánh Nghiêm, Thầy Goenka, Thầy Philip Kapleau... Tương tự, nếu chúng ta ở Sài Gòn hay Quận Cam, chúng ta hẳn là đã từng có cơ duyên quen biết, gặp gỡ các nhạc sĩ, họa sĩ, nhà thơ, nhà văn Việt Nam nổi tiếng nhất thế giới. Với ông bà mình, thế giới lớn vô cùng tận. Với chúng ta, khi điện thoại tinh khôn mở ra, thế giới như dường trở thành một góc phố.

Và chúng ta đã say đắm với cõi này. Có khi nhắc điện thoại lên, nghe một giọng nói nỉ non, lòng chợt băng khuâng. Chúng ta viết truyện ngắn, cố gắng viết cho hay để in thành sách. Chúng ta làm thơ, rồi tìm anh nhạc sĩ bạn thân để nhờ phổ nhạc. Chúng ta đã say đắm với cõi này. Và chúng ta bơi trong cõi của thẩm mỹ thế gian.

Nhưng cũng tuyệt vời của thời này là chúng ta đã đọc nhiều hơn ông bà mình về Đạo Phật. Chúng ta đang sống trong một thời bùng nổ thông tin. Giáo pháp của Đức Phật có khắp nơi trên mạng. Nam Tông, Bắc Tông, Thiền Tông, Tịnh Độ... viết bằng tiếng Việt, bằng tiếng Anh. Chúng ta lên YouTube, gặp rất nhiều giảng sư Phật giáo. Nghĩa là, trước mắt chúng ta cũng là những ngón tay chỉ trăng. Cả chân trời giải thoát mở rộng ra trước mắt.

Khi thông tin tới tràn ngập như thế, nên nhận ra cho kỹ những gì có lợi cho việc tu học và hoằng pháp. Tự mình phải học và tu cho nhiều, học và tu cho kỹ, học và tu để thấu hiểu tại sao chư tổ phương Nam nói thế này, phương Bắc nói thế kia. Gốc chỉ là một tâm, nhưng dùng lời là trăm sai, ngàn khác. Chớ nên nóng lòng và ngộ nhận, lại xoay qua quy chụp rằng đây mới đúng, rằng kia là sai... Nhu cầu tìm hiểu còn quan trọng hơn nữa, khi chúng ta nhận thấy rằng thế hệ trẻ hơn đang tiếp cận với nhiều tôn giáo khác, và ngay khi học Phật, các em cũng gặp nhiều cách học Phật khác nhau ở Hoa Kỳ.

Tôi may mắn từ Việt Nam đã được bốn sư dạy là chớ nên tranh luận với ai. Do vậy, trong đạo, chưa từng tranh luận với ai; còn ngoài đời, chỉ tranh luận một ít thôi, khi bắt buộc dĩ. Có những cuộc tranh luận, tôi tránh né và để tới nhiều năm sau, có khi cả thập niên sau mới viết tới đề tài đó, để không bị hiểu là muốn tranh cãi. Có khi tôi tự hỏi, tại sao mình có thể thoát rất nhiều cuộc tranh cãi, trong khi ngồi

giữa phố Bolsa trong nghề báo là đủ thứ để tranh cãi, và trong khi giáo lý nhà Phật đầy sương khói, đầy ẩn mật – không lẽ không tranh cãi?

Có lẽ bí mật ở chỗ này: tôi ngồi giữa nơi đông người, nhưng vẫn luôn luôn thấy mình lặng lẽ, cô tịch, cố gắng sống theo lời Đức Phật dạy về hạnh đơn độc như con tê giác đi riêng một lối trong góc rừng.

Và tôi sống với một hạnh phúc vô cùng tận, mỗi khi ngồi xuống, bắt đầu gõ chữ viết về Đạo Phật. Viết là hành vi đơn độc. Vì không ai có thể viết kiểu tập thể được. Cũng như tu vậy, tu là đơn độc. Không ai tu giùm ai được, cũng không ai viết giùm ai được. Mỗi khi ngồi gõ chữ, tôi lại hình dung tới bài Kinh về con tê giác đi trong rừng. Hạnh phúc này tuyệt vời, tuy chưa phải là giải thoát, vì bản thân mình có tu cao siêu gì đâu, nhưng hành động viết đã làm tôi bay vượt ra ngoài những say đắm thế gian.

Tất cả những người viết về Đạo Phật, dù bằng bất kỳ ngôn ngữ nào, đều có thể trải qua kinh nghiệm này: Trên trang giấy, và bây giờ là nơi màn hình vi tính, khi chúng ta có sự chú tâm thích nghi, và khi gõ chữ với tấm lòng thiết tha giải thoát, tất cả những say đắm trong cõi thẩm mỹ thế gian đều biến mất; và rồi, lời dạy của Đức Phật được hiển lộ trở lại, qua ngôn ngữ của thời này. Như thế, người viết sẽ thấy hạnh phúc vô cùng tận.



VIẾT GÌ, VIẾT THẾ NÀO

Trong *Thanh Tịnh Đạo Luận*, Chương IV, Đoạn 41, nói rằng khi tập Thiền, có người thích nghi với ngồi, có người thích nghi với đứng, với nằm, với đi bộ... Tôi nghĩ, có thể ghi thêm là, có người thích nghi với viết.

Và đó là, khi kết thúc một thời của say đắm, sẽ là khởi đầu của một thời của giải thoát.

Nhưng viết thế nào? Nơi đây, xin dẫn ra một số lời Đức Phật dạy.

Trước tiên, nên nhìn thấy Đức Phật đã khiến

trách về những người sử dụng ngôn ngữ hoa mỹ, không nắm bắt yếu nghĩa Phật pháp.

Như vậy, ưu tiên nên là, viết lên được PHÁP NGHĨA KHÔNG. Đức Phật thường nói tới nói tới yêu cầu học về **Emptiness** trong nhiều kinh, thí dụ như câu "deep, deep in their meaning, transcendent, connected with emptiness" trong Kinh SN 20.7 Anī Sutta — Ngài Minh Châu dịch là Cái Chốt Trống, có viết, trích:

"...này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Những bài kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến Không, chúng tôi sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ lắng tai; chúng tôi sẽ an trú chánh tri tâm. Và chúng tôi sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo"...." – (1)

Đó là điều nghĩa khi viết. Nếu chưa nắm được cách viết về Không (thú thật, bản thân tôi vẫn chưa hiểu hết để sống với điều nghĩa Không), hãy viết những việc đơn giản để gợi lên suy nghĩ về luật vô thường, và như thế cũng tự nhiên độc giả nhận ra vô ngã và đặc tính bất như ý trong xã hội.

Trong tương tác với xã hội, đương nhiên phải viết sự thật, nhưng viết thế nào?

Kinh Tăng Chi Bộ, Phẩm Bà La Môn, Kinh AN 5.198, bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu viết:

"Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích." (2)

Có một điểm nên thấy, rằng khi viết lời ngợi ca Chánh Pháp, chúng ta sẽ được khen ngợi. Và chúng ta có thể sẽ rơi trở lại vào cõi "một thời của những say đắm thế gian."

Như vậy, xin dẫn ra Kinh Tương Ưng SN 22.95, Đức Phật dạy rằng hãy quán sát rằng: Thân như chùm bọt nước, thiết sự là rỗng không; thọ như bong bóng nước, thiết sự là rỗng không; tưởng như ráng nắng chiều, thiết sự là rỗng không; hành như thân cây chuối, bóc từng lớp ra cũng chỉ thấy là không; và thức là trò ảo thuật, thiết sự là rỗng không.

Đức Phật dạy, do vậy, phải tu như "lửa cháy trên đầu, phải tận lực tu tới mức bất khả hư hoại." (Bản Anh dịch của Bhikkhu Bodhi: *Let him fare as with head ablaze, Yearning for the imperishable state.*)

Thấy toàn thể thân tâm là rỗng không như thế, thì mình viết gì đi nữa cũng là rỗng không. Nhưng phải hiểu thấu Chánh pháp, và chớ chấp không. Thực sự là có cảnh giới bất động, gọi là Niết Bàn, tức là vượt qua tầm mắt của Thần Chết, như Đức Phật dạy ở câu cuối của Kinh SN 22.95.(3)

Tương tự, trong Kinh Pháp Cú, Kệ 46, HT Thích Minh Châu dịch rằng Đức Phật dạy quán sát:

46. "Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,
Bề tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết."

Khi Đức Phật đọc Kệ 46 xong, một vị sư tức khắc đắc quả A La Hán.

Trong khi đó Kinh Pháp Cú, Kệ 170 viết rằng Đức Phật dạy hãy quán khắp thế giới là:

170. "Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp."

Có nghĩa là, quán toàn thân và quán toàn thế giới hết như bọt nước, như ráng nắng là sẽ bất tử. Riêng bài Kệ 170 có ghi chú là khi Đức Phật nói kệ xong, 500 vị sư tức khắc đắc quả A La Hán. (4)

Đó cũng là Bát Nhã Tâm Kinh vậy. Tức là, luôn luôn nhìn thấy toàn thể thế giới như ráng nắng chiều. Như thế, những gì mình viết tự nhiên cũng sẽ nhẹ như ráng nắng chiều trôi. Trong cái nhìn toàn thể như ráng nắng như thế, sẽ không chấp vào cái thấy có ta hay người, có nam hay nữ, có Việt hay Tây, hay Tàu, hay Ấn Độ...

Mỗi người chúng ta là một ráng nắng lung linh. Không ráng nắng nào giống ráng nắng nào. Do vậy, mỗi người chúng ta đều độc đáo, đều đa sắc, đều biến dạng lung linh trong vẻ đẹp riêng của mỗi người. Nhưng tận cùng các vẻ đẹp của các ráng nắng vẫn là Rỗng Rạng Trống Không. Tất cả chỉ như trò ảo thuật của một cõi mê lộ đầy khổ đau, và chúng ta đang cần dò tìm lối để bước qua bờ bên kia.

Câu hỏi tới đây là, cụ thể, giữ tâm như thế nào trong khi viết? Bởi vì hành vi viết là phải nghĩ tới những chuyện quá khứ, phải nghĩ tới tương lai, phải nghĩ tới hiện tại... mới có chuyện để viết. Nhưng Đức Phật từng dạy rằng, như thường nghe trên mạng, chớ nghĩ tới quá khứ, chớ nghĩ tới tương lai, hãy sống với hiện tại... vậy thì, làm sao viết?

Đúng ra không phải là chớ nghĩ tới quá khứ, hiện tại, vị lai. Bởi vì bất cứ pháp nào ở quá khứ hay tương lai, khi chúng ta nghĩ tới, là tức khắc trở thành đối tượng của ý thức trong hiện tại. Lời dạy ngắn gọn trong Kinh Kim Cang là Ưng vô sở trụ, tức là Chớ để tâm dính mắc vào bất kỳ pháp nào.

Ý nghĩa đó nói rõ trong Kinh Pháp Cú, Kệ 142, khi Đức Phật dạy một viên quan đại thần rằng phải có tâm xả ly, chớ để tâm dính mắc, chớ mơ tưởng, dù là thương/ghét, buồn/vui gì với quá khứ, tương lai, hiện tại... *khi tâm xả ly tất cả các pháp, khi tâm xa lìa tất cả vướng mắc, tức thời tham dục và say đắm sẽ lắng xuống và con sẽ nhận ra Niết Bàn (by not having any clinging, craving and passion will be calmed in you and you will realize Nibbana).* Lúc Đức Phật nói kệ xong, quan đại thần Santati tức khắc đắc quả A La Hán, bất kể rằng quan có nghiệp sát rất nặng sau một trận chiến và vừa mới truy hoan mừng thắng trận.(5)

Chúng ta thấy rằng, ngay khi để tâm rỗng rang với tất cả mọi thứ, lúc đó bạn sẽ nhìn thấy tâm mình bình lặng dễ dàng. Và ngay khi ngồi xuống, mở máy tính lên, bắt đầu gõ chữ, là khép lại vĩnh viễn một thời của say đắm, để chữ hiện ra trong tâm thức giải thoát. Hãy là một con tê giác trong rừng chữ nghĩa. Hãy giữ tâm xả ly hiện tiền thường trực. Từng chữ chúng ta viết xuống nhất định sẽ là từng cái vượn cánh của một con chim đã biết bay giữa bầu trời Tánh Không, nơi sẽ không một dấu vết nào của thể gian dò ra nổi. Và tâm xả ly chính là mỹ học của giải thoát.

Xin trân trọng cảm ơn Hòa Thượng Thích Thái Siêu chứng minh buổi lễ, cảm ơn chư tôn đức Tăng Ni, cảm ơn Hội Phật Học Đuốc Tuệ, cảm ơn Thư Viện Hoa Sen và Ananda Viet Foundation, và cảm ơn tất cả thính chúng. Xin chúc lành tất cả.

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 20.7. Bản Việt dịch ở: <https://suttacentral.net/vn/sn20.7>

Bản Anh dịch: <https://www.accesstoinight.org/tipitaka/sn/sn20/sn20.007.than.html>

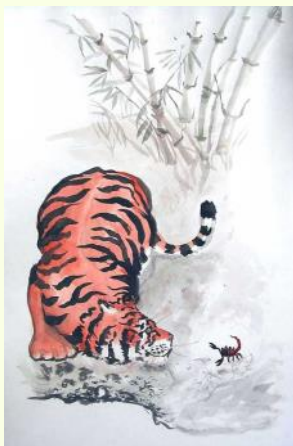
(2) Kinh AN 5.198 - <https://suttacentral.net/vn/an5.198>

(3) Kinh SN 22.95 -- <https://suttacentral.net/vn/sn22.95>

(4) Kinh Pháp Cú - Kệ 46: <http://www.tipitaka.net/tipitaka/dhp/verseload.php?verse=046>

Kệ 170: <http://www.tipitaka.net/tipitaka/dhp/verseload.php?verse=170>

(5) Kinh Pháp Cú, Kệ 142 - <http://www.tipitaka.net/tipitaka/dhp/verseload.php?verse=142>



ĐƯỜNG ĐỜI KHÔNG LỐI

*Những tòa nhà chọc trời
Phố xá phù hoa tráng lệ
Người hành khát lang thang vất vưởng bên lề
Mùa hè thiêu đốt thịt da khét lẹt
Mùa đông chết cứng dưới gầm cầu
Đừng phở lên đèn người lại qua tấp nập
Cửa kính trong suốt, bên trong rượu thịt ê hề
Người hành khát lục lợi trong thùng rác
Nhật miếng ăn thừa
Nồi bát công vốn có từ xa xưa
Đời nào và ở đâu cũng thế
Đau lòng không em?
Hay dừng dừng như chưa từng rung cảm?
Lý giải làm sao đây?
Có muôn ngàn lý do để biện hộ
Đơn giản là bảo nghiệp của người ta
Bọn thượng lưu với quyền lợi tối đa
Người lao động với đồng lương tối thiểu
Nhiều bất công oán kết biết bao nhiêu
Những khu phố thượng lưu sang trọng dập dìu
Đằng sau là ổ chuột lay lắt đầu hiu
Gã hành khát vật vạ bên hè phố
Con đói giày vò thông khổ
Một cõi nhân gian đông loại chẳng dung tình
Ai bảo loài người xã hội văn minh
Mạnh được yếu thua lọc lừa tranh đoạt
Gây khổ đau cho nhau bách hại cả muôn loài
Đường phở thênh thang mà đường đời không lối
Giữa ánh sáng phồn hoa gã làm lũi trong bóng tối.*

thơ **DU TÂM LÃNG TỬ**
Ất lãng thành, 2/2018

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



HÃY THƯƠNG LẤY Y

Chùa bị kẻ gian đột nhập lấy một số tài vật. Đồ chúng nổi nóng bảo làm đơn thưa, thầy gạt đi. Hôm sau tên trộm già vở ghé thăm đặng dò la tin tức. Y giả là:

- Chùa bị mất trộm, vậy thầy đã cáo quan chưa?

- Rồi! Thầy thông thả trả lời.

Y giật mình, giọng hấp tấp:

- Thế thầy cáo với ai trên quận?

Thầy cười cười:

- Ta cáo với hộ pháp, thiện thần... đừng làm khó y, hãy thương lấy y vì y vô minh!

Tên trộm ngẩn ngơ ra về, hai hôm sau những món đồ cũ thấy nằm ở chái hiên chùa.

Ở ĐÀU

Thầy cùng với các đệ tử đi bách bộ trong rừng, khung cảnh thiên nhiên thật đẹp và thanh bình, những bước chân an lạc và chánh niệm; lúc qua cây cầu bắc ngang con lạch. Thầy bắt chợt chỉ cây cầu và hỏi:

- Hai bên đều gọi là đầu cầu, vậy đuôi cầu ở đâu?

Cả hai chúng đều ngớ ra, không ai trả lời được cả. Thầy cười tùm tùm tìm đi thêm một đoạn nữa, chờ mọi người suy nghĩ thật lung mới bảo:

- Đến đầu cầu cầu đầu học đạo, ở tại đây và ngay bây giờ! Ở tại mỗi bước chân mà ta qua!

CHỌN CHỦ

Cuộc biểu tình trên phố bỗng trở nên hỗn loạn, hai bên tấn công và chửi bới lẫn nhau. Ai cũng cho mình là chính nghĩa cả:

- Bọn bây là đồ phản động!

Nhóm kia trả đũa:

- Chúng bay nhận giặc làm cha, phản dân hại nước!

Bạn bè y ngồi trong quán nước cũng chia hai phe bênh-chống cự cãi om sòm. Chủ quán thấy căng bèn khuyên:

- Ai cũng có quyền chọn chủ cho mình nhưng phải xem chủ đó có lợi cho dân, cho nước hay là hại dân, hại nước. Chánh hay tà là ở điểm này!

Mọi người im lặng chấp thuận.

KHÔNG THUA MỚI LẠ

Năm ấy giặc công thành rất ngặt. Bang chủ và triều đình không có kế sách gì, đã thế lại còn kèn cựa ngôi vị với phe cánh. Khi giặc nhập thành quân dân mới biết bang chủ đã tẩu tử khuya. Dân, quân không hẹn nhau mà đồng thanh ca:

Gió đưa cây cải về trời

Rau răm ở lại chịu đời
đắng cay

Bang chủ và các đại thần sau khi tìm được nơi dung thân rồi viết nhiều sách lắm! Nhưng tựu trung là ai cũng bảo:

- Lỗi ở người chẳng phải ta!

Có nhà sử học thấy vậy than:

- Không thua mới là lạ!

CHÚ SAM

Chú Sam vốn nhiều tiền lắm của, lại thừa hưởng đất đai bao la. Xưa nay vốn hào hiệp bảo kê, chu cấp cho đàn em khắp các châu quận. Vì vậy mà thành đại ca. Nào ngờ hậu duệ có kẻ nghịch dòng, ích kỷ và thiếu tri nên tuyên bố:

- Nhà ta trước!

Sau đó cắt hết mọi khoản, rút hết mọi định chế cuộc chơi bốn bên châu quận.

Người nhà tiếc cho công bồi đắp xưa nay. Đàn em hoang mang nhưng kẻ địch thì khoái chí xoa tay cười gằn:

- Bất chiến tự nhiên thành, ta sẽ thay chú mày làm đại ca!

CHÀ THẤY GÌ

Hai đạo hữu trung niên vốn là bạn trong quan trường, cả hai cũng có sự nghiệp và tiếng tăm ở đời nhưng vẫn có tâm tu học lắm. Một hôm hai người tầm sự:

- Cây cụt hơn nửa đời người để tranh cái công danh nhưng xem ra chả thấy gì mà chỉ thấy già!

Người kia cũng cùng ý nghĩ với bạn, anh ta còn nói thêm:

- Công danh sự nghiệp, tiền tài danh vọng ư? chưa kịp tỉnh để thấy chả có gì thì giờ đây mới biết chỉ có già.

Có người đi ngang nghe họ nói:

- Chúng mình chưa thấu lẽ sắc-không!

HIỆN THỰC

Ông Thúc tâm sự với ông Tri rằng:

- Mở ti-vi lên suốt ngày chỉ thấy: bắn, giết, hiếp, cướp... Không thấy đưa tin điều hay lẽ phải, không xiển dương cái tốt mà toàn cổ võ cái xấu để câu khách.

Ông Tri cãi:

- Cũng có đấy chứ nhưng nó ít ỏi và chìm lìm trong mớ tin tức xấu kia!

Ông Thời nghe thế cũng xen vào:

- Dễ hiểu mà! Nó phản ánh hiện thực đó, cái xã hội hiện nay thế nào là do cái tâm của chúng ta nó hiện tượng ra đấy!

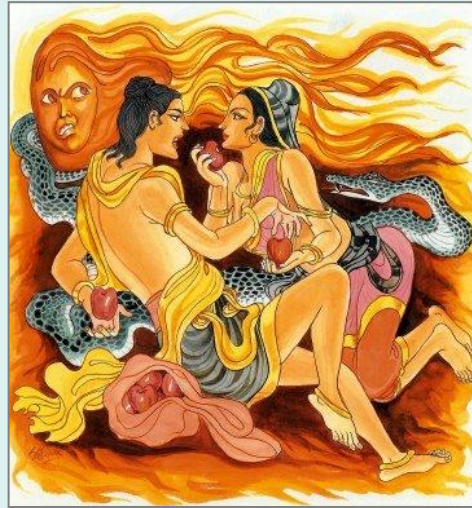
Hai ông kia vỗ trán đồng thanh:

- Ông thật tinh tế!

Georgia, 3/2018

The Story of Some Bhikkhus

Dhammapada, Verses 262 & 263



While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (262) and (263.) of this book, with reference to some Bhikkhus, who were very envious of other Bhikkhus.

At the monastery, young Bhikkhus and samaneras were in the habit of attending on older Bhikkhus, who were their teachers. They washed and dyed the robes, or else performed other

small services for their teachers. Some Bhikkhus noticing these services envied those senior Bhikkhus, and so they thought out a plan that would benefit them materially. Their plan was that they would suggest to the Buddha, that young Bhikkhus and samaneras should be required to come to them for further instruction and guidance even though they had been taught by their respective teachers. When they went to the Buddha with this proposal, the Buddha, knowing full well their motive, turned it down. To them the Buddha said, "Bhikkhus I do not say that you are good-hearted, just because you can talk eloquently. Only he who has got rid of covetousness and all that is evil by means of Arahatta Magga is to be called a good-hearted man."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 262: Not by fine talk, nor by good looks could one be a good-hearted man,
if he were envious, miserly and crafty.

Verse 263: A wise man who has cut off, uprooted and removed these evils and has rid himself of moral defilements is indeed truly called a good-hearted man.

OVERESTIMATION

Neither eloquent speech nor serene complexion
makes one accomplished, if one is still possessed
of envy, miserliness or deceit.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

GỎI XOÀI CHAY

Món chay ngày nay thì vô cùng phong phú và đa dạng từ các loại trái cây mà thường ngày ta vẫn thường hay ăn. Hôm nay chúng ta sẽ cùng làm món chay từ xoài nhé. Chỉ vài bước đơn giản là ta đã có thể hoàn thành cho mình món gỏi xoài chay tuy không có thịt hay cá nhưng vẫn rất ngon miệng độc đáo, hài hòa hương vị giữa xoài giòn giòn cùng nước chấm chua chua ngọt ngọt đậm đà.



Gỏi xoài hấp dẫn người ăn bởi hương vị đặc trưng từ xoài chua chua ngọt ngọt

Nguyên Liệu:

- 1 trái xoài xanh
- 1 bìa đậu hũ
- Rau húng huế, rau răm
- 2 muỗng canh đậu phộng đập dập
- 1/2 củ cà rốt có cũng được, không cũng không sao
- Gia vị : Mắm chay, đường, chanh, ớt



Cách làm:

Xoài và cà rốt bào vỏ, rửa lại thật sạch với nước sau đó nạo thành sợi hoặc băm. Rau thơm lặt lá già, lá sâu rồi rửa sạch sau đó xắt nhỏ (chú ý không xắt quá nhỏ lúc trộn gỏi làm nát rau). Đậu phụ rửa sạch rồi dùng khăn thấm bớt nước sau đó chiên đậu chín vàng đều. Sau khi chiên đậu xong các bạn xắt đậu thành miếng mỏng vừa ăn. Pha nước chấm theo tỉ lệ sau: 1 muỗng canh cốt chanh, 1 muỗng canh đường, 1 muỗng canh nước mắm chay hoặc xì dầu, 1 muỗng cà phê ớt xay, tỏi xay, 1 muỗng canh mắm. Tiếp theo trộn đều các nguyên liệu vừa chuẩn bị với nước mắm đã pha đợi 10 phút cho ngấm rồi bày ra đĩa. Cuối cùng rắc thêm đậu phộng rang và rau thơm lên trên là hoàn thành món gỏi chay ngon đậm đà.

(Nguồn monchay.com / cookpad.com)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Có Khi Biển Lặng...

NGUYỄN VĂN SÂM

Tặng Võ Kỳ Điền

Sáng sớm tàu qua khỏi chòi đáy cửa Ba Động hướng về phía đông. Cả ngày lên đèn trên biển nhằm hướng mặt trời. Biển lặng trơn như tờ giấy trải trên bàn. Lấp lánh ánh nắng càng lúc càng dịu dần, rọi một lần đỏ lợt lần lần chạy song song với con tàu, xuất phát ra từ mặt trời vàng ối núp nửa mình dưới đường giao tiếp giữa không gian và mặt nước. Ngoài xa kia mình trông một màu xanh lơ đẹp vô song. Thình thoảng từng đàn cá nhám lội đua, phô bày những cái lưng gù, cong quá độ. Ngó chúng phóng nhảy bơi đua, cả bọn ai nấy đều không nháy mắt, tưởng chừng như nắm bắt được sự thành thoi của đàn cá mà dân đất liền không để gì có dịp thưởng thức. Tiếng máy tàu xình xịch trầm trầm vẫn hồn nhiên phát ra âm thanh cổ hữu của mấy ngày ru đoàn người vô giấc ngủ dật dờ.

Khi tàu quay mũi về hướng Nam chừng một giờ đồng hồ thì chỉ còn bốn người, không say sóng, tương đối khỏe, trụ trên nóc tàu, thưởng thức cảnh hoàng hôn.

Rốc, trẻ nhút bọng, đương năm, tay lót dưới ót làm gối, hơi ngóc đầu dậy, nói chỏ vô ba người ngồi.

'Người ta đi biển sóng gió, mưa bão, hải tặc, đói khát; tàu mình đi như ngao du. Thiệt là may vô cùng. Bữa nay là mừng bày Tết coi như còn Tết, mình đặt tên cho buổi chiều đẹp hôm nay là 'Biển Xuân Bình Yên' để sau này nhớ lại nha anh em?'

Ông Cường, bạn già ngồi bên tay trái của Thành điều chỉnh:

'Không phải chiều nay thôi mà là nguyên cuộc hải trình

này là *Biển Xuân Bình Yên*. *Biển Xuân Bình Yên* đã hỗ trợ cho tàu Trà Vinh chúng mình và những con tàu khác đường linh đình những ngày gần đây.'

Thành quay qua khều vai người bạn ngồi bên mặt:

'Xuân bình yên thì có nhạc, quý bạn đương thưởng thức nhạc của máy Kobuta 4 block đầu bạc. Trầm hùng hết biết thấy không! Đây là tiếng nhạc tiền đưa, cùng một điệu đó nhưng tàu có phước thì được tiền vô đất hứa, đất tự do. Còn tàu vô phước...'

Già Cường, hích nhẹ vô vai Thành:

'Phуй, phуй, ông nội ơi đừng nói gở! Ai có mặt trên tàu cho tới giờ này đều có phước hết. Bao nhiêu người mất tiền mà lỡ chuyển, biết bao người bị bắt lại mất hết tiền bạc còn bị vô tù. Chúng ta sắp tới nơi rồi chẳng phải có phước là gì?'

Thành gật gật đầu chấp nhận sự phát biểu của người đồng hành nhưng anh vẫn tiếp tục miên man với ý nghĩ mình:

'Có phước chẳng, anh chàng ba hoa tuyên bố với bạn mới thân rằng tao tới Mỹ được thì thẳng chủ tàu đừng hồng lấy được thêm một cắc,

thiếu mấy lượng hà, tin đi, ngu sao trả, nó chủ tàu lời biết mấy! Có phước chẳng, thẳng cha xồn xồn lợi dụng đêm tối mò con nít? Có phước chẳng người nào đó trên tàu lượm được vàng của bạn đồng hành yếm luôn khiến họ khóc sưng mắt? Có phước chẳng cái gia đình giàu kia, ý đi đông người chi tiền nhiều luôn luôn cầu nhàu là tàu xui vì cho đàn bà 'mang mển' theo khiến cho có người bốn mắt trên tàu? Có phước chẳng mấy cha còn mạnh mẽ mà hể cần tát nước thì làm bộ say sóng nằm dật dờ như gà mắc toi.'

Đức, anh chàng ngồi bên mặt triết lý:

'Sống chết cả tàu là do cộng nghiệp tất cả người trên tàu, không phải phước hay hung của một vài lời nói. Cộng nghiệp tức là tổng số phước trừ đi tổng số hung của từng người trên tàu. Trừ qua trừ lại còn nhiều phước thì cả đoàn thoát, còn nhiều hung thì họa tới cho cả đoàn...'

Lại cái hít vai lần nữa của già Cường, lần này mạnh hơn khiến Thành như muốn ngã chúi:

'Phуй, phуй nữa. Cứ nói gở. Anh Đức không nói hết câu đâu ai nói anh không thông minh đâu.'

Lại cái ông già mê tín tin nhảm. Còn cái ông trời Đức nữa, từ cõi trên xuống trần không bằng! Năm bắt nguyên lý của vũ trụ cộng cộng trừ trừ phước phước họa họa. Làm như thiên nhiên có cái máy tính nhiệm màu ghi lại mọi chuyện lớn nhỏ của cả chục tỷ người trên trái đất. Tuy nghĩ vậy nhưng Thành và cả bọn



không ai phản đối. Cữ kiêng cũng là lo lắng cho toàn thể trên tàu thôi. Tội gì chống chế cho mịch lòng mịch bề.

Thãnh nhích ra mé ngoài rìa mũi tàu, bỏ chun xuống đong đưa để nhận được vài giọt nước từ dưới bồn lên mát mắt thoải mái. Anh ngó ra trước mũi tàu, nó xé nước thấy thương luôn. Ngọt sớt. Tội nghiệp nó coi dềnh dàng vậy nhưng cốt không phải tàu đi biển mà chỉ là một chiếc ghe cui, chờ hàng đi sông được coi mũi đóng vấp thành ghe lồng nhưng ghe vẫn hườn là ghe. Gắn máy bự chạy ngon lành vậy thì kêu là tàu nhưng be ghe đi sông đâu có cao hơn mặt nước bao nhiêu như be tàu đi biển. Tất cả phó thác cho Trời Phật thôi. Cũng gần tháng ba rồi. Tháng ba biển lặng bà già đi biển. Anh ngó theo đàn cá phóng đua ngoài xa, tránh ý nghĩ bi quan chợt xuất hiện trong đầu, chậm rãi thọc tay vô túi quần lấy bao thuốc móc hai điếu cong queo ăm ăm trao cho hai người ngồi kế, chuyển đề:

'Rốc không hút thuốc khỏi mời! Tức quá bên phe mình hùng dũng, nhân bản, khôn ngoan, cái gì cũng hay ho vậy mà thua tụi nó, một bọn chuyên môn bắt chước bọn Tàu phù dơ dáy...'

Không ai góp ý, chuyện quá hiển nhiên. Im lặng. Thời gian trôi qua chừng 5, 7 phút. Biển sóng lặn tăn, vũ trụ như ngủ gục, chỉ có tiếng máy tàu, tiếng gió thổi lướt nhẹ vô mang tai và tiếng ngáy đều của anh chàng Rốc đương êm đềm bước vô giấc ngủ.

Vò vò điếu thuốc trên tay cho ngay ngắn, Thãnh tiếp:

'Này nha: Tân nhạc của Ngụy mình thì hay không chổ chê. Tân cổ giao duyên mới nổi lên chưa bao lâu nhưng **cũng** hết xây con cào cào. Nhạc của họ hà? The thé điệu nhạc Tàu, văn chương thì toàn là xúi trẻ con nhảy vô lửa, giả tạo tới láo lếu... đọc không vô. Tiểu thuyết của mình thì mở rộng về mọi phía cạnh của đời sống, không sắt máu là điều rất đáng ngưỡng mộ lại còn tự

do đưa ra những khía cạnh bất toàn của xã hội. Hay biết là bao nhiêu! Đọc *Bếp Lửa* của Thanh Tâm tuyên hà, mỗi hàng làm cho mình khôn ra mỗi hàng. Đọc truyện của lính trận miền xa như Ý Uyên, Trần Hoài Thư... hà, thấy biểu lộ rõ ràng ruột gan thâm kín nhưng họ vẫn để bốn phân lên trên. Có ai chỉ đạo bày mưu độc xử gì đâu...'

Mùi cơm chín bay thoát ra từ cửa sổ tàu quẹt vô mũi bốn người. Anh thanh niên Rốc mới nghe ngáy đó đã lạ làng ngồi dậy lên tiếng:

'Phải xuống phụ anh chị Sáu dọn cơm ăn. Cơm trắng với xì dầu sống qua ngày nhưng mà vui đáo để... Mấy ông nói chuyện trời ơi đất hỡi gì đâu không, nghe nhức óc quá tui chẳng hiểu mô tê gì hết. Thực tế đi mấy ông! Sống qua con trăng này rồi tính sau, nói chuyện xưa chỉ cho mệt. Xuống ăn một lượt cho vui!'

Ba người đều lắc đầu một lượt.

Đức bỗng nhiên nổi hứng, nói hơi lớn tiếng:

'Hồi ở nhà tôi dự định là nếu có dịp ra ngoài thì tìm cách qua Mỹ ám sát ông Thiệu để trừ cái tội ra lệnh rút quân mà không chuẩn bị làm mất nước vậy mà còn cuôm theo 16 tấn vàng để hưởng một mình.'

Không khí trở nên nặng

nề mặc dầu lúc này gió đổi chiều thổi phần phật vô mặt mọi người. Già Cường quay qua Thãnh chép miệng rồi chậm rãi nói từng câu như muốn điều mình sẽ nói được nghe cẩn thận:

'Cũng không biết nói sao về chuyện quân sự vì tôi là dân civil, nhưng là phụ tá Hành chánh cho ông Uyên tôi biết cho tới hết hai tuần đầu tháng 5 thì vàng vẫn còn trong kho. Muốn mở kho vàng phải cần ba chìa khóa mà ba ông lớn đó có bao giờ có mặt đủ đâu. Triệu tập báo trước 2, 3 ngày còn chưa chắc đã được. Nghe đầu như ông Tổng Giám Đốc Ngân Khố mấy bữa chót không ai thấy ông ta.'

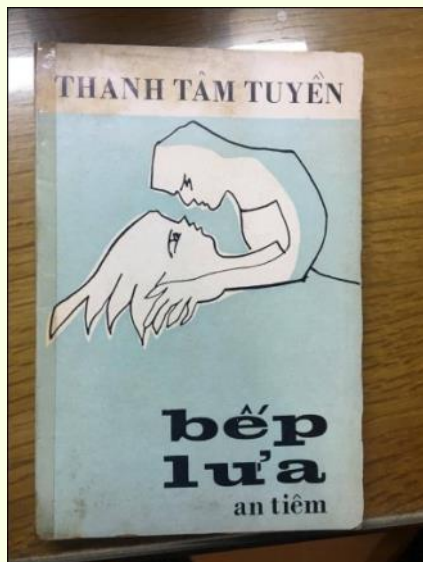
'Ông Uyên là ai?'

'L. Qu. Uyên, Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam, học bên Tây về, có vợ dăm.'

Thãnh và Đức đều lỗ mắt ngó người nói chuyện với mình.

'Chuyện mở kho nếu có thì tôi sẽ biết trước hơn ai hết.' Già Cường nuốt nước miếng lấy hơi, tiếp. 'An ninh toàn thể khu ngân hàng, nhứt là bên ngoài hầm vàng là nhiệm vụ tổng quát của tôi. Lây vàng chuyển đi làm sao tôi không biết chớ. Tụi nó lấy sau này đó, có thể là cuối tháng 5, lúc đó thì tôi đã bị cho ngồi chơi sơi nước rồi. Họ phóng tin đồn để trút tội cho người khác. Cái đồn bá đạo đó coi vậy mà có kết quả.'

'Thù hằn làm mình nặng nề tâm lực.' Đức nói sau khi rít một hơi thuốc dài rồi búng mạnh tàn xuống biển như liệng đi sự hằn học từ lâu chất chứa trong lòng. Những tia lửa nhỏ nhoi bị trúng dương nuốt chửng không để lại dấu vết. 'Bao nhiêu năm nay tôi thù chuyện mất tư cách của ông Tổng Thống nhà mình nên lòng không lúc nào thấy nhẹ nhàng. Bây giờ nghe anh Cường nói cảm tưởng như mình lật được trái núi Thái Sơn xuống khỏi trái tim. Tôi lên tàu với lòng nung nấu căm hờn kẻ làm mất tương lai của mấy chục triệu người thế hệ chúng



mình... Và biết bao lớp con cháu nối tiếp sau đó... Bây giờ thì.....' Người nói chép miệng mỉm cười như chữa thẹn. 'Tôi đã liệng cái lòng hận thù trật chìa đó xuống biển cho trôi theo sóng rồi. Để thần cá trùng dương xử lý. Tôi lỡ mở hiểu rằng bạn cũng như thù, vì quyền lợi, họ phóng ra nhiều độc chiêu mình không tưởng được và dễ dàng mắc bẫy...'

Biên cương lá rơi Thu Hà em ơi,

Đường trường mịt mù em không đến nơi.

*Mây nước buồn cơn lửa binh, hết chuyện chung tình,
Khóc than riêng em một mình...*

Trời ơi, bởi sa cơ chiến trường thọ tiễn nên Võ Đông Sơ đành chia tay vĩnh viễn Bạch ThuHà.

Tiếng Hà xuống hò ư ư ngọt lịm như giọng Út Trà Ôn phát ra giữa biển mình mông, làm nổi gai ốc người thường thức. Cả ba người quay mặt về sau khi những câu nói lỗi vừa cất lên, tới khi tiếng hát quê hương quyện trong bầu trời thì họ đẩy thực tế qua một bên để sống với thế giới ảo Võ Đông Sơ, Bạch Thu Hà của *Giọt Máu Chung Tình*.

Thì ra này giờ anh chàng Rốc ngồi đây rồi nhưng chưa chịu xuống ăn cơm, lặng lẽ hóng chuyện, đợi tới lúc cao điểm của câu chuyện mới cất tiếng ca hóa giải.

Già Cường bỗng nhiên hào hứng chỉ ra xa, chỗ năm bảy con chuồn quần quần bay lấy nước:

'Mình sắp khỏe rồi nha anh em. Gần tới đất liền nên mới có chuồn chuồn ra biển. Loại này không bay được xa, chừng vài chục hải lý là cùng, tàu mình chạy chừng 6, 7 giờ là tới nơi...'

Mọi người đều phấn khởi đổi lại thể ngồi ngó ra chung quanh tàu, nhưng tiếng bi quan của Đức làm không khí trở lại bình thường ngay:

'Cái khó là không biết mấy trụ này từ hướng nào tới, thôi thì cứ nhắm hướng Nam như lâu nay cho chắc ăn. May



ra chừng giữa khuya thì tới đảo. Tha hồ mà hít thở không khí tự do.'

Tiếng tới đảo và tự do như nước cam lồ rót vô cổ họng mọi người. Họ vui lên trông thấy...

Vài giọt mưa lát đất rơi, tạt vô mặt mọi người, kéo theo từng cơn gió mạnh lắc lư con tàu và những thùng nước bất tận bắt đầu đổ xuống từ trời cao. Lục đục chui vô khoang. Tiếng cầu nhàu nhỏ nhỏ của ai đó:

'Ông Trời thiệt kỳ cục, mưa mà không báo trước gì hết, làm mình loi nhoi như chuột mắc lũ.'

Thỉnh đặt chun lên bệ cửa sổ, du mình vô trong, cười thâm. Trời báo trước chứ sao không. Chuồn chuồn bơi thấp thì mưa ông bà mình nói có sai đâu. Thôi thì có nước ngọt dự trữ cũng yên chí nếu đi lạc đường.

Mưa càng lúc càng mạnh, bầu trời đen tối, màu âm u của đêm và của cơn mưa lớn hòa hợp với sóng dữ hét gào. Tàu chòng chành đánh thức tới những đứa nhỏ vốn mê ngủ nhút. Tiếng lờng tàu từng hồi đập lên nước sau khi được nưng lên kêu rằng rắc ai cũng rùng mình liên tưởng tới tình trạng bi đát có thể xảy ra.

Giọng già Cường lăm lăm thăm câu xin: 'Vái cho cộng nghiệp của tàu lớn. Vái cho trên tàu không có thẳng nào

đâm cha giết chú, bán nước buôn dân. Nguyên cầu Phật Bà Quan Âm cứu khổ cứu nạn. Cầu Chúa Ky Tô thương tình chúng con...'. Thăng nhắm mắt suy nghĩ tới điều xui nhứt xảy ra cho con tàu. Cái thẳng Rốc chết bầm miệng nói đặt tên buổi chiều nay là *Biển Xuân Bình Yên* mà nó lên giọng như câu hỏi khiến cho có điềm chẳng lành. Lại còn ca bài ca chết chóc 'đành chia tay vĩnh viễn Bạch Thu Hà'. Anh nhắm mắt ôn lại những kỷ niệm xa xưa trong quá khứ đời mình, những mối tình đẹp còn vương vấn trong trí thấy vui đời khi nhớ về, vài ba mối tình một chiều thoáng qua không để lại nhiều dấu vết.

Gió vẫn rít rắng. Mưa vẫn phong ba. Trời vẫn tối đen. Âm thanh va chạm tàn bạo của lờng tàu lên sóng nước vẫn tiếp tục từng cơn như báo hiệu Tử Thần đương đứng gác đầu đây đợi chờ thời điểm. Tiếng khóc của đám nít nhỏ trong khoang tối biếu lộ nổi hải hùng càng lúc càng nhiều hòa với tiếng sóng gió thành giai điệu đặc trưng của chết chóc. Giọng ù ơ vô về trấn an của những bà mẹ nghe rứt rề bi thiết của thất vọng chán chường.

Trong bối cảnh đó Thăng chìm vô giấc ngủ. Một nhọc.

Nguyễn Văn Sâm

(Kỷ niệm hai chuyến hải trình 78, 79)

CÓ MỘT LOÀI HOA

Mênh mông trời xứ tuyết
Phong kín bụi sương mờ
Lung linh màu diễm tuyệt
Thấp sáng bên trời thơ.

Bóng ai nhòa sương cát
Hôn ai chìm biển sâu
Thời gian màu đỏ nát
Đời muôn hướng về đâu?

Lối xưa màu cỏ biếc
Đá phơi nẻo tà dương
Ai hay đời sinh diệt
Đâu rêu nhạt chiều buông!
Tìm đâu trong cuộc vô thường
Ta qua mấy nẻo trời sương luân hồi.

Bên trời đây gió bụi
Bên đường đây lệ sương
Một cành hoa nở vội
Màu trắng của tình thương.

Nhưng lòng hoa không héo
Vì là hoa vô danh
Mùi hương về khắp nẻo
Miền thanh khiết tinh anh.
Hoa nghe gió gào thét
Cuồng nộ giữa mênh mông
Lặng thâm trong sương cát
Mây trời trong mắt trong.
Vô thường giọt lệ hư không
Tâm kinh vẫn rót theo dòng thời gian.

Tình của hoa muôn thuở
Lòng của hoa khơi vơi
Lời kinh hoa vẫn nở
Thấp sáng mọi phương trời.

Kinh truyền từ cát bụi
Tâm truyền về phương tâm
Hạt mù sương chim gọi
Mắt xanh miền xa xăm.
Bây giờ màu sương cát
Là hương hoa cuộc đời

Bây giờ miền ảo ảnh
Là tình thơ muôn nơi.
Từ trong hạt bụi luân hồi
Đã nghe sinh diệt nảy chồi Vô Ưu.

Ai hay trong kẽ núi
Đường mây phủ mờ xa
Tháng ngày quên đếm tuổi
Có người ngồi làm Hoa.

Chung quanh mây dệt lụa
Lòng người giữa hư không
Tiếng mõ hòa kinh tụng
Về phương trời mênh mông.

Có một loài chim nhỏ
Bên cửa động nghe kinh
Hồn xanh màu cỏ biếc
Nở nụ cười tâm linh.
Ngàn xưa ai đã vô tình
Làm sao ánh nguyệt gập ghềnh lối qua.
Tay góp ngàn sương lại
Long lanh mười phương trời
Tay góp ngàn hương lại
Cho lòng về muôn nơi.

Mắt ai rơi hạt bụi
Lệ ai sầu mênh mang
Cùng người xem mây nổi
Trên đường về bình an.

Ngàn phương trời kinh mở
Trong lòng người, lòng hoa
Chim về nghe hương cỏ
Trong lòng đời bao la.
Từ ngàn xưa, tuyết là hoa
Đến ngàn sau vẫn một tòa sen thiêng.

thơ MẶC PHƯƠNG TỬ

Phóng tác theo bài “Hoa sen trên tuyết”
Bản dịch của Nguyễn Phong.

Mộng trung ngộ mộng

HUỆ TRÂN

Trong giấc ngủ, nằm mơ đã là những gì không thật, mà trong giấc mơ ấy lại mơ thấy mình đang nằm mơ thì thật là... mộng trung ngộ mộng, là mộng chồng lên mộng thì chắc sẽ mộng triển miên!

Ấy thế mà việc tưởng hy hữu này lại là chuyện bình thường trong thế giới nhân gian. Những cái không thật cứ tưởng thật; tưởng thật rồi ôm giữ, nghĩ là không thể mất, không thể phai! Tình, tiền, danh vọng, quyền lực, như những thỏi nam châm cực mạnh thu hút thể nhân vào những giấc mộng trăm năm. Kinh nghiệm của người trước không giúp gì cho người sau vì người sau luôn tự trấn an rằng những tan vỡ và tuyệt vọng chỉ xảy ra cho người trước mà thôi. Vì người sau đã thấy rồi, sẽ không vụng về như thế, mê muội như thế, yếu đuối như thế!

Ta không hề biết rằng, chính những tự tin giả tưởng này mới là "Mộng trong giấc mộng," tệ hơn cả những cái không thật trong một giấc mộng đơn sơ!

Trăm năm đời người đều bị ném vào những giấc mộng dài như nhau, chỉ khác, với người tỉnh thức hơn đôi chút, biết nhận diện và loại trừ phiền não để tuy vẫn là mộng, nhưng giấc mộng trăm năm ấy may ra còn lung linh nét đẹp của mộng và thực hài hòa.

Có Thực trong Mộng ư?

Chắc không đâu. Thực và Mộng là hai mặt tương phản nhau, làm sao có trong nhau được! Nhưng khi hành giả khổ công tu tập, quán chiếu thật sâu sắc gốc rễ có và không, đến và đi của vạn hữu thì rốt ráo, theo ngôn ngữ nhà thiền,

"Vọng cũng là Chân, Thiền là Tịnh." Với tinh thần đó, thì trong giấc mộng trăm năm kia cũng có cái thật đấy chứ! Cái thật đó là: "Biết mộng, thì không còn là mộng nữa."

Biết mộng không phải mộng mà sao vẫn hiềm thấy ai tỉnh mộng, dù trong nhân gian, nhiều người biết mình đang mộng lắm chứ?

Có lẽ, vì ta ở trong mộng quá lâu, mà quanh ta lại là không gian mộng, toàn là người mộng, tất cả đều đang chìm sâu trong mộng như nhau, làm sao mà tỉnh nổi!

Nói đi rồi nói lại, ngẫm cuộc bể dâu, nhân gian thường dễ tỉnh mộng nhất, khi thất bại trên hai lãnh vực: tình trường và thương trường.

Niềm đau của hai lãnh vực này dữ dội tới mức người trong cuộc có thể biến dạng bản chất, từ hiền lành nhân nhục thành tàn ác, hung hăng, vì khi đã mất những điều tưởng không thể mất, ta chỉ còn nhìn thấy trước mắt là phải trả hận, là phải làm lại từ đầu.

Sự biến đổi đột xuất khiến ta tưởng ta đã tỉnh, nhưng thương thay, tình cơn mộng này lại chìm ngay vào cơn mộng khác lúc nào không hay, vì bản chất thể nhân vốn khó sống cô đơn, khó kham nhẫn thua thiệt.

Cũng đừng tưởng chết không còn mộng, sẽ là tỉnh. Chưa chắc đâu, vì chết, chỉ là ngưng giấc mộng trăm năm trong cõi ta-bà này thôi, nhưng ở cõi vô hình nào kia, nếu vẫn còn vất vưởng bọ nẻo sáu đường thì mộng vẫn chồng lên mộng! Vay trả kiếp này chưa xong, lại tìm nhau kiếp khác để tiếp tục những

giấc mộng thiên thu bất tận.

Bước chân độc hành sáng nay trên lối sỏi dẫn tới hồ sen, tôi bỗng cảm nhận không chỉ đang bước trong hiện tại, mà còn những bước cho ông bà, cha mẹ, những bước tới tương lai. Bước như thế cũng là một hình thức bước trong mộng, dù hiện tại này rồi sẽ là quá khứ và chính là tương lai; chỉ khác được đôi chút là tôi nhận biết rõ ràng mình đang bước như thế. May thay!

Những viên sỏi nhỏ, vừa được cơn mưa đêm qua tắm gội, sạch bóng và trắng phau, đang ca hát xôn xao dưới mỗi bước chân, đưa bốn những ưu tư đang quanh quẩn đầu đầy.

Chúng ta được sinh ra rồi sẽ già, sẽ bệnh, sẽ chết. Em bé ra đời, tùy là nam hay nữ, đều được cha mẹ đặt tên theo kỳ vọng tốt đẹp ở tương lai. Nhưng có phải em bé nào cũng trưởng thành theo kỳ vọng đó đâu! Nên tên gọi cũng chỉ đơn thuần là những âm thanh của tên gọi.

Hầu hết các em bé chào đời với thân thể thuần khiết những cấu tạo tự nhiên của các bộ phận và tế bào của một con người bình thường. Nhưng chẳng mấy em bé trưởng thành theo các nhu cầu cung ứng, nuôi dưỡng thân thể đó như nhau, nên cơ thể chúng ta đã mang những bệnh tật khác nhau. Càng ngày, tên gọi về bệnh tật nhân loại càng nhiều, chính là vì những nhu cầu không đơn giản ngày càng tăng.





Phật, chấp nhận được sự mất mát đứa con yêu quý.

Vậy hành trình một kiếp người là gì? Có phải là quy luật của sinh, lão, bệnh, tử, là quá trình mà ai cũng phải chấp nhận?

Đã khởi bước đầu, không ai tránh khỏi bước cuối. Khác nhau chăng là trên chặng đường đó ta đã đi như thế nào? Đã tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác? Đã ban vui cứu khổ hay gieo rắc tang thương? Ta có chờ gỡ cửa từng nhà mới tỉnh mộng để kịp thời chuyển hóa những hạt xấu trong ta?

Không sự chuyển hóa nào quá trễ, dù ta đang ở chặng cuối của kiếp phù du, vì Đức Phật đã dạy, chỉ cần biết quay đầu lại, bờ giác đã ngay dưới chân ta.

Dừng lại bên hồ sen, chăm chú nhìn những gương sen thâm đen, khô cứng nhô lên từ cọng sen cũng khảng khiu, đen đúa từ mùa trước, tôi chợt tỉnh dăm phút mộng寐 trên mây.

Tôi đang còn tự bước bằng đôi chân mình, còn nghe bằng lỗ tai mình, còn thấy bằng đôi mắt mình, nghĩa là tôi đang còn thời gian - dù không nhiều - trước khi thành gương sen đó, cọng sen kia.

Hãy tỉnh mộng để đặt những hạt mầm cho một mùa sen mới.

Hạt mầm đó ở đâu?

Thưa, ở trong sự tỉnh giác tu tập.

Làm sao để có sự tỉnh giác tu tập?

Thưa, phải tìm được pháp môn thích hợp với căn cơ mình. Tìm được rồi, phải nương tựa nơi thầy, nơi các bạn đồng tu để yểm trợ năng lượng cho nhau, để có thể cùng nhau, bước những bước chân vững chãi trên con đường trung đạo mà ta đã chọn.

Viễn tượng về một mùa sen mới cũng là đang mộng đấy. Nhưng giấc mộng này, nếu ta quyết tâm thực hiện trong phút giây hiện tại thì không phải là "Mộng trung ngộ mộng" mà chính là ta đang TỈNH trong một tương lai được ta sáng suốt tạo dựng từ phút mộng hiện tại.

Xin cảm ơn những gương sen, cọng sen khô cạn mùa trước đã nhắc nhở để biểu hiện trong tôi một mùa sen mới, khi hoa Thủy Tiên bắt đầu hé nụ trên ngọn đôi xanh. Muôn nụ li ti chen lẫn trong cỏ non mênh mông kia sẽ vươn lên, nở rộ, óng vàng rực rỡ như phẩm Tùng Địa Dũng Xuất trong kinh Pháp Hoa để đón những ngày mới, của đất trời đang chuyển mình cho những ngày tháng mới...

Huệ Trân

(Một lần thăm TV Lộc Uyển, chợt gặp lại mình khi dự Đại Giới Đàn Thủy Tiên, năm xưa)

Nhưng chúng ta lại cứ ngỡ là đang phục vụ tấm thân chu đáo hơn, khi sẵn sàng đáp ứng mọi đòi hỏi, đôi khi không cần thiết, nếu không muốn nói là quá đáng của tấm thân tứ đại!

Ở thế kỷ này, ung thư đang là tên gọi phổ thông của bệnh, là một, trong rất nhiều loại bệnh đang được giới y học tiếp tục tìm ra và tiếp tục đặt tên. Bệnh tật nằm ngay trong thực phẩm chúng ta tiêu thụ hàng ngày, nhưng hầu hết, chúng ta đều tự tin và vô tư tiêu thụ, cho đến khi tứ đại phân nản. Nhức đầu, cảm cúm, ho hen vài lần trong năm cũng khiến ta coi thường sự phân nản cho đến khi vị bác sỹ chẩn bệnh và kết luận: "Ung thư!"

Bệnh nhân được xác định ung thư đều hết hoảng, dù bệnh ung thư không xa lạ, mới mẻ gì. Trong số bạn bè, anh em, họ hàng của chúng ta, thế nào cũng từng có!

Bệnh ung thư ngày nay, cũng tựa như câu chuyện Đức Phật dạy người phụ nữ vừa bị mất đứa con yêu quý, đến kêu van Đức Phật hãy cứu nó sống lại. Đức Phật bảo bà ta hãy ghé vào mọi nhà trong làng, hỏi xem nhà nào chưa từng có người chết. Nếu tìm được một nhà toàn hảo như thế thì quay lại đây, Đức Phật sẽ cứu sống con bà.

Người mẹ đau khổ đi rờn rã mấy ngày liền, gõ cửa hỏi từng nhà, nhưng lạ thay, không nhà nào là chưa từng có người chết!

Bà ta chợt hiểu rằng trong Sinh đã sẵn có Diệt, và từ đó, ngộ được lời dạy của Đức



CHÙA BÁT NHÃ AN VỊ TÔN TƯỢNG BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM VÀ LẠC THÀNH CÔNG TAM QUAN

Nguyễn Thanh Huy



Từ trái, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, và Hòa Thượng Thích Nguyên Trí trong Lễ An Vị tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm tại Chùa Bát Nhã. (Photo VB)

Santa Ana (VB)- - Vào lúc 11 giờ sáng Chủ Nhật ngày 01 tháng 4 năm 2018, tại sân Chùa Bát Nhã số 4717W, First Street, Thành phố Santa Ana CA 92703 đã long trọng tổ chức Đại Lễ An Vị Tôn Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm và Lạc Thành Công Tam Quan.

Buổi lễ diễn ra với sự tham dự khoảng 200 Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng ngàn đồng hương Phật tử, Gia Đình Phật Tử, đại diện một số các hội đoàn, đoàn thể, các cơ quan truyền hình, truyền thông, báo chí.

Chứng minh buổi lễ có; Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTN/HK); HT. Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nguyên Trực Bào Huỳnh của HT. Thích Nguyên Trí. Ngoài ra còn có HT. Thích Nguyên An, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Thông Hải, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ, kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Minh Dung, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, HT. Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ

Tài Chánh Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Giác Sĩ, Phó Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, ngoài ra còn có quý Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng, Ni Trưởng, Ni Sư, Sư Cô đến từ các chùa và Tự Viện Nam California, Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, Cư Sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Phó Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, Cư Sĩ Nguyễn Giác Phan Tấn Hải, Thành Viên Ban Tư Vấn GHPGVNTN/HK, Huỳnh Trưởng Tâm Hòa Lê Quang Dật, Cố Vấn Gia Đình Phật Tử Miền Quảng Đức. Đạo hữu Đặng Nguyên Phả, Hội Trưởng Hội Đuốc Tuệ, Đạo hữu Nguyễn Lượng, Hội Trưởng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County...

Quan khách có: Chánh Ân Nguyễn Trọng Nho và phu nhân Giáo Sư Vân Bằng, Thượng



HÌNH ẢNH TRONG BUỔI LỄ

Nghị Sĩ Tiểu Bang Bà Janet Nguyễn, Nghị Viên Thành Phố Santa Ana Luật Sư Vine Cent, Thị Trưởng Thành Phố Fountain Valley, ông Micheal Võ và phu nhân, Nghị Viên Thành Phố Garden Grove ông Phát Bùi và phu nhân, Chủ tịch Liên Ủy Ban Chống Cộng Sản và Tay Sai ông Phan Kỳ Nhơn...

Điều hợp cương trình buổi lễ do Đại Đức Thích Huệ Cảnh và Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê.

Mở đầu buổi lễ với nghi thức tác bạch cung thỉnh Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni quang lâm lễ đài, dẫn đầu đoàn cung nghinh là đoàn Lân Gia Đình Phật Tử Bát Nhã trình diễn chào mừng Chư Tôn Đức cùng đồng hương Phật tử tham dự.

Trong phần trình bày về lý do buổi lễ, Đại Đức Thích Huệ Cảnh, cho biết, "Chùa là nơi thể hiện công việc đưa đạo vào đời của những người theo chân Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni. Chùa cũng là nơi tu dưỡng tâm hồn cho mọi người, là "mái chùa che chở hồn dân tộc." Chùa cũng là sinh hoạt văn hóa của dân tộc Việt và cũng là nơi tụ hội những tâm hồn yêu thương, từ bi bác ái. Nên nơi nào có cộng đồng là nơi ấy có mái chùa. Đó là những lý do để Hòa Thượng Thích Nguyên Trí gắng công, gắng sức xây dựng chùa Bát Nhã từ nhiều năm nay."

Sau đó là lời chào mừng và cảm ơn của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã (qua phần dịch sang tiếng Anh của Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê.) trong lúc này Hòa Thượng xúc động kể ra một phần những sự giúp đỡ của các cơ quan chính quyền Thành Phố, Quận Hạt, của quý vị dân cử, quý vị mạnh thường quân và đồng hương Phật tử nhờ vào đó mà Chùa Bát Nhã có được ngày hôm nay. HT. không quên mời hai vợ chồng đạo hữu Minh Tuệ và Diệu Tịnh lên trước Tôn Tượng Đức Quan Thế Âm để HT. trao quà lưu niệm ghi nhận công đức của hai Phật tử đã cúng dường pho tượng này.

(Được biết Tôn Tượng được khắc nguyên một khối đá lớn, thân tượng cao 16 feet chứa kế đài hoa sen và bệ tượng. Tổng cộng chiều cao từ mặt đất lên đến đỉnh tượng là 25 feet (gần 5 mét), nặng khoảng 61 tấn. Toàn bộ Tôn Tượng đặt trên một bệ bê tông kiên cố ngay chính giữa sân chùa Bát Nhã, mặt hướng ra Đại Lộ First (Bolsa nổi dài).

Hòa Thượng Viện chủ chân thành cảm tạ sự tận tình giúp đỡ của các vị thị Trưởng, phó thị trưởng và quý vị Nghị viên trong Hội Đồng Thành Phố Santa Ana, quý vị dân cử các Thành Phố, Quận Hạt, Tiểu Bang, Liên Bang, nhiều những vị mạnh thường quân cả về tinh thần lẫn tài chánh, để hình thành chùa Bát Nhã hôm nay.

Hòa thượng cảm ơn Hòa Thượng Thích Chơn Thành, HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Minh Dung, HT. Thích Minh Trí, HT. Thích Thiên Long, HT. Thích Thông Hải... Sư Cô Thích Nữ Ngọc Liên, Giáo Sư Tiểu Sĩ Huỳnh Tấn Lê, cựu Chánh



Án Nguyễn Trọng Nho, Đạo hữu
Hàng Tấn Kỳ...

Tiếp theo chương trình phần phát
biểu của quý vị dân cử, những vị này
đã ghi nhận những đóng góp giá trị
của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí và
chùa Bát Nhã trong cộng đồng đa sắc
tộc, trước Tôn Tượng mọi người cùng
cầu nguyện cho đất nước Việt Nam
sớm có tự do dân chủ.

Tiếp theo Đạo Từ của Hòa Thượng
Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng
Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo hội PGVNTN
Hoa Kỳ, mở đầu HT. ca ngợi việc làm
của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí đã
thực hiện được một công đức lớn lao.
Việc xây cất chùa và dựng tượng Phật
là đưa đạo vào đời, xiển dương Phật
pháp.

Hòa Thượng cho biết: "Phật Quán
Thế Âm là biểu tượng Từ Bi, Hỷ Xả
trong Phật Giáo, là sự che chở tất cả
chúng ta. Dựng tượng ngài nơi các
chùa là nhắc nhở người phật tử lòng
từ bi bác ái với mọi người..."

HT. tiếp: "Về sự lạc thành Cổng
Tam Quan của chùa cho cao lớn hơn
dự trù là hòa thượng viện chủ muốn
nhắc nhở mọi người con Phật khi bước
qua cổng Tam Quan là bước qua ba
cửa Giải Thoát. Đây là những ý nghĩa
trong kinh Phật, để chúng ta khi vào
trong khuôn viên chùa mà lắng lòng
tu nguyện theo lời Phật dạy..."

Nghi thức cắt băng khánh thành
Tôn Tượng Đức Quan Thế Âm bắt đầu,
Ban tổ chức cung thỉnh Hòa Thượng
Thích Thăng Hoan, HT. Thích Chơn
Thành, HT. Thích Nguyên Trí lên làm
lễ Sái Tịnh, sau đó cắt băng khánh
thành, sau khi cắt băng khánh thành
Tôn tượng, Ban tổ chức cung thỉnh
Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức
Tăng Ni và quan khách ra trước cổng
chùa cùng cắt băng khánh thành cổng
Tam Quan chùa.

Trong lúc này những tràng pháo
tay vang dội xen lẫn tiếng niệm Phật
của đồng hương Phật tử hòa lẫn niềm
vui như một ngày hội thiêng liêng.

Buổi lễ kết thúc Ban tổ chức Cung
thỉnh Chư tôn Giáo Phẩm, Chư tôn
đức Tăng, Ni cùng đồng hương Phật tử
vào trại đường thọ trai.

Đại Đức Thích Huệ Cảnh đại diện
Ban Tổ Chức bày tỏ lòng tri ân chư
tôn đức Tăng, Ni và cảm tạ quý quan
khách, cơ quan truyền thông báo chí
và đồng hương Phật tử đã tham dự lễ.

Mọi chi tiết liên lạc về chùa Bát
Nhã: số 4717W. First Street, Thành
phố Santa Ana CA 92703, điện thoại
(714) 571-0473.



KẺ TỪ BAN SƠ

*Lên non đón nguyệt đêm rằm
Biếc lên hoa cỏ tôi nằm nghêu ngao
Tâm Kinh chưa biết lối vào
Sắc-không lặn đạn má đào còn mơ.
Tình say mà vẫn chưa hề...
Nhớ thương bất tận ai ngờ gì không?
Tháng năm một mối tơ lòng
Ta riêng một cõi sâu trong đất trời.
Hư hao du tử dở đời
Bơi buông chẳng đặng thắt lời thiền sư
Bao giờ được pháp chơn như
Mà tâm đồng vọng kẻ từ ban sơ.
Em đi biển biệt chưa về
Ngẩn ngơ con bướm hai bờ xuân xanh
Này em mình đã tâm thành
Dở dang mấy độ thôi đành tình ta!
Tôi vui một cõi giang hà
Em qua bên nọ thế là dư âm...*

MÙA HẠ CHIỀU PHƯƠNG NGOẠI

*Hạ mênh mang nắng vàng
Bướm ong vờn quanh Hoàng Hoa trang
Hoa cỏ thanh thanh
Trời xanh vạn lý
Khách giang hồ rong ruổi mãi ra đi
Ai người ở lại?
Một chữ tình tàn phai
Thơ nửa bài chưa viết xong lời kết
Vô tình khách nửa cuộc chơi thắm mật?
Không!
Thơ nào phải viết cho riêng người
Gởi mây trời
Gió thổi
Theo giòng nước cuốn trôi
Chiều mùa hạ nằm ngắm mây ở cuối chân đồi
Trời phương ngoại mang mang...*

...

thơ ĐỒNG THIÊN

Hạ độc Long Vương

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Nghe tin Đông Hải Long Vương bị hạ độc các vị huynh đệ dẫn tùy tùng đến thăm; vừa đến Đông Hải giới thì tất cả khựng lại ho sặc sụa, mắt mũi cay xè, nhiều kẻ lăn ra bất tỉnh. Cả đoàn thoái lui, tam vị Long Vương bảo:

- Chất độc này vô cùng nguy hiểm, tử thuở khai thiên lập địa đến giờ chưa từng thấy. Bọn các người hãy nán đợi bên ngoài. Ba huynh đệ ta vào trước xem xét rồi hãy tính tiếp!

Nói xong tam vị Long Vương vận nội công, bế hết kinh mạch, dùng giải độc cứu công làm hộ giáp rồi đi vào Đông hải giới. Trên đường đi tam vị chứng kiến toàn cảnh thật hãi hùng. Đông Hải vốn xinh đẹp, xanh tươi như thiên đường ngày nào giờ nhờ nhờ vàng đục và những vàng đỏ lững lờ trôi. Xác muôn loài hải tộc khắp mọi nơi: loài có vảy hay không vảy, loài có chân hay không chân, loài sống ở tầng đáy hay tầng trên... Tất cả đều chết sạch. Đông Hải như một bãi tha ma khổng lồ, đâu đâu cũng toàn chết chóc thảm thương. Tam vị Long Vương dùng thẩm âm công để nói với nhau:

- Thật không thể tưởng tượng nổi! Bọn ta tử thuở hồng hoang đến giờ cũng đã trải qua nhiều kiếp nạn nhưng chưa bao giờ thấy cảnh tượng kinh khủng thế này. Bọn ác nhân hạ độc thủ diệt chúng toàn bộ cư dân thủy tộc ở đây!

Vào đến long cung thì thấy vắng tanh, đi loanh quanh đến tấm điện thấy Đông Hải Long Vương đang trú ngụ. Ngài dùng hộ cảnh giáp bọc quanh điện để bảo vệ khỏi bị nhiễm chất độc. Trông thấy các huynh đệ đến, ngài mừng

rỡ rước vào:

- Tại hạ vô cùng mừng khi thấy các huynh đệ đến thăm.

Chỉ nói được nhiều đó ngài nức nở không nói nên lời. Ba vị Long Vương đỡ ngài dậy an ủi:

- Ngài chớ quá đau lòng, chúng ta là huynh đệ sống chết có nhau!

- Cảm tạ lòng lân mẫn của các huynh đệ! Các huynh đệ thấy đấy, toàn bộ cư dân thủy tộc của Đông Hải chết thảm. Đông Hải giờ chất độc nồng nặc không còn ai có thể sống được nữa. Bọn ác nhân gian đảng hạ độc một cách tàn độc, xưa nay chưa từng thấy! Vì lòng tham lam vô độ, vì sự mê muội mà chúng nở xuống tay hủy diệt muôn loài và môi trường sống như thế này! Tội ác này phải tính sao đây?

Tam vị Long Vương đồng thanh:

- Gieo nhân nào gặt quả này, lưới trời lồng lộng không thể thoát. Bọn ác nhân sẽ trả giá nặng nề về sau. Nhưng xét theo lý nhân quả thì không có cái gì tự nhiên, tất

cả đều có cái nhân sâu xa của nó, hơn nữa theo lý đạo thì có thể nói là cộng nghiệp. Cái tai họa thảm thương này không chỉ gia tộc ngài, không chỉ các loài thủy tộc mà còn cả các loài thiên điều và cả đồng loại của bọn thù ác trên bờ cũng chịu chung kiếp nạn này. Bây giờ huynh đệ ta hãy lên thiên đình khẩn báo với Ngọc Hoàng.

Đông Hải Long Vương vốn nội công thâm hậu, khí lực phi phàm, công phu tuyệt đỉnh, ngài kịp thời vận công bế khí ấy vậy mà cũng bị chất độc tấn công. Râu tóc xóc xơ, da tái xám, nội lực suy giảm nghiêm trọng không còn đủ sức lực để đứng vững. Ba vị huynh đệ phải hiệp sức truyền khí lực cho ngài, ngài mới đủ sức cùng lên thiên đình.

- Muôn tâu Ngọc Hoàng, chúng thần tử tử hải lên đây khẩn báo. Bọn gian ác ra tay tàn độc, chúng hạ độc Đông Hải, toàn bộ các loài thủy tộc chết thảm khốc. Đông Hải giờ đã thành vùng biển chết.

Ngọc Hoàng vẻ mặt buồn rầu:

- Các khanh bình thân. Trẫm rất đau lòng khi thấy Đông Hải bị hạ độc, muôn loài chết thảm khốc như thế này! Kiếp nạn này quả thật hy hữu xưa nay chưa từng thấy, cái chất độc này cũng rất lạ. Trẫm đã cho lấy mẫu xem xét thì thấy nó là độc chất của đời hiện tại, nó vô cùng độc, không những giết chết một đời mà còn hại nhiều đời, nó để lại





di chứng rất dài lâu.

Ngọc Hoàng ngồi trầm ngâm giây phút rồi đưa mắt nhìn bốn ông Long Vương và triều thần. Đoạn giọng ngài trở nên rần rỏi:

- Các ông còn nhớ không? cách đây không lâu các loài thủy tộc sống trong đồng ruộng, sông, hồ... bị người ác dùng chất độc, xung điện và các cách tàn bạo khác truy sát tận diệt; rồi các loài muông thú trong rừng, trên không cũng bị tàn sát; rừng núi... bị phá sạch; nhiều tiếng kêu bi thương cất lên nhưng rơi vào im lặng đáng sợ, thậm chí có kẻ còn bảo: "Không phải việc của tôi," người thì: "Có người khác lo"... Ấy là sự vô cảm, vô trách nhiệm. Muôn loài cộng sinh với nhau, khi những kẻ khác quanh mình không an thì mình sao an được? khi môi trường quanh mình bị tàn phá thì chỉ mỗi nhà mình an được sao? Việc Đông Hải bị hạ độc ấy là đỉnh cao của cả quá trình dài lâu sống trong sự ích kỷ, thờ ơ. Muôn loài sống cộng sinh với nhau phải liên đới trách nhiệm với nhau, ấy vậy mà từ khi các việc nhỏ xảy ra cho đến kiếp nạn này vẫn còn không ít kẻ chẳng hề động tâm. Ta e rằng rồi đây sẽ còn nhiều nạn hạ độc khác nữa. Riêng trong vụ này các ông cũng có phần trách nhiệm đấy!

Bốn ông Long Vương và triều thần dập đầu tâu:

- Chúng thần thật đáng tội, cúi mong Ngọc Hoàng lượng thứ. Chúng thần xin hứa

từ đây về sau sẽ liên đới nhau trong việc phò hộ muôn loài!

- Các ông thấy lỗi và sửa lỗi ấy cũng là phúc cho muôn loài đấy. Ta tin tưởng ở các ông!

Bốn ông Long Vương lại thưa:

- Chúng thần làm gì với bọn ác nhân đây?

- Làm gì thì các ông tự biết! nhưng theo ý trẫm thì các ông chẳng cần phải làm cả. Các ông cũng không thể phạt bọn ác khi mà phước báo chúng vẫn còn, chỉ khi nào phước báo cạn thì khi ấy cái ác quả sẽ tự phát thôi! Nhân quả không hề sai vạy. Kẻ thủ ác sớm muộn gì cũng sẽ nhận lấy hậu quả mà chúng gây ra. Điều mà ta lao lung suy nghĩ là làm sao cho bọn chúng thức tỉnh. Các khanh còn nhớ thiên gia vẫn dạy rằng: "Đồ tể buông dao lập tức thành Phật" chẳng? Lý thuyết là vậy nhưng thực tế thì muôn ngàn không được một. Bọn thủ ác vốn khó hồi đầu, đã vậy lại còn điêu ngoa gian trá dùng mọi thủ đoạn để biện bạch hay che giấu tội ác mà mình gây ra. Các khanh thấy đấy! Muôn loài thủy tộc chết thảm, muôn loài trên không, trên bộ... cùng điêu đứng theo ấy vậy mà kẻ thủ ác và đồng bọn vẫn đứng đưng không hề có một chút thương cảm hay hối hận nào. Chung quy cũng vì đồng tiền, vì danh lợi. Kẻ thủ ác vốn tham lam và vô minh!

Ngọc Hoàng dứt lời thì Diêm Vương quỳ tâu:

- Con người càng ngày càng tham lam, sân hận. Đời sống hiện đại ngày càng giàu hơn, vật chất nhiều hơn bao giờ hết nhưng con người lại bất ạn và không thỏa mãn. Họ sẵn sàng ra tay tàn độc, ý nghĩ họ đầy vọng động và tư lợi. Thần e rằng càng về sau sẽ có thêm nhiều vụ như Đông Hải này!

- Trẫm cũng nghĩ cũng giống khanh, cứ thế này e sẽ có thêm nhiều kiếp nạn như thế. Trẫm thương cho những kẻ bất hạnh phải cộng nghiệp chung. Trẫm cũng thương cho

kẻ thủ ác vì chúng mê muội vô minh, nhưng biết làm sao được! Họ tự quyết định số phận của họ. Các khanh còn nhớ không? Khi Thế Tôn còn tại thế ngài đã đi khắp nhơn gian để thuyết pháp, để dạy người ta phải sống trong tỉnh thức! Ngài dạy chúng ta phải thắp đuốc mà đi, số phận mỗi cá nhân nằm ở suy nghĩ, nói năng và hành động của chính kẻ đó. Không ai có thể ban phước hay giáng họa cho ai cả! Nay bốn ông Long Vương, này các khanh của trẫm. Kiếp nạn đã xảy ra rồi, Đông Hải có thể mất năm mươi hay một trăm năm mới phục hồi nguyên trạng. Ta với các khanh cũng chỉ biết cầu nguyện hồi hướng cho muôn loài trong các pháp giới. Trẫm mong mỗi sao kẻ thủ ác hồi tâm hướng thiện, cải tà quy chánh ấy mới là phép lạ, là chân thần thông biến hoá. Trẫm và các khanh cùng nhau hộ pháp để duy trì mạng mạch chánh pháp, đem chánh pháp giáo hoá muôn loài, hãy làm mọi cách để cho con người giác ngộ sống trong tỉnh thương và tỉnh thức!

Tứ Hải Long Vương cùng triều thần đồng quỳ bái tạ:

- Tạ ơn Ngọc Hoàng! Chúng thần cầu xin Ngọc Hoàng chớ quá đau lòng! Chúng thần nguyện đời đời đem thân này hộ pháp, hộ đời, hộ người, hộ vật.

TIỂU LỤC THẦN PHONG



GIẢM CHẤT BÉO

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Tiêu thụ các loại thực phẩm chứa nhiều chất béo hiện nay là mối quan tâm lớn đối với bà con mình vì họ đã ý thức được rằng ăn như vậy sẽ đưa tới bệnh tim mạch. Nhưng làm sao để giảm chất béo? Giảm chất béo nào? Giảm tới mức nào?

Xin mách bà con mấy mẹo sau đây:

Trước hết phải hiểu rõ chất béo là gì? Chất béo từ đâu mà có? Có bao nhiêu loại chất béo?

Rồi cũng nên nhớ rằng chất béo rất cần thiết cho cơ thể vì chúng có nhiều vai trò quan trọng như là chuyên chở các vitamin tan trong dầu mỡ, cung cấp năng lượng, cấu tạo thành tế bào, sản xuất một số hormone, bao che cho các bộ phận nội tạng sinh tử như tim, thận, bảo vệ cơ thể với sức lạnh bằng những lớp mỡ dưới da... Không có chất béo con người không sống được. Chất béo không xấu nếu tiêu thụ vừa đủ. Chúng chỉ xấu nếu ta tiêu thụ quá nhiều so với nhu cầu.

Thế nào là nhiều?

Các nhà dinh dưỡng đều khuyên là chỉ nên dùng không quá 30% tổng số năng lượng mỗi ngày, tức là khoảng 600 calories/ngày. Trong tổng số này chỉ 10% là chất béo no. Cụ thể là không quá 30gr/ngày trong đó 4 gram do chất béo đã không no. Trên thực tế thì nhiều người tiêu thụ vượt quá số lượng này với các loại thực phẩm như lòng heo, tim cật động vật hoặc phở gà lại thêm vài quả trứng non cộng thêm một

thìa nước béo vàng ngậy.

Thế nào là chất béo no hoặc không no?

Chất béo được cấu tạo bởi các nguyên tử carbon và hydrogen. Chất béo no (saturated fat) là chất béo có đầy đủ các nguyên tử hydrogen cho nên rất khó phân hóa trong cơ thể. Loại này có nhiều trong thịt bò, gà, heo, lòng đỏ trứng, sữa, tôm cua sò hến, thực phẩm đã chế biến. Cũng có trong vài loại dầu thực vật như dầu dừa, dầu cọ, dầu cocoa. Chất béo no thường có dưới dạng đặc. Dầu dừa có tới 92% là chất béo no.

Còn chất béo không no (Unsaturated Fat):

Đó là các chất béo thiếu một vài nguyên tử hydrogen trong cấu trúc. Có trong dầu thực vật, dễ dàng bị phân tách trong cơ thể và ở dạng lỏng trong không khí. Có hai loại:

- CB đơn không no: thiếu một cặp nguyên tử hydrogen, như dầu olive, đậu phụng, vừng, canola.

- CB đa không no thiếu từ 2 nguyên tử Hydrogen trở lên như dầu bắp, hướng dương, đậu nành, bông gòn.

Chất béo vô hình là gì?

Đó là chất béo trong thực phẩm chế biến như bánh ngọt, bánh bích quy trong đó nhà sản xuất đã cho thêm nhiều loại chất béo để tăng hương vị khiến cho món ăn hấp dẫn ngon hơn mà cũng bắt mắt quyến rũ hơn. Đôi khi họ còn xịt một lớp dầu dừa trên bánh để bánh giòn hơn khi ăn và ngoại hình bóng bẩy mời chào.

Chè ba màu bánh lọc mà thêm vài thìa dầu dừa vào chắc chắn là ngon miệng hơn nhưng ngày nào cũng ăn thì cũng tăng rủi ro bệnh tật cho tim.

Làm sao để cắt giảm chất béo trong thức ăn?

- Loại bỏ hết mỡ trong thịt như da gà vịt, vân mỡ của miếng thịt bò, thịt heo.

- Dùng các loại sữa đã giảm chất béo xuống tới 2% hoặc không có chất béo. Với trẻ em, cần uống sữa nguyên chất cho tới 2 tuổi để các cháu có đủ chất béo cho sự tăng trưởng.

- Giảm tiêu thụ thịt bò, heo, gà vịt, đừng

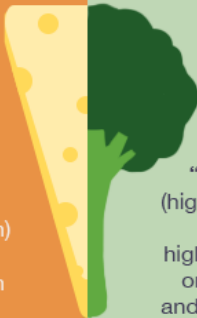
Saturated Fat

meats, butter, dairy products

solid at room temperature

increase levels of "bad" cholesterol (low-density lipoprotein)

low-density lipoprotein **clogs arteries**



Unsaturated Fat

vegetable oils

liquid at room temperature

increase levels of "good" cholesterol (high-density lipoprotein)

high-density lipoprotein, or HDL, "grabs" LDL and escorts it to the liver where **LDL is broken down and eventually removed from the body**



uống sữa nguyên dạng.

- Với thịt các loại, nên hấp, luộc nhiều hơn là chiên rán.

- Nấu thịt, để nguội cho chất béo đông lại rồi vớt bỏ.

- Nhớ đọc nhãn hiệu thực phẩm trong đó có ghi rõ thành phần các chất dinh dưỡng.

Ngoài ra, thay vì ăn 1 quả trứng thì ăn 2 lòng trắng trứng.

Còn cholesterol là gì?

Cholesterol là một dạng chất béo lưu hành trong dòng máu. Cholesterol có tự nhiên trong một vài loại thực phẩm như lòng đỏ trứng, nội tạng động vật nhưng đa số (90%) cholesterol là do gan và vài mô bào khác trong cơ thể sản xuất từ các chất béo bão hòa (no) mà ta tiêu thụ.

Mặc dù là thành phần tự nhiên trong máu, nhưng khi quá cao, cholesterol sẽ gây ra một số rủi ro cho sức khỏe. Những lý do đưa tới cao cholesterol là chế độ dinh dưỡng sai, lạm dụng rượu bia hoặc bệnh bẩm sinh.

Khi ta tiêu thụ nhiều chất béo bão hòa hơn là nhu cầu thì lượng cholesterol sẽ gia tăng. Chúng tràn ngập mạch máu khiến cho thành động mạch trở nên dày, cứng và bệnh cao huyết áp sẽ xảy ra. Lâu ngày, thành động mạch trở nên yếu, lõm ra mỏng đi và tới một lúc nào đó sẽ rách vỡ, đưa tới cơn suy tim hoặc tai biến động mạch não.

Có 3 loại cholesterol:

a. Cholesterol tỷ trọng thấp LDL và cholesterol tỷ trọng rất thấp VLDL. Cả hai đều có khuynh hướng là bám dính vào thành động mạch khiến cho sự lưu thông của máu bị rối

loạn và từ đó là rủi ro đưa tới bệnh tim.

b. Cholesterol tỷ trọng cao HDL được coi như tốt vì chúng có thể quét bỏ các chất béo khác kết dính ở thành động mạch.

Làm cách nào để giảm cholesterol xấu và tăng cholesterol tốt?

Thay đổi tập quán ăn uống có thể giúp ta hạ mức độ cholesterol xấu và nâng cao cholesterol tốt.

a. Tăng tiêu thụ rau, trái cây dù là tươi, đông lạnh hoặc trong hộp.

b. Ăn nhiều thực phẩm có chất xơ hòa tan trong nước như rau, cám yến mạch (oat bran)

c. Tăng tiêu thụ các loại cá vì cá có nhiều chất béo omega-3 có thể hạ cholesterol xấu, tăng cholesterol tốt.

c. Dùng dầu thực vật nhiều hơn là mỡ động vật.

e. Uống một ly nhỏ rượu vang đỏ mỗi ngày cũng giảm kết tụ cholesterol trên thành động mạch.

Ngoài rủi ro bệnh tim mạch, tiêu thụ quá nhiều chất béo có thể gây ra ung thư không?

Đây là vấn đề đang được các nhà khoa học nghiên cứu và chưa có kết luận chính xác. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho hay, một chế độ dinh dưỡng nhiều chất béo có thể gây ra ung thư vú và ung thư ruột già-trực tràng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

THE FACTS ON FATS

To be healthy, the American Heart Association recommends **choosing** good (unsaturated) fats, **limiting** saturated fats, and **avoiding** trans fats whenever possible.

LOVE IT
MONOUNSATURATED & POLYUNSATURATED

- Can lower bad cholesterol levels
- Can lower risk of heart disease & stroke
- Can provide essential fats that your body needs but can't produce itself

LIMIT IT
SATURATED

- Can raise good cholesterol levels
- Can increase risk of heart disease & stroke
- Can raise bad cholesterol levels

LOSE IT
TRANS FAT & HYDROGENATED OILS

- Can raise bad cholesterol levels
- Can lower good cholesterol levels
- Can increase risk of heart disease & stroke
- Can increase risk of type 2 diabetes

fresh avocados
LOVE ONE TODAY
+ naturally good fats
+ cholesterol free
Proud supporter of the American Heart Association's Healthy For Good™ movement.

LEARN MORE AT
HEART.ORG/EATSMART

Công Đức Trì Giới

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

*"Giới luật là thọ mạng Phật pháp
Giới luật còn Phật pháp còn."*

Xưa ở nước Xá Vệ, có một huyện nhân dân đều quy Tam bảo, phụng trì năm giới và thực hành mười thiện nghiệp của Phật dạy. Khắp huyện không bao giờ sát sanh, người uống rượu nấu rượu cũng không có.

Trong huyện, có một người con dòng dõi, sắp đi buôn tha phương. Trước khi đi, cha mẹ căn dặn rằng: "Con nên cố gắng siêng năng, giữ gìn 5 giới cấm, thực hành mười điều thiện và cẩn thận chớ uống rượu, phạm đến trọng giới của Phật."

Người con vui vẻ ra đi, khi qua tới xứ khác vừa gặp người bạn đồng học cùng nhau chuyện trò tương đắc vui vẻ lắm. Bạn mời về nhà, đem rượu Bồ đào ra đãi. Người ấy tự cười nói rằng: "Nước tôi toàn giữ năm giới cấm của Phật, không một ai dám uống rượu; vì nếu uống rượu thì đời sau phải ngu si đần độn không thấy được Phật. Và lại khi ra đi, cha mẹ tôi khuyên không nên uống rượu. Bây giờ tôi phạm giới cấm, thời trái mệnh lệnh của cha mẹ, tội ấy chẳng gì lớn bằng. Chúng ta là bạn thâm giao lâu ngày, được gặp nhau không gì mừng rỡ hơn nữa. Nhưng bạn chớ làm tôi phạm giới cấm của Phật và trái lời dạy của song thân tôi."

Người bạn tiếp lời: "Chúng ta là bạn đồng học một thầy, coi như anh em ruột; cha mẹ tôi cũng như cha mẹ anh, với cha mẹ, chúng ta có bốn phần kính thờ, không được trái mạng. Tôi nếu ở bên nhà anh là phải tuân theo ý muốn của cha mẹ anh, nhưng nay anh ở nhà tôi anh nên tùy thuận ý của cha mẹ tôi mới phải."

Trước sự khẩn khoản của lòng bạn, anh ta phải uống rượu, uống xong anh ta say luôn trong ba ngày, không biết gì, khi tỉnh anh ta ăn năn lo sợ vô cùng.

Công việc xong, người ấy trở về nhà trình lỗi của mình cho cha mẹ rõ; cha mẹ tức giận mắng rằng: "Người trái lời ta, phạm giới cấm thật là loạn pháp, không phải đứa con thảo." Tự nghĩ làm gương trước cho mọi người trong xứ, cha mẹ bèn thâu hết đồ đạc của đứa con, rồi đuổi ra khỏi



nhà. Người con bị đuổi bèn đi qua nước khác, xin ở đậu trong một cái nhà.

Chủ nhà ấy là người thờ phụng quỷ thần, thứ quỷ thần rất khôn ngoan, hay hiện ra thần người, ăn uống nói chuyện, chủ nhà ấy hết lòng tin tưởng với quỷ thần. Vì phải thờ phụng lâu năm mệt nhọc, của tiền hết sạch, trong nhà người đau chết xảy ra luôn, quỷ thần không cứu gì cả. Quỷ thần hiểu ý chủ nhà, liền bảo với nhau: "Nhà này của tiền hết sạch cũng chính vì ta. Đã lâu ta chưa làm gì được lợi ích cho chủ, nên chủ chán nản là phải lắm. Bây giờ chúng ta phải kiếm đồ trân bảo đem về biếu chủ, để chủ vui lòng." Nói rồi, cùng nhau đi lấy trộm vàng bạc trong kho nhà vua của nước khác, đem về giấu ở sau vườn rồi bảo chủ rằng: "Người có công nhọc, nay ta muốn ban phước cho người được giàu có. Sau vườn nhà người có một tráp vàng bạc, ta cho người đó." Chủ nhà ra vườn tìm thấy tráp vàng, sung sướng lắm, sáng sớm thiết tiệc rất long trọng mời thần tạ ân.

Thần vừa đến cửa, thấy trong nhà có bóng người ở nước Xá Vệ, liền tránh không đi vào. Chủ nhà chạy theo cố mời trở lại. Thần trả lời: "Trong nhà người có vị Tôn khách ta đâu dám vào." Nói xong rồi tỏ vẻ sợ hãi rồi bỏ chạy. Chủ nhà nghĩ trong nhà chỉ có một mình người khách này thôi, liền kính cẩn đến thưa rằng: "Xin mời ngài đến dự tiệc với chúng tôi cho vui." Ăn uống xong chủ nhà hỏi vị Tôn khách rằng: "Ngài có công đức gì mà vị thần của tôi thờ phụng sợ hãi ngài mà phải tránh đi?"

Vị Tôn khách trả lời: "Tôi chỉ có công đức thọ trì 5 giới và mười điều thiện của Đức Phật. Tôi vì phạm một giới uống rượu, bị cha mẹ đuổi, qua trọ tại đây. Nhưng còn giữ được bốn giới nên thiên thần ủng hộ, còn thần của người thờ phụng là thứ tà thần ác quỷ làm sao sánh kịp."

Chủ nhà thưa rằng: "Tôi thờ các vị thần đã lâu rồi, không có lợi ích gì nên tôi chán quá, mong ngài hoan hỷ dạy cho." Nói rồi bèn theo vị Tôn khách thọ trì Tam quy Ngũ giới và pháp thập thiện. Thọ xong một lòng tinh tấn siêng năng phụng trì không hề hủy phạm. Một hôm hỏi vị Tôn khách rằng: "Đức Phật hiện nay ở đâu? Có



thể đến yết kiến Ngài được không?” Tôn khách trả lời: “Đức Phật hiện nay ở nước Xá Vệ trong vườn Cấp Cô Độc, qua đó sẽ được yết kiến Ngài.”

Nghe vậy, người chủ nhà rất sung sướng, quyết qua Xá Vệ để yết kiến Phật. Giữa đường trời tối ghé lại xin trọ một nhà thiếu nữ xinh đẹp. Thiếu nữ ấy chính là vợ của một con quỳ ăn thịt người. Thiếu nữ liền can rằng: “Ông chớ ở lại đây nên đi gấp tốt hơn.” Người ấy hỏi có gì nguy hiểm chẳng? Thiếu nữ tỏ ý không bằng lòng nói rằng: “Tôi đã nói với ông như vậy, ông còn hỏi làm gì nữa.” Người kia tự nghĩ: “Người ở nước Xá Vệ chỉ giữ 4 giới của Phật còn khiến cho quý thân sợ hãi thay, huống chi ta đã thọ trì chắc chắn pháp Tam quy Ngũ giới và Thập thiện của Phật.” Nghĩ vậy, nhất định ở lại không chịu đi. Đêm ấy con quỳ ăn thịt người về nhà thấy có khách oai thần và công đức trì giới nên phải lẩn quẩn ngoài hè, rồi đi trọ một đêm nơi nhà hàng xóm cách xa tới bốn mươi dặm. Sớm mai người ấy lên đường để qua Xá Vệ. Ra khỏi cửa ngõ, thấy thân chết xương máu đầy đường, do quỳ ăn thịt người đã ăn xá.

Cảnh tượng ấy khiến người kia quá sợ hãi và hối hận rằng: “Nước ta sẵn đủ áo mặc, cơm ăn, nhà ở, không thiếu món chi ở trong nhà chẳng sướng hơn sao? Ta tưởng đến được yết kiến Phật và coi sự kỳ diệu của Ngài, ngờ đâu lại gặp hải cốt rùng rợn như vậy.” Nghĩ xong chàng sanh ác ý, trở về khuyên người thiếu nữ kia theo mình trở về nước, cùng nhau chung sống trăm năm. Khi về ngay nhà thiếu nữ xin ở lại. Thiếu phụ hỏi: “Sao ông phải trở lui vậy?” Người kia đáp: “Hành kế không thành nên tôi phải trở lui, mong thiếu nữ cho tôi ở tạm một đêm.” Thiếu nữ nói: “Ông ở đây chắc chắn phải chết vì chồng tôi. Chồng tôi là quỳ ăn thịt người và sắp về đến. Ông nên đi gấp tốt hơn.” Người ấy không tin, nản nỉ xin ở lại cho được và trước sắp đẹp của thiếu nữ, người ấy khởi nhiều ý niệm không tốt đẹp, không còn tin pháp Tam quy Ngũ giới và thập thiện của Phật.

Vị thiện thần hộ giới liền bỏ đi không ủng hộ cho người ấy nữa.

Quý ăn thịt người được dịp thuận tiện trở về. Thiếu phụ sợ chồng ăn thịt người kia tội nghiệp nên đem lòng thương hại, giấu người kia trong một cái lu. Quý bắt hơi người bảo vợ: “Mình có kiếm được thịt người phải không? Bây giờ ta thèm lắm.” Vợ trả lời: “Tôi không đi đâu cả làm chi có thịt, sao hôm qua không thấy anh về?” Con quỳ nói: “Hôm qua trong nhà có vị Tôn khách nên ta phải đi tránh.” Người ở trong lu nghe vậy càng thêm sợ hãi, đến nỗi không nhớ gì đến pháp Tam quy Ngũ giới của mình thọ. Người vợ hỏi tiếp: “Vì lẽ gì anh không kiếm được thịt?” Quý trả lời: “Vì trong nhà có đệ tử của Phật ở lại, nên thiên thần đuổi ta đi xa ngoài bốn mươi dặm, phải ngủ trống giữa trời một đêm rất là sợ hãi, đến bây giờ vẫn chưa hoàn hồn, cho nên không kiếm thịt được.” Người vợ nghe vậy rất mừng thầm, mới hỏi chồng làm thế nào được nghe và phụng trì giới cấm của Phật?” Quý trả lời: “Bây giờ ta đói lắm, lấy thịt cho ta ăn đã, không nên hỏi việc ấy vội. Giới là pháp vô thượng chân chánh của Đức Như Lai, ta đâu dám nói đến.” Người vợ cố năn nỉ: “Anh hãy vì tôi nói đi, tôi sẽ lấy thịt anh ăn.” Giống quỳ tham ăn đã sẵn, thêm ăn lắm, lại thêm vợ cố hỏi, buộc phải nói Tam quy Ngũ giới cho vợ nghe.

Pháp Tam quy là:

- 1/ Quy y Phật
- 2/ Quy y Pháp
- 3/ Quy y Tăng

Ngũ giới là:

- 1/ Không sát sinh
- 2/ Không trộm cắp
- 3/ Không tà dâm
- 4/ Không nói dối
- 5/ Không uống rượu.

Khi quý vừa nói giới đầu, người vợ nghe liền định tâm lĩnh thọ, lần lượt nói hết 5 giới, thì vợ quý rất sung sướng nhất tâm chấp trì, và miệng đọc tụng không nghỉ. Người giấu ở trong lu nghe lại được pháp Tam quy Ngũ giới rất lấy làm hồ thẹn và vui mừng, tự tâm lĩnh thọ trở lại.

Thiên Đế Thích biết hai người này đã phát tâm quy y Phật, thọ trì 5 giới, bèn lựa 50 vị thiên thần đến ủng hộ hai người ấy. Quý ăn thịt người sợ hãi phải trốn đi nơi khác.

Đến sáng, vợ quý hỏi người giấu ở trong lu: “Những chuyện vừa qua ông có sợ không?” Người kia trả lời: “Sợ lắm, nhưng được cái may là nhờ ơn ân giả, mà tôi ngày nay được hiểu biết oai thần và công đức giới pháp của Phật!”

Vợ hỏi quý tiếp: “Hôm qua ông trở lui làm gì vậy?”

“Vì tôi thấy hải cốt đầy đường nên quá sợ hãi phải trở lui.”

Vợ quý mới nói rằng: “Hải cốt đó chính tôi bỏ đấy.” Tôi đây vốn con nhà lương thiện, không may bị quý bắt đem về làm vợ, tôi buồn khổ vô cùng, nhưng chẳng biết tỏ cùng ai. Nhờ



ơn nhân giả tôi được thọ năm giới cấm của Phật và được xa lánh con quỷ ác độc này thật là hạnh phúc cho tôi. Bây giờ nhân giả còn đi đâu nữa?

"Tôi cần qua nước Xá Vệ để yết kiến Phật."

Thiếu nữ nghe lấy rất làm sung sướng khen rằng:

"Hay lắm thay! Tôi sẽ về nhà đem cha mẹ tôi theo nhân giả đi yết kiến Phật."

Nói xong, cùng nhau lên đường. Đi được nửa đường thì gặp một đoàn 498 người ở bên nước Xá Vệ đi về. Người kia và thiếu nữ mới hỏi: "Các hiền giả đi đâu đông thế?"

"Chúng tôi đi yết kiến Phật về đây."

"Chúng tôi sắp qua nước Xá Vệ, chúng tôi nhờ thọ trì Tam quy Ngũ giới và mười điều thiện của Phật nên mới thoát khỏi nạn quỷ ăn thịt. Nay chúng tôi muốn qua yết kiến để tạ ơn và nghe thuyết pháp. Các hiền giả được thấy Phật rồi còn đi đâu làm gì nữa?"

"Phật thuyết pháp suốt ngày, nhưng chúng tôi ngu độn chưa hiểu được rõ. Nay trở về nước được gặp hai hiền giả và được nghe hai hiền giả cho biết công đức của người trì giới pháp của Phật. Chúng tôi xin theo hai hiền giả trở lui một lần nữa để yết kiến Phật."

Phật ở xa trông thấy đoàn người kéo đến liền mỉm cười chói tỏa hào quang năm sắc, tôn giả A Nan liền bước ra quì sát đất, trong tâm

nghĩ ngợi, chắc Phật sắp dạy điều gì đây.

Phật bảo A Nan: "Người có hiểu không, người có thấy 498 người khi này trở về đây không?"

A Nan thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy."

Đức Phật thuật lại tất cả việc xảy ra và bảo: "498 người đó ngày nay đã gặp được thầy và đã được thấy Phật, rồi đây họ sẽ đắc đạo không lâu."

Cả 500 người đến trước Phật đánh lễ một cách rất thành kính và nhất tâm thính Pháp. Mọi người đều được tâm ý thông suốt thành các bậc Sa môn và chứng được đạo quả A La Hán.

Phật dạy A Nan và chúng hội rằng: "Các người nên biết người phạm giới kia với thiếu nữ vợ con quý ăn thịt người là anh em trong nhiều đời vậy. Hai người này đời trước chính là thầy của 498 người kia đó, chớ không phải ai xa lạ."

Người đời phát tâm tu hành cầu đạo, thọ trì giới pháp, cần gặp được thầy hiền bạn tốt sự tu hành mới mong kết quả.

Phật dạy đến đây, các vị Tỳ kheo, 500 người ấy; và tất cả chúng hội đều sung sướng vui mừng, đánh lễ Phật, và nguyện nhất tâm giữ gìn tịnh giới.

Chân Thuyên

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Sáu

Sống ở viện đâu chừng nửa tháng thì tôi đâm ra chán ngấy chuyện dưỡng bệnh. Thật ra tôi có còn bệnh hoạn gì nữa đâu. Những cơn bệnh trước đây chỉ là ngoại thương, duy có căn bệnh đau bao tử có thể gọi là kinh niên, nhưng cũng đã dịu đi rồi. Tôi không muốn chỉ nằm không, đi dạo, ngắm cảnh... nữa. Tôi muốn tìm cái gì vui thú hơn, bèn theo thầy Thông Chánh đến thư viện của viện để mượn sách.

Thư viện do thầy Tuệ Sỹ phụ trách trông coi, chỉ mở cửa sau giờ cơm buổi chiều, hoặc khi có thầy ấy ngồi khảo cứu trong đó. Kinh sách đủ loại. Ngoài các bộ kinh đồ sộ của Phật giáo như Đại Bát Nhã, Đại Tạng và Tục Tạng Kinh bằng Hán văn và Phạn văn, còn có hàng chục ngàn sách báo phổ thông, từ loại biên khảo, đến các tác phẩm văn chương, tư tưởng triết học cho đến các truyện tiểu thuyết tình cảm, xã hội v.v... chẳng thiếu thể loại nào. Sách ngoại ngữ (Anh, Pháp, Đức, Nhật...) cũng đầy hai tủ lớn. Tôi chưa có trình độ sinh ngữ để đọc thẳng sách ngoại ngữ nên chỉ tìm đọc các tác phẩm và tác giả ngoại hạng trên thế giới qua các bản dịch Việt ngữ.

Nghe nói sách của thư viện đã bị thất thoát khá nhiều vì có một bận lộn xộn trước biến cố tháng 4 năm 1975, thư viện chẳng có ai trông coi. Vậy mà số sách còn lại của thư viện cũng đủ làm tôi choáng ngợp. Thư viện này đã lập từ lâu, từ khi tôi chưa xuất gia. Năm, sáu năm trước, lúc tôi còn làm chú tiểu ở đây, tôi cũng biết có thư viện nhưng đâu có thì giờ và cũng chưa đủ trình độ để tự tìm đọc sách báo từ thư viện. Mấy năm tu học ở Hội An, rồi làm ruộng rẫy, tôi cũng chưa có cơ hội nào được vào một thư viện để tìm sách đọc. Bây giờ, lần đầu tiên đứng trước một rừng sách, tôi không khỏi rung động, sáng rỡ cả đôi mắt. Tôi ham hồ mượn cả chồng sách đem về phòng đọc. Vì là người trong viện, tôi không cần phải làm thẻ hay thủ tục gì rườm rà. Thầy Tuệ Sỹ chỉ việc ghi tên tôi vào sổ mượn sách với các tên sách muốn mượn, vậy là xong.

Sách đem về, tôi đọc ngẫu nhiên một tuần, mười bữa, rồi đem trả, mượn sách khác. Cứ tưởng theo đà đó thì sẽ đọc được hết các sách Việt ngữ của thư viện. Nhưng thầy Thông Chánh nghĩ sao đó, cho rằng chuyện đọc sách tầm lum, không có kế hoạch, không có chương trình như

vậy chẳng được ổn, bèn tính đến chuyện kèm học cho riêng tôi. Ban đầu, chưa soạn được một chương trình thích hợp, thầy tạm thời dạy thêm Anh ngữ cho tôi. Nhưng chỉ một thời gian sau, thầy đề nghị tôi học môn này với thầy Phước An, còn thầy ấy thì dạy kèm tôi môn Hán văn. Thầy Phước An dạy tôi Anh ngữ qua cuốn *Kinh Tân Ước* của Thiên Chúa giáo. Thầy Phước An có dụng ý gì trong việc chọn Kinh Tân Ước làm sách dạy thì tôi không biết; chứ riêng tôi, tôi rõ biết trình độ của mình lúc đó, dù có cởi mở cách mấy cũng không nuốt trôi nổi bản kinh của một tôn giáo khác được viết bằng Anh ngữ cổ. Cuối cùng, xét vì chỉ có thầy Tuệ Sỹ với sức học uyên bác mới có thể dạy được nhiều môn học và dạy đủ mọi trình độ trong thời gian dài lâu, thầy Thông Chánh đề nghị giao tôi cho thầy Tuệ Sỹ kèm dạy và quyết định mọi thứ liên quan đến việc học của tôi. Nghe đề nghị như vậy, tôi rất thích. Vậy là sau khi thưa chuyện với thầy Tuệ Sỹ và được sự đồng ý, thầy Thông Chánh đưa tôi đến phòng riêng của thầy Tuệ Sỹ để học. Chương trình học do thầy Tuệ Sỹ soạn lấy, dựa vào trình độ của tôi qua sự thử nghiệm của thầy. Cách thử nghiệm cũng

đơn giản lắm: thầy đưa tôi một tập trong Đại Tạng Kinh (bản Hán), bảo tự dịch thử cái tựa của *A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận*. Tôi đem về dịch trong vòng một ngày, tối đem lên trình. Thầy đọc qua, cười; bảo rằng giọng văn của tôi là giọng văn để sáng tác văn chương chứ không phải để dịch kinh hay dịch cái gì có tính cách nghiêm túc như loại biên khảo, nghị luận. Vậy là, trong môn Hán văn, thay vì dạy tôi bằng kinh luận Phật giáo, thầy dạy tôi thơ Đường. Nhưng trong môn kinh luận Phật giáo, thầy cũng giảng tôi nghe *kinh Lăng Già* qua bản Hán văn, bắt tôi học và dịch từng chữ từng câu một trước khi nghe thầy giảng giải nghĩa lý sâu xa bên trong – một sự sắp xếp cân bằng, hợp lý; vừa tránh sự cục bộ, vừa giữ lấy được cái gốc. Ngoài môn Hán văn và kinh Lăng Già, thầy còn dạy tôi Anh ngữ nữa. Ba môn học, sáu buổi dạy. Nghỉ được ngày chủ nhật. Tôi khá bận rộn vào thời gian đó vì tuy chỉ có ba môn nhưng bài vở của thầy Tuệ Sỹ cho rất nhiều. Thầy Tuệ Sỹ là một nhà thông thái trẻ tuổi của Phật giáo, có trí thông minh học một biết mười rất đáng nể. Với sức thông minh kinh người đó, thầy tưởng ai cũng có thể học nhanh, hay đúng hơn, thầy

mong đợi người khác cũng thông minh như thầy nên cho bài học thật nhiều. Tôi phải vất vả chạy đuổi theo mới thanh toán kịp để khỏi bị rầy trách.

Học được với thầy Tuệ Sỹ đầu chừng một tháng thì một chiều nọ, công an thành phố, mười mấy người, lên viện bao vây, lục xét, kiểm tra nhân số thường trú của viện (họ gọi là nhân hộ khẩu thường trú). Lúc đó tôi vừa học xong, rời phòng thầy Tuệ Sỹ trở về phòng riêng. Nửa đường, ghé vào phòng chú Phượng, người sư huynh đồng môn. Phòng chú Phượng là một cái phòng nhỏ xíu như cái kho chứa đồ linh tinh, nằm bên hông phía sau của phòng khách và tổ đường. Hai đứa chúng tôi ngồi trò chuyện với nhau trong khoảng thời gian công an xét chùa mà chẳng hay biết gì cả. Công an đi lung các dãy phòng tầng phía trên, lùa hết quý thầy quý chú xuống phòng khách. Cả thầy Tuệ Sỹ cũng bị mời xuống trình diện tại phòng khách để kiểm tra. Nói chuyện một lúc, chú Phượng bỏ tôi ngồi đó để xuống bếp lấy nước sôi chế trà. Tôi ngồi nơi bàn học của chú, lấy sách đọc. Xuống bếp, chú Phượng bị công an mời luôn qua phòng khách để "làm việc."

Chỉ còn mình tôi là vô tình chẳng hay biết, cứ ngồi ung dung đọc sách chờ chú Phượng lấy nước sôi châm bình trà mới.

Khi công an rút đi rồi, chú Phượng trở về phòng và nhớ sự kiện là nãy giờ tôi hãy còn ngồi đấy.

"Ua, chú còn ở đây à? À, té ra nãy giờ chú đâu có ra trình diện đám công an thành phố hả?"

"Trình diện gì? Chờ trà của chú đó."

"Không biết thực à? Mô Phật, nãy giờ họ lục xét, kiểm tra tùm lum mà chú ngồi đây đọc sách tà tà như vậy, còn chờ trà nữa, sướng chưa!"

"Có chuyện đó sao! Tôi đâu có biết. Mà kiểm tra gì vậy?"

"Kiểm tra những người có tên trong hộ khẩu của viện. Ở, chú đâu có phải dân thường trú ở đây, vậy chú đâu cần phải ra gặp họ làm gì."

"Tôi không phải dân thường trú. Ừ nhỉ, phải xin ghi tên vào hộ khẩu mới được gọi là thường trú. À, tôi không thường trú, tôi chỉ là kẻ sống tạm. Thế giới này không phải là chỗ thường trú của tôi."

Chú Phượng cười nói:

"Từ ngữ bây giờ gọi chú là dân tạm trú đó, chú à."

"Tạm trú hả? Hay đó chứ. Tạm trú trong cõi tạm, ha ha."

Té ra có một cuộc kiểm tra nhanh chóng vừa diễn ra trong viện. Cuộc kiểm tra này vì nhằm vào ban ngày nên chủ yếu là xem những người có tên trong hộ khẩu (tức Tờ Khai Gia Đình của chế độ trước) có đủ mặt hay không. Có lẽ vì vậy mà tổ công an không để ý đến những người khách viếng chùa cũng như những người đang sống trong chùa mà không có tên trong hộ khẩu như tôi. Dù sao, nếu họ tìm thấy tôi trong phòng chú Phượng, hẳn là họ cũng lôi tôi ra ngoài thẩm tra giấy tờ, rất là phiền phức. Có thể họ sẽ đuổi tôi trở về "nguyên quán," mà nguyên quán theo họ, có nghĩa là địa phương mà một người dân được coi là cư dân thường trú và có tên chính thức trong một tờ hộ khẩu ở





chính địa phương đó. Họ sẽ không chấp nhận tôi ở viện Hải Đức này vì tôi chỉ hợp lệ với tờ hộ khẩu của chùa Long Tuyền ngoài Hội An mà thôi. Trong thế giới hữu hạn và trần tục, hình như càng mong đợi nhiều "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" chừng nào thì lại càng chuốc lấy nhiều sự lệ thuộc, tù túng và khổ đau chừng nấy. Ngày rời Hội An, tôi có đi theo chú Tử đến công an Ấp, Ủy Ban Nhân Dân Xã và Thị Xã để xin giấy thông hành vào Nha Trang. Ủy Ban Xã không cho tôi đi, giữ đơn của tôi lại, bảo chờ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh xét. Tôi không cần chờ nữa, cứ bỏ đi. Bây giờ, tôi chẳng có giấy tờ gì hợp lệ đối với chính quyền địa phương tại Nha Trang mà có thể là cũng đã mất luôn sự hợp lệ đối với chính quyền Hội An, Quảng Nam nữa. Điều này rõ là phiền nếu công an Nha Trang hỏi tới giấy thông hành của tôi.

Vào buổi cơm chiều của ngày đó, thầy Hải Tuệ nhìn tôi với vẻ lo lắng. Rồi thầy nói với thầy Phước Châu, vị quản chúng mà cũng là người có trách nhiệm phụ tá thầy tôi để lo các công việc hành chánh, sổ sách của viện:

"Chú Khang từ Hội An về. Không biết vấn đề hộ khẩu lo làm sao?"

"Dạ... chắc để hỏi ý ông Điệp xem sao. Nghe ông nói sắp có đợt làm lại hộ khẩu mới

để cho những người tạm trú được vào thường trú chính thức nên mới có vụ xét chùa hồi xế chiều vừa qua. Nếu đúng là có làm hộ khẩu mới, mình nói ông ấy xin ghi tên chú Khang vào luôn thể."

Ông Điệp là ai tôi chẳng biết. Nghe nói gia đình ông xuất hiện ở viện từ lúc lộn xộn đầu năm 1975, được viện cho ở tạm nơi kho gạo củi dưới chân núi. Nói rằng kho chứa thực ra nơi này trước kia là một dãy nhà gọi là *Tịnh nghiệp đường*, được dùng làm chỗ tu học và tịnh trú cho các thiện nam tín nữ phát nguyện thọ Bát quan trai giới mỗi tháng, do đó ngoài chỗ thờ Phật còn có phòng ngủ riêng ở phía sau, đầy đủ tiện nghi điện nước. Từ những năm chiến tranh, *Tịnh nghiệp đường* trở thành nơi tạm trú cho một vài gia đình Phật-tử thân tín có công với viện di cư từ Huế hay Quảng Trị vào. Và cũng từ đó, *Tịnh nghiệp đường* tạm thời biến thành kho. Khi gia đình ông Điệp đến thì dãy kho đang bỏ trống, viện cho họ ở tạm. Gia đình ông Điệp chỉ có hai vợ chồng không con, ở tạm như vậy cũng thoải mái. Nhưng đến khi "*cách mạng vào*," gia đình ông ở luôn đó, không đi đâu nữa. Cuối cùng, kho gạo củi của viện trở thành nhà ông Điệp. Ông Điệp làm hẳn hộ khẩu riêng của gia đình ông tại dãy nhà kho đó, không những vậy, ông còn trở thành tổ trưởng tổ dân phố của xóm nhà sát chân núi và bao gồm luôn cả hộ khẩu của viện Hải Đức nữa. Từ đó, gạo của viện có mua về thì đưa thẳng lên nhà bếp của viện, còn củi thì chứa trong ga-ra bỏ phế đối diện dãy nhà kho chứ không dám phiền gia đình ông coi sóc nữa - ga-ra trước kia chứa hai chiếc xe của viện, nay xe đã bị nhà nước trưng thu nên biến thành nhà chứa củi cho tiện. Chỉ còn một phòng nhỏ của dãy kho ba gian là được dùng làm nơi cho quý thầy trên viện gói xe đạp.

Ngày hôm sau, thầy Hải

Tuệ cho mời ông Điệp lên viện để nói chuyện về tôi. Điều này trông có vẻ như là nhà chùa phải xin phải phép một ông tổ trưởng thế tục để cho một người xuất gia được ở lại tu học. Đầu óc cố chấp và khinh bạc của tôi vốn không chịu được cái điều ngược ngạo ấy. Cho nên khi chú Lịch, một chú tiểu mới xuất gia, sư đệ của tôi, đến gõ cửa gọi tôi ra phòng khách để ông Điệp xem mặt, tôi không đi. Thực ra theo thầy Thông Chánh cho tôi biết, tổ trưởng không có quyền hạn gì trong việc lập hộ khẩu của hộ thường trú khác. Vậy mà không hiểu sao, thầy tôi lại cứ muốn hỏi ý ông Điệp.

"Thưa với thầy là không có tôi ở đây," tôi dặn chú Lịch.

"Lỡ thầy bảo đi tìm thì sao?"

"Nói là tìm hoài không thấy."

"Ghê quá, nói dối với thầy em sợ..."

"Đây không phải là nói dối với thầy. Đây là giữ thể diện cho viện đó, chú không biết à? Ông Điệp này là cái gì mà hách sách đòi thầy phải đưa cho gặp người này người kia rồi mới nói chuyện! Thầy chỉ cần cho ông ấy biết là có một người mới đến, khi nào làm hộ khẩu mới thì ghi thêm tên người ấy vào, đưa xuống cho công an chứng nhận. Bộ có ông Điệp xem mặt rồi thì công an mới chứng nhận sao?"

Chú Lịch ra trình với thầy là tôi vắng mặt. Hình như ông Điệp không tin, hoặc cho rằng việc tôi vắng mặt là thiếu lễ phép với ông thì phải, nên sau một lúc nói chuyện với thầy tôi, ông cứ một mực khẳng quyết là chuyện hộ khẩu của tôi không thể làm được. Chú Lịch đứng hầu quạt cho thầy tôi, đã kể lại tôi nghe.

"Trường hợp chú Khang này, tôi thấy chắc khó mà vào hộ khẩu của viện được đấy thầy ạ," ông Điệp nói.

"Sao vậy? Hồi trước chú ấy ở đây mà. Trong Tờ Khai Gia Đình của chế độ cũ có tên chú hẳn hoi. Chú đi học ở Hội An nay trở về lại thì phải dễ dàng chứ," thầy tôi hỏi lại.

“Thì... thì tại chú không có mặt ở đây lúc kê khai hộ khẩu. Tờ Khai Gia Đình hồi xưa bây giờ có giá trị gì đâu. Lúc kê khai hộ khẩu thì ai ở đâu ở yên đó. Nguyên quán chú ở Hội An thì nay cứ trở về Hội An chứ đâu có việc gì phải trở về Nha Trang.”

“Nguyên quán của chú ấy là Nha Trang đó bác, chẳng phải ở Hội An đâu.”

“Hộ khẩu ở đâu là nguyên quán ở đó. Chắc chú ấy đã có hộ khẩu ngoài Hội An, vậy cứ để chú ở Hội An đi, về Nha Trang làm gì rắc rối lắm.”

“Bởi nghĩ là có rắc rối nên mới hỏi ý bác xem có cách nào không? Chú ấy bị bệnh mà, ở ngoài đó đâu có đủ tiện nghi bằng trong này. Bây giờ chỉ muốn xin ghi tên cho chú ấy được tạm trú thôi. Khi lập hộ khẩu mới chắc chính quyền cũng cho chú vào chính thức thường trú luôn.”

“Hộ khẩu của viện hiện nay trên hai chục người. Càng đông càng khó vào thêm. Nhà nước họ đâu muốn tập trung đông đảo, nhất là quý thầy quý chú ở đây đa phần năm trong tuổi thanh niên. Khó lắm thầy ạ. Tạm trú cũng không được nữa chi thường trú. Sao chú ấy không chịu ở yên ngoài đó, lại chạy vào đây làm gì thế. Có được hộ khẩu ngoài Hội An là may phước lắm rồi, còn dờn dỗi làm gì cho sinh chuyện.”

“Tôi nói với bác rồi, tại chú ấy bệnh nên tôi mới gọi về đây.”

“Ôi trời, thầy khéo lo. Ở đâu cũng có bệnh viện của nhà nước lo cả rồi, ngoài đây hay ở trong này cũng vậy thôi.”

“Bệnh viện nhà nước à? Ôi chao, có thuốc men gì đâu. Quý thầy ở viện đây có bệnh cũng do viện tự lo thuốc lấy chứ có bệnh viện nào có thuốc tốt mà chữa trị. Ở đây chữa toàn thuốc tư, bác sĩ tư cả đó bác à.”

Ông Điệp ngưng một lúc rồi cũng kết luận:

“Tôi nghĩ công an không cho chú ấy nhập khẩu của viện đâu. May ra thầy có xin

cho chú nhập hộ khẩu ở một chùa nào đó ít người. Viện đông lắm rồi.”

Thầy tôi thở dài:

“Hai chục người thì có gì mà đông. Bác không nhớ hồi trước ở đây có trên hai trăm người sao?”

“Hồi đó khác, hồi này khác...”

Chú Lịch chỉ nghe ngang đó thì trở lại phòng tôi, kể tôi nghe. Buổi chiều, sau giờ ăn, thầy Hải Tuệ gọi tôi, dạy:

“Chuyện xin cho con vào hộ khẩu của viện, theo cách ông Điệp nói, chắc là không được. Vì người ta không thích viện mình đông người. Giảm đi thì dễ dàng chứ tăng thêm thì khó lòng lắm. Cho nên, thầy tính là mai một con qua chùa Linh Phong xin thầy Trùng Hùng cho ghi tên vào hộ khẩu bên đó. Chỉ xin ghi tên vào hộ khẩu thôi, còn ở thì cứ ở đây. Ban đầu thì xin tạm trú. Đến đợt khai hộ khẩu mới, họ sẽ chứng nhận cho con được thường trú luôn. Thầy nghĩ đó là cách hay nhất. Thầy Trùng Hùng nể thầy sẽ hết lòng lo cho con chuyện đó. À, trước kia con cũng đã từng tu học ở chùa Linh Phong một thời gian mà, phải không? Thôi, mình chỉ mong được yên ổn tu học, người ta muốn sao thì mình cứ làm theo phép tắc của họ cho xong đi. Ăn năn, chịu khó mới có điều kiện tốt mà tu học được.”

“Dạ,” tôi đáp.

Tôi chỉ có thể cứng đầu cứng cổ với người khác, chứ với thầy tôi thì tôi chẳng bao giờ cứng đầu nổi. Thầy dạy sao thì nghe vậy, chẳng dám có ý kiến gì.

Hôm sau, tôi cùng thầy Thông Chánh qua chùa Linh Phong, tức là chùa Núi. Năm năm trước tôi được thầy tôi gửi đến đây để học làm một chú tiểu ở chùa nhỏ thay vì làm một chú tiểu thành thoi ở viện Hải Đức. Thầy Thông Chánh là người biết rõ nhất chuyện thầy Trùng Hùng xưa kia đối xử không được tốt với tôi nên trên đường đi, thầy có vẻ e ngại dùm tôi:



“Thiệt là oan gia đường hẹp! Rốt cuộc rồi cũng đâm đầu vào chỗ ông Trùng Hùng. Thôi kệ, cứ làm cho được cái hộ khẩu cho yên thân đi. Thầy Trùng Hùng bây giờ chắc cũng đổi tính rồi chứ không như trước nữa đâu. Với lại chú đậu có xin ở chùa Núi đâu, chú vẫn ở viện mà.”

“Đâu có sao thầy. Con không nghĩ hay lo sợ gì chuyện thầy Trùng Hùng. Chỉ thấy không vui khi người xuất gia mình, hay nói chung là các chùa mình, phải bị kiểm soát chặt chẽ, phải chịu sự lệ thuộc vào các lễ luật của thế gian nhiều quá.”

Thầy Thông Chánh im lặng không nói gì. Chúng tôi đi thêm một đoạn đường dài nữa thì đến chân chùa Núi, rồi phải leo mấy trăm bậc tam cấp nữa mới đến chùa Linh Phong.

Chúng tôi không vội vào trong, ngồi nghỉ mệt dưới hai tàng cây rộng của hai cây me cổ thụ hai bên tam quan. Ngồi đây có thể thấy được xe cộ qua lại trên quốc lộ I và khóm nhà dọc theo con đường dẫn vào viện Hải Đức. Từ một vị trí cao, quan sát thiên hạ sinh hoạt, di động, là một trò chơi vô cùng thú vị của những kẻ kiêu kỳ và nhiều cao vọng. Khi con người dưới mắt mình nhỏ bé như con kiến, sự vận chuyển cử động của họ trở nên buồn cười và hèn mọn. Riêng tôi, lúc nào nhìn ngắm cảnh người và vật từ núi cao, tôi đều cảm thấy tinh thần mình phần chẵn, vươn lên, có cảm giác như mình bỗng trở nên cao thượng và vượt hẳn những

buộc ràng của thế gian dưới núi. Tôi nói với thầy Thông Chánh:

“Đúng ra người xuất gia chúng ta phải ở trong một hoàn cảnh khác hơn. Không thể bị ràng buộc bởi các qui chế và luật tắc của thế gian.”

“Muốn vậy thì phải... ở trong rừng sâu hoặc ở tít trên những núi cao, nơi không có bóng dáng và sinh hoạt của con người.”

“Phải. Chứ thầy nghĩ xem... các chùa mình phải cúi đầu tuân phục những anh công an địa phương thì chán quá đi!”

“Sống trong quốc gia nào mình phải chịu các cái phép tắc thông lệ của quốc gia đó chứ đâu có trường hợp ngoại lệ được.”

“Bởi vậy mới nói là chán quá đi! Mấy anh công an học một văn minh của xã hội chủ nghĩa, nói chuyện với quý hòa thượng, thượng tọa cao niên chỉ gọi *anh* xưng *tôi*, lại ra vẻ quan quyền, kên kiệu, hống hách. Truyền thống sa môn lâu nay không cúi đầu trước vương quyền, nay phải xuống nước với mấy anh công an ít học... còn gì là chí nguyện xuất trần nữa...”

Tôi nói đến đó thì máu nóng bùng dậy. Thầy Thông Chánh tỏ ý lo ngại, và hình như thầy không thích tôi để ý chi đến những vấn đề đại loại có liên quan đến chính quyền mới như vậy.

“Thôi, nói chuyện khác đi.”

Tôi ngồi một lúc, bỗng nhớ đến một bài thơ ngũ ngôn, tôi nói:

“Hồi đó chú Tâm Hạnh có làm bốn câu thơ chép tặng con, để con đọc thầy nghe:

*Mây giăng ngập đầu núi
Chí nguyện vượt núi rừng
Cô thân bên bờ suối
Không nhà kiếp vầy vùng.”*



Tôi đọc đến mấy chữ “không nhà kiếp vầy vùng” thì bỗng ứa nước mắt. Thầy Thông Chánh vỗ vai an ủi tôi:

“Tùy thời tùy cảnh mà sống và thể hiện bi nguyện của mình. Xã hội mới có những điều trái ý với mình, nhưng không phải rằng chính trong nghịch cảnh như vậy chí nguyện của mình mới trở nên kiên cường hơn sao?”

Tôi nghe được lời đó thì rúng động cả tâm can. Mười điều tâm niệm trong Luận Bảo Vương Tam Muội, tôi thuộc lòng từ lâu và thường đọc hàng ngày lúc còn ở Hội An; vậy mà từ khi về đến Nha Trang lại quên lãng, không hề đọc được tới một lần nữa. Nay nhờ thầy Thông Chánh nhắc lại một ý trong mười điều tâm niệm ấy, tâm tôi bừng nở ra, phấn khích vô cùng. Tôi mím môi ngược nhìn trời cao, đọc tiếp đoạn cuối trong mười điều tâm niệm:

“Ngày nay những người học đạo trước hết không chịu dẫn mình vào trong mọi sự trở ngại, nên khi trở ngại ập đến thì không thể đổi phó. Chánh pháp chí thượng, vì vậy mất hết, đáng tiếc đáng hận biết ngần nào!”

Ngồi thêm một lúc ở bậc tam cấp, chúng tôi mới vào trong để gặp thầy Trừng Hùng.

“A Di Đà Phật, thầy khỏe không?” thầy Thông Chánh chào trước.

“Mô Phật, lâu quá thầy mới qua chơi, a, có chú... Khang phải không? Chà, lớn quá nhỉ? Chú mới từ Hội An về đó hả?”

Tôi chấp tay chào thầy Trừng Hùng rồi đứng chờ thầy Thông Chánh thưa chuyện. Nghe chuyện, thầy Trừng Hùng hỏi:

“Thầy Hải Tuệ không qua được hở thầy?”

“Thầy bệnh. Thầy nhờ tôi qua nói dùm với thầy một tiếng để lo cho chú ấy sớm chừng nào tốt chừng nấy kéo sắp tới đợt làm hộ khẩu mới rồi. Nếu thầy muốn có thầy Hải Tuệ nói chuyện cho được

rõ ràng hơn thì để tôi về trình lại, hôm khác thầy Hải Tuệ khỏe sẽ qua thưa chuyện với thầy sau.”

“Đâu có, tôi chỉ hỏi thăm thầy ấy thôi. Ai nói lại chẳng được. Mình chú Khang qua đây còn nói được nữa là. Có thầy qua chơi là quý lắm rồi. Thôi, uống nước đi. Chuyện hộ khẩu cho chú Khang để thôi. Đây cũng có một chú từ Huế mới vào, tôi sẽ lo hộ khẩu luôn một thể.”

Dĩ nhiên thầy Trừng Hùng không thể nào quên được rằng ngôi chùa Linh Phong mà thầy ấy đang trụ trì là do thầy tôi ủy nhiệm. Thầy Hải Tuệ bổn sư của tôi mới đúng là vị trụ trì chính thức của ngôi chùa này. Sau vì bận rộn quá nhiều phật-sự, thầy tôi giao ngôi chùa Linh Phong này lại cho thầy Trừng Hùng. Nay thầy tôi chỉ nhờ vả thầy Trừng Hùng ghi tên tôi vào hộ khẩu với lời nhắn rằng dù sao trước kia tôi cũng là một chú tiểu từng tu học ở đây, tức là muốn đứng về mặt tình cảm để nhờ thầy ấy giúp đỡ chứ không hề lấy uy quyền cựu trụ trì để ép thầy Trừng Hùng giúp tôi. Vậy mà thầy Trừng Hùng vẫn cứ muốn theo nguyên tắc hành chánh, hay thứ nguyên tắc cứng nhắc do chính thầy tự đặt ra để tôn phò, thẳng thừng đòi hỏi thầy tôi bệnh hoạn phải đích thân hạ san (Hải Đức) để thượng san (Linh Phong) mà đến nói chuyện hộ khẩu cho tôi. Cũng may thầy Thông Chánh nhạy bén nhận biết, chọc thủng cái nguyên tắc đó khi nó vừa manh nha.

Để xã giao, thầy Thông Chánh và tôi theo thầy Trừng Hùng lên chánh điện lễ Phật và đi dạo quanh chùa để biết thêm những đổi mới sau nhiều năm không đặt chân đến. Xuống đến dãy nhà phía đông của chánh điện, tôi gặp hai chú, một chú pháp danh là Phước Đức, một chú pháp danh là Nguyên Thế. Chú Đức chính là người mà thầy Trừng Hùng nói là từ Huế mới vào. Chú Thế cũng từ Huế vào nhưng từ trước năm 1975. Chú Đức lớn hơn tôi khoảng năm,

sáu tuổi, đã thọ Sa Di thập giới (sa-di có thể phân làm hai hạng, một hạng là Sa di ngũ giới, tức chỉ giữ năm giới cấm, về hình thức thì sa-di hạng này gồm các chú tiểu còn để chòm, khi hành lễ chỉ mặc áo tràng lam; hạng thứ hai là Sa di thập giới, như chú Đức và tôi, giữ mười giới, đã cạo chòm, đắp y vô-tướng, gọi nôm na là "y trơn," nghĩa là loại ca-sa không có điều, không có những ô vuông như ca-sa của các thầy tỳ kheo). Chú Thế đầu chừng mười bốn mười lăm tuổi, còn để chòm. Chú Đức da ngâm đen, tướng vạm vỡ như lực sĩ; còn chú Thế thì da trắng xanh, ốm nhom. Trong khi thầy Thông Chánh trò chuyện với thầy Trường Hùng, tôi và chú Đức cũng trao đổi với nhau chuyện học hành, chuyện trường lớp trước năm 1975, và chúng tôi đã trở thành bạn hữu thật nhanh chóng. Nói chuyện với nhau một lúc, chú Đức kéo tôi ra sân, vừa đi vừa nói:

"Khi nãy chú nói chú được thầy Tuệ Sỹ kèm học, phải không? Vậy là chú may mắn lắm đó. Nghe nói mấy thầy bên viện cũng như ở các chùa có xin học mà thầy ấy không dạy. Chú có thể xin thầy ấy cho tôi học chung với chú không?"

"A, có người học chung thì vui lắm chứ. Nhưng tôi chẳng biết thầy ấy có chấp nhận không nữa. Để tôi dò ý trước xem sao."

"Chú nói thầy ấy dạy chú ba môn chứ gì. Tôi chỉ xin học ké môn kinh Lăng Già thôi. Nói thực, từ ngày Phật học viện tan rã đến giờ, chẳng được học một chữ nào cả, buồn quá. Ở đây, tối ngày cứ đi cúng, chẳng ra làm sao hết. Nếu chú xin được cho tôi học kinh Lăng Già, tôi cảm ơn chú hết sức đó."

Thấy chú Đức hiểu học, tôi thực cảm động. Chợt nghĩ đến tình cảnh của chú và chú Thế hôm nay, trong lòng bỗng nghe bùi ngùi thương cảm. Nhớ lại ngày xưa, có đạo chính tôi cũng đã trải qua nửa năm nơi ngôi chùa này. Những khó nhọc nào hồi đó thì bây giờ tôi



quên khuấy cả rồi, nhưng tôi chưa quên được rằng thầy Trường Hùng vốn là người rất thủ cựu, khó tính. Tuổi trẻ nào đem vào ngôi chùa Linh Phong do thầy ấy trụ trì thì chắc chắn là phải trở thành tuổi già một cách nhanh chóng. Tự dưng tôi bỗng ái ngại thay cho chú Đức và chú Thế. Tôi hứa với chú Đức ngay về việc xin học với thầy Tuệ Sỹ.

Tự tay thầy Trường Hùng ghi tên tôi vào sổ hộ khẩu, ở phần dưới của cuốn sổ dành cho những người khách tạm trú, nơi có sẵn tên của chú Đức. Như vậy, trong hộ khẩu chùa Linh Phong, chỉ có tôi và chú Đức là tạm trú. Thấy thầy Trường Hùng ghi tên tôi vào sổ hộ khẩu rồi, thầy Thông Chánh mới chịu yên tâm kéo tôi về. Nhưng nghe nói là thầy Trường Hùng cũng cần phải đem sổ hộ khẩu ấy xuống Ủy ban Nhân Dân địa phương để chứng nhận là có tên tôi mới được xin ghi vào, chứ không phải chủ hộ tự ghi là xong.

Qua ngày hôm sau, trong giờ học Anh ngữ, tôi xin phép thầy Tuệ Sỹ cho chú Đức cùng học với tôi môn kinh Lăng Già. Thầy có vẻ không được vui lắm, hơi do dự một

lúc rồi mới đồng ý. Chiều đó, tôi qua chùa Linh Phong báo cho chú Đức biết để cùng học với tôi môn kinh Lăng Già vào ngày kế tiếp. Thầy Trường Hùng biết được, gọi chú Đức lại, hỏi:

"Mi đã thuộc lòng hai thời công phu và bốn cuốn luật Sa di chưa? Có biết là kinh Lăng Già rất cao, tao đây học qua mà chưa nắm vững mà bây giờ học thì sẽ không hiểu chi hết chẳng!"

"Môn này do thầy Tuệ Sỹ giảng dạy thì lo gì chuyện không hiểu. Không hiểu thì hỏi, hỏi thì được giải thích thêm; hơn nữa, thầy ấy thừa biết trình độ người học để giảng giải chứ sao không! Chú Khang học được thì tôi cũng học được!"

"Thằng Khang đó à, hứ, hấn khác, mi khác. Hấn lúc nào cũng muốn đi bằng, đi tắt ngang, học ngoài chương trình, học thêm, học kèm, lộn xộn, mất hết căn bản! Mi muốn hư như hấn à?"

Tôi đang đứng nói chuyện với chú Thế, nghe được lời qua tiếng lại giữa hai người lại có nhắc đến mình là "thằng hư" thì cũng giật mình. Té ra, trong mắt thầy Trường Hùng, tôi là một đứa hư đốn, không có nền tảng...

Khi chú Đức đưa tôi ra cổng, tôi nói:

"Thôi, nếu chú không đi học được thì để tôi thưa lại với thầy Tuệ Sỹ. Nói thực với chú, tôi sợ thầy Trường Hùng cho rằng tôi rủ rê chú..."

"Xi, ông nói gì thì nói. Được học với thầy Tuệ Sỹ mà không học thì uổng!"

Vậy là từ đó, mỗi tuần một buổi, chú Đức qua viện Hải Đức học chung với tôi môn kinh Lăng Già. Tôi với chú càng lúc càng thân thiết với nhau hơn vì trong hoàn cảnh không có Phật học viện của những năm mới đổi thay chính quyền, tôi và chú là hai tu sĩ trẻ duy nhất ở Nha Trang đang cùng học chung "một lớp."

(còn tiếp)

Vĩnh Hào